Số 8 Tháng Hai, 1918
Số 9 Tháng 3, 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

CON ĐƯỜNG TIẾN-BỘ CỦA NƯỚC TA

(*Tiếp theo kỳ trước* (1))

Ôi ! việc học quan-hệ với dân ta như thế, mà sao chính-phủ bảo-hộ, lúc đầu chỉ lập trường Pháp-Việt để tạo-thành một bọn thông-ngôn, mãi hai chục năm ngoài mới chịu nghĩ đến vấn-đề giáo-dục ? Bởi vì cái điều-ước năm *giáp-thân* đời vua Kiến-phúc (năm 1884), nước Đại-Pháp nhận bảo-hộ nước ta, trách-nhiệm cốt là giữ cõi đất nước Nam cho trọn vẹn, dẹp loạn trong mà cản giặc ngoài ; lúc ấy trong nước ta chưa yên, toán thì khởi-nghĩa cự người Pháp, toán thì theo nguỵ khuấy rối thượng-du Bắc-kỳ ; chính-phủ Bảo-hộ còn phải lo dẹp giặc yên dân, chưa rảnh mà nói được sự giáo-dục. Tuy vậy, đương lúc binh-qua lật đật, mà phàm những công việc giao-thông, cũng đã bắt tay làm cả, nào là đặt giây thép, nào là làm đường sá, có ích về đường kinh-tế rất nhiều : người làm ruộng nhờ đó mà khai-khẩn được đất hoang ; người đi buôn nhờ đó mà chở chuyên được hàng hóa. Lúc trước ta không biết cái lợi giao-thông, trong nước chỉ có con đường thiên-lý tự Nam thông ra Bắc, đường không rải đá, chỗ cách sông cách ngòi lại không bắc cầu, xe đi không tiện ; còn những đường trong các hạt, hẹp nhỏ quanh queo, đi lại khó quá. Cũng vì cớ thế, mà năm Minh-mạnh lấy được đất Lào chỗ duyên-biên Nghệ-Tĩnh, sau chịu bỏ không dùng gì được ; coi thế biết việc đường sá quan-hệ đến quốc-thế cũng nhiều. Người Pháp lúc mới bảo-hộ nước ta, đã nghĩ ngay đến việc đường sá, chỗ thì sửa lại đường cũ, chỗ thì làm thêm đường mới, chỗ thì xây cống bắc cầu, mội năm tiêu về việc ấy một khoản tiền thật lớn. Đến năm 1913, tính các ngả đường trong xứ Đông-dương, dài được một vạn chín nghìn hai trăm chín cây-lô-mét. Lại đường xe hỏa cũng đã làm xong được nhiều : hiện các ngả đường xe hỏa trong xứ Đông-dương, dài được một nghìn năm trăm tám mươi chín cây-lô-mét, tính cả con đường tự Lào-kay đến Vân-nam dài được bốn trăm sáu mươi bảy cây-lô-mét, thế là tất cả dài được hai nghìn năm mươi sáu cây-lô-mét. Còn con đường tự Vịnh (Nghệ-an) đến Đông-hà (Quảng-trị) dài ba trăm cây-lô-

mét, đã đắp đường đất xong rồi, kế nhân bên Âu-châu có việc chiến-tranh, không mua được sắt, hãng tạm đình công ; đoạn đường ấy mà xong, thì tự Hà-nội đi hai ngày đến Huế. Đ ròng xe hỏa thật tiện cho dân lắm, làm xong đoạn nào, dân có lợi ngay đoạn ấy ; như tự Hà-nội đi Nghệ-an, ngày trước đi bộ mất tám chín ngày, bây giờ đi xe hỏa chỉ một ngày thôi ; tự Hà-nội đi Lao-kay, ngày trước đi bộ mất hơn hai mươi ngày, bây giờ sáng đi tối đã đến rồi ; đã rút được hành-trình, lại tiện bề vận-tải, mà tiền cước cũng không tốn bao nhiêu, tiện lợi biết là chừng nào ! Ay là nói sự giao-thông trên đường bộ. Còn sự giao-thông ở đường bể, thì hàng hóa nước ta xuất-cảng, xưa nay chỉ nhờ tầu nước Pháp cùng các nước ngoài ; từ có chiến-tranh đến giờ, số tầu các nước đi bể một ngày một bớt đi, mà cái sự hàng hóa xuất-cảng của nước ta, nhân thế chịu thiệt hại nhiều lắm, Quan Toàn-quyền Xa-lộ vì thế mới định lập một đội tầu bể Đông-dương, nghe đâu việc ấy tổ-chức đã gần xong, bất-nhật Đông-dương ta sẽ có một đội tầu bể đi chở hàng hóa xuất-cảng, mà đường buôn bán chắc một ngày một thêm phát-đạt từ đây.

Công việc trong một nước còn nhiều, không những sự giáo-dục cùng sự giao-thông ; đây hãng cử hai việc ấy, để chứng là người nước ta không biết cách tổ-chức ; mà sở-dĩ không biết cách tổ-chức như thế, chắc có một cái cớ gì, ta xin nói quyết rằng : tại người nước ta không biết bắt chước.

Người các nước sở-dĩ đến được văn-minh, là cốt tại biết bắt chước lẫn nhau. Ngu bắt chước hiền ; hiền bắt chước thánh ; thánh bắt chước giời. Các ông thánh đời xưa thấy quả bồng lăn mà làm ra xe, thấy cánh bèo nổi mà làm ra thuyền ; các ông thánh đời nay thấy con chim bay mà làm ra máy bay, thấy con cá lội mà làm ra tầu ngầm ; người này bày ra, người kia bắt chước ; ấy là cái nguyên-do đời người tiến-bộ vậy. Tiên-nho nước Pháp có nói rằng : « Nếu không muốn bắt chước người, không lo bằng người, không mong hơn người, thì không có lẽ gì tiến-bộ được. » Người Pháp lấy câu ấy in vào sổ nhật-ký học-trò ; ta tưởng người nước ta cũng nên mỗi người có một quyển sổ tay câu ấy. Ông Khổng-tử nói : « Thấy người hiền lo cho bằng người ta, thấy người không hiền mà xét xem mình có thế không. » Lại nói : « Ba người cùng đi, ta lấy hai người kia làm thầy ta được ; người hay thì ta theo như họ, người không hay thì ta đừng làm như họ », cũng là nói ý nên biết bắt chước vậy.

Người Á-đông duy người Nhật-bản khéo bắt chước, nên nước được giàu mạnh mau. Đương khoảng giữa thế-kỷ thứ mười chín, Nhật-bản còn giữ chế-độ phong-kiến, trong nước chia làm vô số chư-hầu ; vua Nhật-bản có vị không quyền, chính quyền đều về tay Mạc-phủ (1) ; đến lúc người Âu Mĩ lại Nhật-bản, cùng Mạc-phủ kết-ước thông-thương, người trong nước nghị-luận ồn lên, xướng cái chủ-nghĩa « tôn-vương giệt-mạc ». Nhưng lúc ấy những người kiến-thức trong nước, đã biết được những điều hay của người ngoại-quốc, mà lo bắt chước ngay. Năm 1868, vua Minh-trị lên ngôi, cùng đình-thần hiệp-nghị, quyết bắt chước người Âu Mĩ, thực-hành biến pháp. Khi ấy phái người đi học, pháp-luật thì học ở nước Pháp, hàng-hải thì học ở nước Anh, kinh-tế thì học ở nước Mĩ ; thậm chí quần áo cũng đổi theo âu-trang ; chỉ cái hồn Đại-Hòa (2) là giữ bền không đổi. Duy-tân mới trong hai mươi bảy năm, đến năm 1895, cùng nước Tàu tranh-biện việc Cao-li, hai bên khai-chiến, đánh bộ-quân Tàu thua ở Bình-nhưỡng, đánh hải-quân Tàu

(1) Mạc-phủ (幕府)

thua ở Trực-lệ-loan, làm hòa-ước ở Mã-quan, mà đảo Đài-loan Tàu phải cắt nhường cho Nhật-bản. Trận ấy lấy người Á được người Á, chưa đủ làm kỳ. Đến năm 1905, cùng nước Nga khai-chiến, đánh bộ-binh Nga thua ở Mãn-châu, đánh hải-quân Nga thua ở Đối-mã, nước Nga xin hòa, mà Triều-tiên lại về tay Nhật-bản. Chon-von ba đảo, từ đó xưng hùng trong thế-giới, đứng vào hàng nhất-đẳng cường-quốc xưa nay chưa có nước nào tiến-bộ được mau như thế. Có lạ gì đâu, tức là cái kết-quả khéo bắt chước người Âu Mĩ đấy. Nước Tàu là một nước lớn nhất, cổ nhất phương Á-đông, cùng nước ngoài giao-thông đã lâu, mà không biết bắt chước cái hay của người ta đến nỗi chịu trăm bề khuất-nhục. Năm 1841, vì sự nha-phiến, đánh nhau với người Anh thua, mà Hương-cảng mất. Năm 1860, nhân việc giáo-dân, điều-đình không được, liên-quân Anh Pháp vào Yên-kinh, mà vua Hàm-phong phải chạy. Năm 1885, tranh nhau với nước Pháp vì sự bảo-hộ nước Nam ta, bị tàu chiến Pháp đánh phá Phúc-châu. Đến năm 1895, lại bị thua với một nước tân-tiến là nước Nhật-bản. Khuất-nhục đến thế, không còn chỗ nào nói được. Cho nên người ta gọi nước Tàu là một nước ốm phương Á-đông, cũng như Thổ-nhĩ-kì là một nước ốm ở phương Âu-đông. Lấy một nước thật lớn, thật cổ, mà sao đọa-lạc đến thế, chỉ vì một cớ không biết bắt chước cái hay của người ta thôi. Ta tưởng những người cầm quyền chính nước Tàu lúc bấy giờ, chắc cũng cậy rằng nước mình là tổ-quốc văn-minh ở Á-châu, cần gì phải theo đuôi người khác ; huống chi văn-minh của người Âu Mĩ, thiên-trọng lợi-quyền, không bằng nước mình chuyên chuộng đạo-đức ; nếu bỏ cũ thay mới, chưa biết sau này ra đến thế nào, chi bằng giữ lề-lối tổ-tôn là hơn. Biết đâu gió Âu thổi mạnh, trường-thành muôn dặm, cũng chẳng đủ sức mà ngăn ngừa ; đến lúc sĩ-phu trong nước, nhao nhao xin biến-pháp duy-tân, mà chính-phủ lại không thèm nghe, mới gây nên cái việc Cách-mệnh, mà trật-tự xã-hội nhân thế tan-hoang, chưa biết ngày nào thu-thập được.

Coi thế biết công việc cải-cách cốt cho cập thời, mà phải từ người trên xướng suất. Cải-cách tự người trên, như Nhật-bản duy-tân, thì nước tất thịnh. Cải-cách tự người dưới, như nước Tàu cách-mệnh, thì nước tất suy. Nước ta xưa nay nhiễm văn-hóa của nước Tàu, tính-tình cũng hơi giống như người Tàu. Từ lúc người Đại-Pháp mới sang bảo-hộ kẻ biết thời-thế, ai không nói nước ta phải có một ngày cải-lương. Vậy mà cầu-thả nhân-tuần, không lo cải-cách ; người Đại-Pháp vì tôn trọng cái tập-tục di-truyền của nước ta, sợ cải-cách vội quá thì lòng người sinh oán, mỗi việc phải châm-chước sửa đổi dần-dần. Cho nên nước ta có người Đại-Pháp bảo-hộ, đã hơn ba mươi năm nay, mà cái công-hiệu cải-lương ở nước ta, vì với công-hiệu duy-tân của Nhật-bản trong hai mươi bảy năm, hơn kém xa lắm. Ấy thực là lỗi tại người mình không biết bắt chước. Coi như người Đại-Pháp ở nước ta, nào mở đồn-điền, nào lập công-cục, nào khai thương-điếm, công-hiệu rành rành ở trước mắt ta, cũng chỉ đường cho ta nên bắt chước đấy, mà ta không biết bắt chước mà làm. Vẫn biết người nước ta không có tư-bản lớn, nhưng phàm việc gì cũng vậy, độc-lực một người thì khó thành, góp sức nhiều người thì dễ xong ; người nước ta không biết nghĩa hợp-quần, cũng có nhóm nhau lại lập một vài cái hội nhỏ, không dày vài năm, thấy thất-bại ngay ; bởi vì không biết bắt chước người Đại-Pháp, công việc xếp đặt không khéo, người trông coi không giỏi, nên không duy-trì được mà cầu cho phát-đạt. Chính-phủ bảo-hộ thấy thế, nên bây giờ mở học-đường cao-đẳng, dạy người ta học các khoa chuyên-môn, để sau này cho có nhân-tài mà làm công kia việc nọ. Trường học ấy lập ra, thật quan-

hệ về con đường tiến-bộ của nước ta nhiều lắm. Tuy vậy người nước ta tri-thức còn chắc-ám lắm, ngoài làng xóm không thấy nghegì lạ, ngoài cày cuốc không nghề-nghiệp gì hơn. Ở cái thì buổi cạnh-tranh kịch-liệt này, mà có một hạng người ù-lì ngây dại thế, nếu người trên không biết đem đường chỉ nẻo, giắt họ vào trong đám đua chen, thì họ cũng đành suốt năm này tháng khác, ngồi chịu chết ở chốn hương-thôn, sinh-kế tiêu-điều, khổ không nói xiết. Cũng có ít người tự thụ-lập được, không phải đợi đến người trên dẫn-đạo; nhưng những bọn khai-thông ấy, nước ta phỏng đã được mấy người. Vậy nếu muốn dân mình được chóng phát-đạt, tất phải do người trên giúp sức; mà người trên nước ta là ai? tức là các ông quan-trường có trách-nhiệm thân-dân dấy. Nay ta thử xét quan-trường nước ta, liệu gánh nổi cái trách-nhiệm ấy không?

*
* *

Theo cái học-thuyết cũ nước ta, thì nghĩa-vụ quan-trường, cốt trên thì giúp vua, dưới thì làm lợi cho dân, nay coi dân trong nước chưa được thịnh-vượng, đủ biết quan-trường ta chưa làm hết nghĩa-vụ. Người đời thường trách quan-trường ta hai điều: một là không tài, hai là không liêm. Ôi! lấy cái tri-thức tài-năng quan ta mà ví với quan Đại-Pháp, thì quan ta không bằng thiệt, nhưng sở-dĩ đến thế, có phải tội tại những người làm quan đâu? Bởi cái phép dùng người nước ta không bằng nước Pháp vậy. Quan Đại-Pháp sở-dĩ có tài, là vì có môn-học chính-trị. Còn như nước ta dùng người, thì hoặc lựa ở trong bọn con quan, hoặc lấy ở trong hàng khoa-mục, mà mấy người khoa-mục, bất-quá văn hay chữ tốt thì đỗ thế là làm quan. Bình-sinh học-tập, chỉ mấy câu trường-ốc văn-chương; lúc ra làm quan, thì hình như bổ vào mặt gì cũng giỏi; tưởng quan-lại bên Âu-châu, chưa có ai toàn-tài được thế, cũng là một người, lúc thì bổ giáo-chức làm một nhà giáo-dục, lúc thì bổ chính-chức làm một nhà chính-trị, lúc thì sung giám-đốc công-trường làm một nhà công-nghệ, lúc thì sung chánh-sứ đồn-điền làm một nhà thực-nghiệp, lúc thì đi quân-thứ làm một nhà tướng-hiệu, mà hỏi ra thì chẳng có một cái học-thức chuyên-khoa nào. Quan nước ta như thế, trách nào mà chẳng mang tiếng bất-tài. Đương lúc Đại-Pháp mới sang bảo-hộ cách dùng người không nhất-định, sinh ra có thói lo-lót. Chính-phủ bảo-hộ mới lập trường Sĩ-hoạn, dạy những người cử, tú, ấm-sinh còn ít tuổi, học đấy thi đỗ rồi ra làm quan, là cốt thống-nhất cái cách dùng người, để lấp đường bòn-cạnh. Sau khi bỏ thi-hương Nam-định, thì học trò trường ấy, lựa lấy những người có bằng tốt-nghiệp pháp-học thành-chung, mà chương-trình học cũng cải-lương khác trước. Nói tóm lại, mục-đích lập trường ấy, cốt để dạy những người làm quan ở Bắc-kỳ, thông cả chữ nho, chữ Pháp, và am-hiểu pháp-luật; nhưng trường ấy dạy pháp-luật không được mấy tí, cho nên chính-phủ bảo-hộ mới đây lập trường học Pháp-chính, hết nhật trường Sĩ-hoạn sẽ thủ-tiêu. Trường ấy lập ra là để dạy người cả xứ Đông-dương, không những tạo-thành những quan lại Bắc-kỳ sau này mà thôi, chương-trình dạy gồm cả pháp-điển nước Đại-Pháp, cách xếp đặt chính-trị ở Đông-dương, học kinh-tế cùng công-pháp tư-pháp về quốc-tế, v. v., tuy đem ứng-dụng trong quan-trường thì không thiết lắm, mà tri-thức về đường chính-trị thực mở mang nhiều. Vả pháp-luật các nước văn-minh bây giờ, tôn-chỉ đại-để giống nhau cả; đã biết pháp-luật nước Đại-Pháp, thì học pháp-luật nước khác cũng để. Biết cách xếp đặt chính-trị cả Đông-dương, thì tức biết được cách xếp đặt chính-trị ở nước ta. Học kinh-tế thì người các nước văn-minh bây giờ cho là

học phổ-thông, có lẽ không hiểu chút nào mà nghiễm-nhiên làm quan sao được? Còn như công-pháp tư-pháp về quốc-tế, có học qua thì mới biết được công việc giao-thiệp các nước. Có người nói nước ta không quyền ngoại-giao, học cái ấy tưởng chẳng dùng gì; không biết những pháp-luật ấy là chỉ cách giao-tế người nước này với nước kia, người nước nào mà chẳng nên biết; ví dụ mình đi buôn bán ở ngoại-quốc, tức phải cần biết đến quốc-tế tư-pháp, nếu không có học, thì làm sao đối-phó được với người ta? Đương thì buổi giao-thông này, cái học ấy thật là cần lắm. Trường Pháp-chính dạy đủ bấy nhiêu cái, sau này những người có văn-bằng tốt-nghiệp, thì bấy nhiêu cái đã cụ-thể rồi. Nhưng làm quan nước ta, phải biết chữ nho cùng pháp-luật nước ta nữa mới được, ai có cái văn-bằng ấy nữa, mới là có tư-cách làm quan, mà muốn lấy cái văn-bằng ấy, tất phải thi mới được. Vậy thì trường thi lấy chỗ nào là thích-đáng? Ý chính-phủ bảo-hộ đã định thi tại Huế, là cốt để giữ điển-lệ mà tôn Đế-quyền nước ta, chính như lời ông Nguyễn-bá-Trác bàn trong số báo thứ 3. Có người nói đã thi tốt-nghiệp trường Pháp-chính một lần rồi, lại phải thi Kinh một lần nữa, chẳng làm khổ cho người học lắm ru? Ta tuy chưa hiểu chương-trình thi Kinh thế nào, nhưng có một điều biết chắc là chính-phủ không buộc người ta khó đến nỗi không thể làm được; còn như kỳ thi ấy mà chỉ hỏi chữ nho cùng luật nước ta, thì lại dễ lắm. Vậy lúc ở trong trường Pháp-chính, đã học pháp-điển nước Đại-Pháp rồi, thì đến lúc nghiên-cứu luật nước ta, chắc cũng dễ hiểu; còn chữ nho bất-quá lúc thi chỉ hỏi từ-hàn, như bây giờ thi chữ nho ở trường Sĩ-hoạn, thì có cái gì khó. Ta thấy học-trò trường Sĩ-hoạn, có người lúc vào học không biết chữ nho nào, mỗi ngày chỉ học vài giờ, ba năm cũng thảo được từ-trát; vậy thì thi Kinh một lần nữa, có lấy gì làm khổ cho người học lắm. Duy khi trước trường Sĩ-hoạn học ba năm tốt-nghiệp, bổ hậu-tuyển tri-huyện ngay; bây giờ trường Pháp-chính học ba năm tốt-nghiệp, rồi, lại phải học thêm chữ nho cùng luật nước ta một hai năm nữa, đúng ba mươi tuổi, mới được đi thi Kinh mà bổ ra làm quan; bởi vì muốn ở cái ngôi tôn-quí trong xã-hội, chịu cái trách-nhiệm lớn-lao của xã-hội, phải có công-phu khó khăn một chút, mới là xứng đáng. Nếu dung-dị mà được, thì còn có giá-trị gì? Bởi thế quan Toàn-quyền lập ra trường Pháp-chính, là cốt để làm cao thêm cái phẩm-cách quan-lại sau nay, tức là để chữa cái bịnh bất-tài của quan-lại ta, mà chẳng những để chữa cái thói quen lo lót vậy.

Từ lúc người Đại-Pháp đến ở nước ta, phàm những nhà làm sách làm vở, ít có người không nói đến cái tệ bất-liêm của bọn quan-trường ta. Từ lúc nước ta có báo chữ tây, bàn đến bọn quan-trường ta, cũng ít có khi không chỉ-trích những điều tham nhũng của quan ta. Đây ta hãy trích những tờ báo tây mới đó: ngày 31 tháng 5 năm 1917, báo Đông-kinh trong bài xã-thuyết có một đoạn rằng: « Mới rồi có người nói với tôi rằng: « Một tên đầu đảng trộm cướp kiếm cả đời, không bằng một ông quan giỏi lấy tiền trong một năm. » Câu nói ấy tuy cũng khi quá; điều là người Âu Mĩ, nói đến quan tham, tất lấy quan Á-đông làm mẫu. » Ngày 12 tháng 7, báo Hải-phòng trong bài xã-thuyết có một đoạn rằng: « Nghe quan Toàn-quyền muốn tăng lương các quan An-nam, cái lý-do thì cực phải; nhưng thiết-tưởng cái căn-tính ăn tiền của người An-nam, di-truyền tự tổ-tôn, không dễ kể năm kể tháng mà chừa ngay được. » Ngày 2 tháng tám, báo Hải-phòng trong bài xã-thuyết lại có một đoạn rằng: « Người An-nam, cái sự hối-lộ, không phải tệ riêng bọn quan-trường, tệ ấy đã thành là tập-tục cả nước; dân mất tiền cho quan, không lấy làm ta-thán; tuy quan muốn lấy tiền của dân, mà dân

cũng muốn đem tiền lễ quan, cho là việc gì đến quan cũng phải tiền mới được, tự trên chí dưới, quen lấy làm thường, phải đợi ngày nào việc học mở mang, phong-tục cải-lương hết, quan dân đều giữ phong-thể cả, may ra tệ ấy mới trừ được chăng. » Ấy ta trích mấy câu đại-lược, cho biết người ta vẽ cái hình-trạng bọn quan-trường mình như thế ; muốn hiểu rõ ý-tứ cả bài của người ta nói, nên đem nguyên-văn mấy tờ báo ấy mà xem.

Ôi ! cái tệ hối-lộ, tuy ở nước văn-minh, cũng khó hết được ; điều ở nước văn-minh thì thấy phần ít, mà ở nước ta thì thấy phần nhiều. Nói cái căn-tính ấy di-truyền tự tổ-tôn thì cũng khí sai quá, không coi lúc trước nước ta lương các quan rất bạc, mà thanh-quan liêm-lại, đời nào cũng có người : những ông đã lâu đời quá không kể hết được : kể nội một trăm năm nay, như ông Nguyễn Văn-Hiếu, ông Trương Đăng-Quế, ông Phan Thanh-Giản, ông Nguyễn Tri-Phương đều có tiếng là người thanh-liêm cả; ông Nguyễn Văn-Hiếu trong đời Minh-mạnh, làm kinh-lược đại-sứ Bắc-kỳ ; vợ ông lấy có hai nén bạc, xin việc cho người ta ; ông nói : « Bà không nhớ lúc mình còn vi-thời, ngày ăn một bữa, áo mặc thay đổi nhau, nay được phú-quí thế này, còn lấy của hối-lộ làm gì ? » Vợ ông phải trả bạc cho người ta. Ông Trương Đăng-Quế, làm quan ba triều vua, hai lần phụ-chính, quan đến Cần-chính, tước đến Quận-công, mà lúc chết trong nhà chỉ dư bốn nén bạc. Ông Phan Thanh-Giản, quan đến Hiệp-tá, kinh-lược Nam-kỳ, mà nhà đất ở Vĩnh-long, vốn của tiên-nhân để lại, ông một đời làm quan, không tậu thêm được một thước đất. Ông Nguyễn Tri-Phương, quan đến Vũ-hiển, kinh-lược cả Nam-kỳ Bắc-kỳ, mà chỉ có vài gian nhà gianh, vài mẫu ruộng cát, của tổ-nghiệp để cho. Tiết-tháo các ngài, đủ làm vinh-dự cho bọn quan-trường ta, cho nước ta, cho cả nòi giống ta. Nước có những người như thế, chẳng những người mình phải nên sùng-bái, mà người Đại-Pháp cũng nức nở ngợi khen. Có một ông quan Đại-Pháp điếu ông Phan Thanh-Giản, có câu rằng : « Không ngờ Khổng-giáo sản ra được nhân-vật như thế ! » Lời nói giản mà có vị thay !

Nước ta lúc trước có những quan lại thanh-liêm như thế, có lẽ bây giờ lại không có nhân-vật ấy nữa hay sao ? Quân-tử hiền-nhân, đời nào là không có ; cốt người ở trên lựa chọn cho tinh. Ngặt vì biết người là khó, Nghiêu, Thuấn còn lấy làm lo, nên chính-phủ cân nhắc dầu sành, cũng không khỏi có khi nhầm lẫn. Huống trong bọn quan-trường, kiếm đâu được người nào cũng như ông Phan ông Nguyễn ; người thường ai cũng no đủ rồi mới nghĩ đến danh-tiết ; lộc dưỡng-liêm không hậu, thì không thể trông người ta giữ được đức liêm. Bây giờ chính-phủ bảo hộ định tăng-bổng các quan An-nam, tức là ý thế.

Nhưng phàm nước nào mà được thịnh-vượng, là cốt tại nông, công, thương, các nghề phát-đạt ; nước ta xưa nay khinh các nghề ấy không mấy người chịu làm, mà đua nhau vào cả một đường làm quan ; cho là trong các nghề duy nghề làm quan tôn-hiển nhất mà có lợi nhất. Nay nếu tăng-bổng các quan, mà không trừ được cái tệ ăn tiền, thì bọn quan-trường càng thêm được lợi, tranh cạnh càng kịch-liệt hơn trước nhiều ; điều đó cũng là một điều đáng lo lắm. Tuy vậy việc gì có lợi tất cũng có tệ ; chính-phủ cân nhắc cái nào lợi nhiều tệ ít thì làm. Nên hư tại cái bụng người mình quan-cảm chuyển đi thế nào đó thôi.

Ta nay xin kể quan-giới cùng nông, công, thương-giới nước Đại-Pháp, tỉ-hiệu hai đằng mà xem. Lương-bổng các quan, thường bạc hơn những người làm nông, công, thương ; ngay như Đức Giám-quốc lương-bổng cả năm có sáu mươi

vạn, và tiền khoản-tân sáu mươi vạn, tất cả là một trăm hai mươi vạn quan; quan Tổng-trưởng các bộ lương-bổng cả năm có sáu vạn quan; ấy là chỗ cơ-quan chính-trị cao-đẳng nhất trong nước, không kể vào hàng quan-lại. Còn lương-bổng các quan thì theo chức hàm cao thấp, các bộ nha lương-bổng cả năm tự một nghìn tám trăm đến một vạn tám nghìn quan là cùng. Tri-huyện có ba hạng, lương bổng cả năm tự bốn nghìn năm trăm đến sáu bảy nghìn quan là cùng. Dán-chính-trưởng cũng có ba hạng, hạng ba một vạn tám nghìn, hạng nhì hai vạn năm nghìn, hạng nhất đến ba vạn năm nghìn quan là cùng. Thế là lương-bổng các quan bên Đại-Pháp, nhiều nhất chỉ đến ba vạn năm nghìn quan; mà những Tổng-lý các nhà hàng buôn bán, các công-ti xe hỏa tàu thủy, đèn điện cùng các ngân-hàng, lương-bổng nhiều ra đến hai mươi vạn quan, ít ra cũng đến bốn vạn. Bởi vậy người nào có lòng ham lợi, thì thà bỏ mình vào nông, công, thương-giới, mà không lo-tưởng đến chỗ quan-trường, cho là quan-trường không phải chỗ làm giàu được. Người mình chưa có cái tư-tưởng ấy, cho nên chính-phủ về một khoản chỉnh-đốn quan-lại, thực phí khổ-tâm. Đức Hoàng-thượng ta lúc mới ngự ngai vàng, đã xuống Dụ-chỉ cho các quan, khuyên lấy cái đạo liêm-bình cần-cán. Quan Toàn-quyền năm ngoái ở Nam-định đáp lời chúc của quan Tổng-đốc tỉnh ấy cũng lấy đức liêm khuyên các quan ta. Bọn quan-trường ta đương lúc bị dư-luận công-kích thế này, phải nên tu-tỉnh thế nào để không phụ bụng đức Hoàng-thượng ta cùng quan Toàn-quyền ta trông mong mà theo dấu thơm người trước, bỏ tục-tệ ngày nay, một bụng thanh-cần, giắt quốc-dân lên con đường thịnh-vượng, cái hi-vọng của bọn quan-trường ta là thế đấy. Không biết các ngài trong bọn quan-trường ta nghĩ ra thế nào?

***

Ôi! đất nước ta hơn ba mươi vạn cây-lô-mét vuông, không phải là không tốt; dân nước ta hơn mười bốn triệu, không phải là không nghị-lực; cái nguyên-tố lập quốc, đã được hai thứ tài-liệu quí báu thế; huống thêm có người Đại-Pháp làm thầy hướng-đạo; thì sao không bắt chước người Đại-Pháp, mà tổ-chức việc sinh-kế mình, để nước nhà trở nên thịnh-vượng? Chắc dân ta phải đợi có người xướng-suất, việc ấy là trông ở bọn quan-trường ta. Cho nên nước ta muốn tiến-bộ, thì trước hết quan-giới phải cải-lương, mà quan-giới muốn cải-lương, thì phải có cái mục-đích nhất-định, nay cứ lấy quan Đại-Pháp làm mẫu mà bắt chước; thử đem quan mình tỉ-hiệu với quan Đại-Pháp, hơn kém khác nhau biết là nhường nào! Tuy vậy kém phải cố học cho bằng, không phải cố cầu cho có, cốt xét được cái ưu-điểm của người ta mà học tập, như tìm được một con đường sáng mà noi theo. Nếu bảo trí-não người Đại-Pháp linh-thông hơn người mình, tiến-cảnh người Đại-Pháp nhanh chóng hơn người mình, thì mình nên cầm chí cho bền, gắng công-phu bách-bội, làm sao cũng đạt được mục-đích mới thôi.

Vì thế ta dám xin nói quyết rằng: quan Toàn-quyền Xa-lộ lập ra trường học các khoa cao-đẳng, chính là mở con đường tiến-bộ cho nước ta; chẳng những cải-lương được quan-trường nước ta, xã-hội nước ta, mà nước ta sau này thịnh-vượng cũng là nhờ ở đó.

Tổng-đốc THÂN TRỌNG-HUỀ *soạn chữ nho*

(Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC *dịch quốc-ngữ*)

VẤN-ĐỀ TRỊ LỤT Ở XỨ BẮC-KỲ

Tờ báo-cáo của quan kỹ-sư Nộ-mạn-đinh (NORMANDIN) (1)

III

Cách-thức về sự chỉnh-lý

Trên tôi đã kể những phương-pháp chỉnh-lý đất Trung-châu cho dỡ cái tai-nạn ngập lụt. Nay tôi xét những cách thức thuộc về sự chỉnh-lý ấy. Có ba điều như sau này :

1° Cách tháo nước vào các đường thoát (*défluents*) và các khu chứa nước (*casiers réservoirs*) ;

2° Cách thoát nước đã tháo vào các khu chứa ra ngoài ;

3° Cách xếp đặt các khu chứa ấy.

Xin kể tường từng điều một.

I. *Cách tháo nước vào.* — Rút nước ở sông Nhị-hà vào đất Trung-châu thì hoặc dùng bằng cống-ngầm (*siphons*), hoặc dùng bằng cửa tháo (*déversoirs*).

Cống ngầm hiện đã xây một bộ ở đê tả-ngạn sông Nhị-hà, nơi đầu Sông Cà-lồ, vận-dụng rất giản-dị và rất tốt. Nhưng tiền xây đắt lắm, đắt quá gấp hai tiền cửa tháo : tính theo số nước thì mỗi thước đứng cửa tháo giá 240$ mà mỗi thước đứng cống ngầm giá 500$.

Giả-thử chỉ phải đặt năm mười bộ cống mà thôi thì xem cái cách nó vận-dụng tiện-lợi như thế, tôi bàn ngay dùng cống ngầm là hơn. Nhưng hiện phải đặt rất nhiều máy rút nước mới đủ, thì xét ra cái lối cửa tháo rẻ hơn nhiều, nên dùng lối ấy hơn là lối cống ngầm.

Lối cửa tháo thì sẽ đặt tùy-ý mở ra đóng vào được, mở đóng bằng những súc gỗ « áp » (*vanne*) vặn máy tự trên một cái cầu xây bằng vôi « bê-tông sắt » (*béton armé*), cầu ấy lại dùng cho mặt đê vẫn đi lại được. Nước tháo vào thì chảy theo một cái sườn giốc ước 1 thước 80 phân. Ở dưới sẽ xây kỹ cho nước khỏi đánh mòn. Sức nước chảy ước mỗi thước dài là 4 thước đứng.

Tổng-số nước phải chảy vào các cửa tháo như sau này :

Phú-thọ	1.000	thước đứng
Sơn-tây (phần trên)	1.500	—
— (phần dưới)	1.500	—
Vĩnh-yên	3.000	—
Cộng	7.000	thước đứng

Lại phải thêm những cửa tháo chảy vào các đường sông thoát :

Sông Con	900	thước đứng
— Cà-lồ	300	—
— Thiếp	1.300	—
Cộng	2.300	thước đứng.

Như thế thì tổng-cộng là 9.500 thước đứng, phải đặt bao nhiêu cửa tháo cho rút hết bấy nhiêu nước mới được.

Tiền kinh-phí tổng-số ước 2.300.000$. Vì làm cống ngầm thì phải đến 4.750.000$.

Bao giờ các đường thoát chảy đến cực-điểm mà nước sông vẫn lên, sợ quá số 11 thước cao ở Hà-nội, thì bấy giờ mới phải dùng đến cửa tháo, hễ nước sông rút xuống dưới số ấy thì đóng lại.

Xét các hồi nước lên trước, kể từ năm 1886, thì có thể ước chỉ phải dùng cửa tháo trong hai tháng bảy tháng tám tây mà thôi, muộn nhất như năm 1913 là đến ngày 24 tháng 8.

Còn những hồi lụt to về sau thì ước phải dùng cửa tháo như sau này :

Năm 1893	—	(dùng gần hết cả)
— 1904	—	(dùng gần hết cả) trong 5 ngày.
— 1911	—	(dùng một nửa) trong 2 ngày.
— 1913	—	(dùng gần hết cả) trong 10 ngày.

(1) Xem *Nam-Phong* số 8, trang 69-75.

Năm 1915 — (dùng gần hết cả) nhưng trong một vài ngày thôi.
— 1917 — (dùng chia ba 1 phần) trong 2 ngày.

Giả-thiết rằng hồi năm 1911 chỉ cho ngập có một tỉnh Vĩnh-yên thôi thì tính ra trong khoảng 25 năm :

Tỉnh Sơn-tây phải ngập.... 4 lần
— Vĩnh-yên và Phúc-yên. 5 »

Trong khoảng ấy thì những lần vỡ đê mà mấy tỉnh ấy phải ngập lụt như sau này :

Tỉnh Sơn-tây..... 3 lần
— Vĩnh-yên và Phúc-yên. 5 »

Lại thêm hồi mấy năm 1893, 1904, 1913, 1915 và 1917, nghĩa là trong khoảng 25 năm mà 5 lần, nhân vỡ đê ở miền trên, các tỉnh miền dưới bị ngập lụt tai-hại, hoặc những đê miền dưới sông Nhị-hà và sông Đuống cũng bị vỡ.

Tôi không cần phải giải cái lụt tự mình tháo vào, lúc nào muốn ngăn lại cũng được, với cái lụt nhân vỡ đê tràn vào, có khi lấp mấy tháng mới « hợp-long » được, hai đằng khác nhau nhiều lắm. Tôi chỉ xin chứng một điều ai cũng biết : là những tỉnh bị lụt, việc cầy cấy tai-hại nhiều, không phải là bởi sự lụt đương khi nước sông lên, mà phần nhiều là bởi không thể hàn đê được nhanh cho kịp cấy lúa.

Nhân tôi xét cái cách thoát nước ở các khu chứa nước phải làm thế nào.

II. — *Cách thoát nước đi.* — Tôi giả-thiết là những khu chứa nước đã tháo nước vào đầy cực-điểm. Khi ấy thì cái cách thoát nước đi phải làm như thế này :

1° — Khu Phú-thọ. — Khi nước sông xuống thì cho thoát ngay vào sông Nhị-hà không khó gì, phần thì dùng ngay những cửa tháo mà thoát, phần thì dùng bằng cống thoát (*écluses d'assèchement*) ;

2° — Khu Vĩnh-yên và Phúc-yên. — Thoát vào sông Cầu, qua con sông Cà-lồ và con đường thoát mới, cứ mỗi giây đồng-hồ trung-bình là 1 nghìn thước đứng. Phải thoát ước trong 12 ngày, kể từ lúc các đường thoát không có nước sông Cái ở đằng đầu chảy vào nữa. Nếu sửa lại đường sông Cà-lồ thì có thể thoát nhanh hơn được ít nhiều, nhưng về mặt ấy cũng không mong được nhiều lắm ;

3° — Khu sông Thiếp. — Thoát trong 4, 5 ngày, khi nước sông Cái đã xuống dưới 11 thước ở Hà-nội ;

4° — Khu trên Sơn-tây. — Thoát vào sông Con trong 8 hay 10 ngày, sau khi sông Con đã thôi không tiếp nước ngoài nữa ;

5° — Khu dưới Sơn-tây. — Thoát vào sông Đáy ở dưới đường Hòa-bình. Cứ hiện nay thì sông Đáy ở đầu đã tiếp nước sông Nhị-hà cho đến số 10 thước, tất ở đằng này không thể thoát nước được nhanh. Muốn cho nhanh hơn thì phải đặt một cái « đê điều-độ » (*barrage régulateur*) ở đầu sông Đáy, gần cầu đường Sơn-tây, đê ấy để khi nào nước sông Nhị-hà xuống dưới số 10 thước ở Hà-nội thì ngăn không cho chảy vào sông Đáy nữa. Từ lúc bấy giờ cái sức nước ở trong khu dưới Sơn-tây có thể ước trung-bình mỗi giây đồng-hồ là 8 trăm thước đứng, như thế thì có thể thoát hết trong tám ngày được. Nhưng phải biết rằng đặt một cái đê điều-độ như thế phải làm nhiều cửa áp bằng sắt rất to, hiện nay chưa thể dự làm được.

Cứ như tôi nói ở trên kia thì sửa lại đường lòng rộng của sông Đáy, bạt những nơi thắt-eo ở Quang-thừa và Lai-du, cũng đủ giúp cho sự thoát nước được nhiều. Nơi thắt-eo ở Đoàn-vĩ thì xem ra không phương-ngại gì, cái đường tiêu-thoát ở nơi ấy rộng hơn ở Quang-thừa gấp hai lần.

Cứ các tình-trạng như trên kia thì đại-đề trước ngày 1 tháng 9 tây đã thoát hết nước cả, trừ một vài chỗ trũng mà thôi. Bấy giờ có thể cấy mạ được ngay. Lụt to nhất như năm 1913

thì riêng khu Vĩnh-yên phải đến ngày 5 tháng 9 là cùng.

III. — *Cách xếp đặt các khu chứa nước.* — 1° Ở các nơi đặt làm khu chứa nước, trong vòng địa-hạt mà nước sông Nhị-hà tháo vào có thể tràn đến được, thì dân-cư phải gặt vụ tháng năm trước ngày 25 tháng 6 tây (tức vào khoảng 15 tháng 5 ta). Trong địa-hạt ấy, hạn cho từ ngày mồng 1 tháng 9 tây giở đi (tức vào khoảng 25 tháng 7 ta) mới được cấy vụ tháng 10. Dân-cư phải nghỉ cả các công-việc đồng-áng trong hai tháng, từ nửa tháng 5 đến nửa tháng 7 an-nam, để chực nước vào, chờ nước ra.

2° — Phải đặt những nơi « chạy lụt » ở gần các thôn-xã để người cùng trâu bò lên ở đó khi nước lụt vào. Ở Phú-thọ. Vĩnh-yên và trên Sơn-tây thì đã có nhiều những đồi núi cùng gò đống, tức là những nơi « chạy lụt » thiên-nhiên vậy, ở Phúc-yên và dưới Sơn-tây thì phải đặt. Về khu dưới Sơn-tây thì những đê phân các khu nhỏ và đường đê tả-ngạn sông Con, dùng làm nơi chạy lụt tốt lắm.

3° — Ít là 24 giờ trước khi mở các cửa tháo, sẽ báo cho quan Công-sứ đầu tỉnh biết, quan Công-sứ phải lo liệu mà cấp-cáo cho dân-cư phòng-bị trước.

4° — Phải trử sẵn mạ trước để bán hoặc phát không cho dân các tỉnh bị lụt. *Vấn-đề ấy là đệ-nhất quan-trọng.*

5° — Phải giảm thuế điền cho dân các vùng bị đặt làm khu chứa nước, để đền lại những sự thiệt hại họ phải chịu. Muốn cân thì ở những tỉnh miền dưới sẽ tăng thuế điền lên ít nhiều.

IV

Cái phương-diện thuộc về đường kinh-tế

Tôi tưởng cũng nên nói qua mấy nhời đến sự ảnh-hưởng về đường kinh-tế của cái chương-trình tôi dự-bàn đây.

Cứ so-sánh như sau này thì đủ biết chương-trình ấy là tiện-lợi. Tổng-số thuế đinh-điền của mấy tỉnh định đặt làm khu chứa nước mỗi năm thâu-nhập vào số dự-toán Bắc-kỳ 50 vạn bạc (50.000$). Mà tổng-số thuế đinh-điền của những tỉnh định giữ cho khỏi vỡ đê ngập lụt (Hà-đông, Hà-nam, Bắc-ninh, Hưng-yên, Hải-dương, Nam-định, Ninh-bình), mỗi năm thâu-nhập được những hơn 2 triệu bạc, tức là gấp bốn lần số trên vậy.

V

Những công-trình phụ thêm

1° Hiện nay các đường đê không có rải đá, khi nước lên đi xe ô-tô trên không được, khiến cho quan trên đi khám đê khó lắm. Vậy phải dự-định rải đá các đường đê, ít ra cũng phải rải những đê ở trên Hà-nội.

2° Đến khi thí-nghiệm cái cách kinh-lý sự dự nước lụt như trên kia mà quả thấy thành-hiệu, có hại một chút mà có lợi nhiều, thì có thể đem dùng rộng ra các tỉnh khác cũng được, như thế lại càng giảm bớt được cái nguy vỡ đê nữa.

VI

Dự-toán các khoản kinh-phí

1° Khu Phú-thọ

Đắp thêm đê : 300.000 m³ mỗi thước hai hào. . . .	60.000 $.
Cửa-tháo để tháo nước vào thoát nước ra : 1000 m³ × 240 đồng bạc.	240.000
Cống tháo nước : 100 m³, mỗi thước 500 đồng bạc . .	50.000
Bồi-tổn cho chủ ruộng, chủ đất, v. v.	8.000

2° Khu Vĩnh-yên và Phúc-yên

Đặt thêm đê tả-ngạn sông Nhị-hà, giữa khoảng Việt-trì và sông Cà-lồ: 800.000 m3, mỗi thước hai hào. . . 160.000 $
Cửa tháo để tháo nước vào (kể cả cái cửa-tháo ở đầu sông Cà-lồ): 3 300m3 × 240 $. 792.000
Bồi-tổn cho chủ ruộng, v.v. 10.000
962.000 $

3° Khu Sông Thiếp và đường thoát mới về Sông Cầu

Đắp đê trong khu... 750.000m3
Đắp đê hai bên đường tháo. 2.500.000 m3 . . . . .
3.250.000 m3, mỗi thước hai hào . . . . . 650.000 $
Cửa-tháo để tháo nước vào thoát nước ra: 2×1 300× 240 đồng bạc 624.000
Cầu 130 thước dài cho xe-hỏa và người đi . . . 130.000
Dịch con đường số 2 . . 20.000
Làm những cống thoát nho nhỏ. 30.000
Đắp thêm đê sông Cầu: 2×50×20 m3 ×0. 15 .. 300.000
Bồi tổn cho chủ ruộng (ước 650 mẫu tây, mỗi mẫu 300 đồng bạc) 195.000
1.949.000 $

4° Khu Sơn-tây

Đắp thêm đê hữu-ngạn sông Nhị-hà, và sông Đáy ở giữa khoảng Trung-hà và nơi cầu sông Đáy (tiếp thêm những công-trình hiện đương làm) . . . 125.000 $
Đắp đê sông Con, đê quanh tỉnh Sơn-tây, và đê chạy ngang: 3.700.000 m3, mỗi thước hai hào 740.000
Đắp thêm đê sông Con của 19 làng và đê Đầm Bún: 1.000.000 m3, mỗi thước hai hào 200.000
Đặt nơi chảy-lụt: 3.000.000 m3 × 0 $ 20. . . . . 600.000
Cửa-tháo vừa để tháo nước vào vừa để thoát nước ra (kể cả cái cửa-tháo ở đầu sông Con): 4.680m3 × 240 đồng bạc. . . . . 1.123.000 $
Cống tháo nước lụt: 420m3 × 500 đồng bạc. 210.000
Bồi-tổn cho chủ ruộng: 300 mẫu tây, mỗi mẫu 250 $ 75.000
3.073.200 $

5° Chỉnh-lý đường sông Đáy

Chữa lại đường đê ở đầu sông Đáy: 300.000 m3 × 0 . 20.. . . . . 60.000 $
Bạt đê ở nơi thắt-eo Lai-du: 160.000m3 × 0 . 15 . . . 24.000
Bạt đê ở nơi trên và dưới hòn núi Quang-thừa: 100.000 m3 × 0 . 15. . . 15.000
Đắp đê mới ở Quang-thừa: 700.000 m3 × 0 . 20. . . 140.000
Máy điều-độ ở đầu sông Đáy. 250.000
Bồi-tổn cho chủ ruộng: 100 mẫu tây, 300 $. một mẫu. 30.000
519.000 $

6° — Rải đá các đường đê trên Hà-nội . . . . . 450.000 $
7° — Đặt khu chứa nước ở trên sông Nang..... Chưa dự-định
450.000 $

7,311.200 $

Các việc tùng-tạp và việc bất-kỳ 688.800

Tổng cộng các khoản kinh-phí . . . . 8.000.000 $

Nay thử chiếu cái tổng-số thước đứng nước rút được ở sông Nhị-hà đi, chia với cái tổng-số tiền kinh-phí như đã dự-định trên kia, theo từng khoản một, xem *mỗi một triệu thước đứng rút đi* thì đáng giá là bao nhiêu tiền. Tính ước được như sau này :

Chỉnh-lý đường Sông Con...	950 $
— Đáy...	250
— Cà-lồ.....	200
— Sông Thiếp.	1.000

Khu Phú-thọ. . . . . 2.400 $
— Sơn-tây thượng. 2.300
— Sơn-tây hạ. 2.800
— Vĩnh-yên và Phúc-yên. 800
— Sông Thiếp. 2.300

Bây giờ muốn thi-hành một nửa cái chương-trình như trên kia, chỉ đặt những đường thoát thôi, thì kinh-phí ước mất 4 triệu đồng.

VII

Sự thi-hành chương-trình

Tôi ước sự thi-hành các phần chính của cái chương-trình hoàn-toàn như tôi kể trên kia ít ra phải mất ba năm. Các công-trình sẽ làm theo thứ-tự như sau này :

		Kinh-phí
Định làm năm 1918	Chỉnh-lý lòng rộng sông Đáy [1] (bạt những nơi thắt-eo ở đầu sông, ở Lai-du và Quang-thừa)	240.000 $
Các công-trình trong năm nay hiện đương nghiên-cứu để thi-hành	*Đặt cửa-tháo*	
	Vĩnh-yên. . . 2.000 m3 (kể cả cái cửa-tháo ở đầu sông Cà-lồ) Cửa-tháo ở đầu con đường thoát mới . . . 1.300m3 Cửa-tháo ở đầu Sông-Con . . 900m3	1.000.000
	Chỉnh-lý con Sông-Con (làm một phần). . .	100.000
	Khu sông Thiếp và đường thoát mới về sông Cầu (làm từng phần) . .	300.000
	Đắp thêm đê sông Nhị-hà và sông Đáy. . .	200.000
	Bồi-tổn, kinh-phí bất-kỳ	160.000
	Cộng. . .	2.000.000 $

Năm 1919	Đặt cửa tháo : Phú-thọ... 1.000 m3 Vĩnh-yên.. 1.300 Sơn-tây hạ. 1.500	910.000 $
	Chỉnh-lý con sông Con (từng phần).	100.000
	Khu sông Thiếp và đường-thoát mới về Sông Cầu (làm nốt)...	900.000
	Cầu trên đường thoát ấy.	130.000
	Chỉnh-lý trong khu Sơn-tây.	100.000
	Đắp thêm đê sông Nhị-hà và sông Đáy. . . .	145.000
	Rải đá đê trên Hà-nội (một phần)	60.000
	Bồi-tổn, kinh-phí bất-kỳ, v.v.	155 000
	Cộng. . .	2.500.000 $
Năm 1920	Đặt cửa tháo : Sơn-tây thượng.. 1.500m3	360.000
	Chỉnh-lý trong các khu.	100.000
	Chỉnh-lý con Sông-Con (làm nốt).	840.000
	Đê điều-độ ở đầu sông Đáy.	250.000
	Cống thoát các khu.. . .	500.000
	Đắp thêm đê Sông-Cầu (một phần	100.000
	Rải đá đê trên Hà-nội (một phần).. . . .	60.000
	Sửa lại đường sông Cà-lồ.	chưa định
	Đặt khu chứa nước ở trên sông Nang. . .	chưa định
	Bồi-tổn, kinh-phí bất-kỳ v. v.	290.000 $
	Cộng. . .	2.500.000 $

Mấy năm sau thì còn những việc gì chưa xong làm nốt: chỉnh-lý trong các khu, đắp thêm đê Sông-Cầu, rải đá đê trên Hà-nội, rồi đến đê dưới Hà-nội nữa.

(1) Tôi đặt phần này lên đầu không phải là tôi cho là cần-cấp hơn nhất. Chỉ vì một cái nhẽ thuộc về chính-trị : là hiện nhà-nước đã bắt đầu thi-hành việc ấy từ trước rồi, nên nay phải làm tiếp theo ; và trong sổ dự-toán chung năm 1918 đã có dự một khoản riêng về việc ấy.

VIII

Buổi giao-thời

Trong khi đương thi-hành cái chương-trình trên kia, hoặc gặp nước lên to dữ thì làm thế nào?

Như năm 1918 thì chưa thể mong lợi-dụng được những công việc làm trong khoảng mùa hạ. Chỉ có bắt đầu từ năm 1919, nếu công-việc đã tiệm-tiến, mới có thể dùng được các đường thoát đã xong, nhưng chưa dùng được các khu chứa, những khu ấy đến khoảng năm 1920 mới xếp đặt xong. Vậy thì nếu trước năm 1921 mà có hồi nước lên cao quá số 11.45, hoặc trước năm 1920 mà có hồi lên cao quá 11 thước ở Hà-nội, thì tôi không dám đoan trước điều gì cả.

IX

Sự kết-quả mong được

Tự năm 1921 giở đi, nếu cái chương-trình trên kia thi-hành được hoàn-toàn thì tôi có thể quyết-đoán rằng khi nước lên mạnh và lâu không quá hai hồi năm 1913 và 1915, có thể giữ cái trình-độ nước sông Nhị-hà ở trong khoảng 11 thước cao, tự đầu sông Đáy cho đến bể. Nghĩa là nếu trước năm 1921 các đê đã đắp vững thêm để đủ chống với cái sức nước ở dưới 11 thước cao thì có thể chắc rằng trong miền Trung-châu từ sông Đáy giở xuống không phải cái nguy-hiểm vỡ đê nữa.

Song về phần đê sông Đuống tôi chưa dám quyết vội, vì rằng sông ấy dùng làm đường-thoát mà cái lòng rộng sông xê-dịch luôn không nhất-định, đất đáy sông lại xấu lắm, không chắc rằng khi nước lên lâu đê có thể vững được không. Dù vậy nếu các công-trình trên kia mà thực-hành được hết thì cái nguy-hiểm vỡ đê về mặt ấy cũng có thể ngăn được nhiều.

Có một điều nên chú-ý. Các kế-hoạch dự-định trên kia muốn cho lợi-dụng được hoàn-toàn thì cốt-nhất là phải dự biết được cái sức nước lên ít ra là 24 giờ trước. Năm 1913 tôi đã tìm được một phép tính trước như thế. Nhưng xét hai hồi lụt năm 1915 và 1917 thì biết phép ấy chỉ dùng được những khi nước sông Nhị-hà cùng các sông chi-lưu lên từ-từ mà thôi, khi lên nhanh quá thì không dùng nữa. Khi ấy nước truyền từ trên xuống dưới mạnh quá, mà phần nhiều là chảy xoáy chớ không chảy thẳng, nên tính trước khó lắm. Tôi đã thử dùng nhiều phép mới, chưa phép nào ưng-ý cả. Cái đó nghiên-cứu phải mất nhiều thì-giờ và dụng công lắm mới được; tôi sẽ chú-ý xét về sau này.

X

Toát-yếu và kết-luận

Cái chương-trình tôi mới kể đó thực là to nhớn. Muốn trị được những sức nước lụt mạnh như mấy hồi đã biết, thì phải thi-hành toàn-thể cái chương-trình đó mới được. Nếu vì nhẽ gì thuộc về chính-trị hay là thuộc về tài-chính mà Nhà-nước không muốn đặt những khu chứa lụt, chỉ đặt những đường-thoát mà thôi, thì kinh-phí giảm được một nửa, nhưng không thể mong rút được cái trình-độ nước sông mấy ti.

Chương-trình đó thi-hành hoàn-toàn thì được những sự lợi sau này:

1° — Khi nước lên to không quá 11 thước 45 phân ở Hà-nội thì rút được nước sông Nhị-hà không cần phải tháo vào các tỉnh;

2° — Khi nước lên cao quá số ấy thì phải tháo vào mấy tỉnh miền trên Trung-châu, nhưng tôi đã nói rõ rằng sự tháo nước vào ấy không có hại cho việc canh-nông, không đến nỗi thiệt lắm cho cư-dân các hạt đặt làm

cửa-tháo, mà lại đỡ được sự nguy-hiểm vỡ-đê cho các tỉnh dưới ;

3° — Cái giá-trị về đường kinh-tế của những tỉnh bị-hại đó không bằng chia ra một phần cái giá-trị những tỉnh được hưởng-lợi.

Đó là những sự lợi. Còn sự bất-lợi thì như sau này :

1° — Kinh-phí nhiều lắm, ước 7,8 triệu bạc ;

2° — Tăng số nước con sông Cầu ;

3° — Nhất là phạm-hại đến nhiều quyền-lợi riêng của dân.

Nếu quan trên duyệt-y cái chương-trình của tôi kể trong tờ báo-cáo này thì cần phải hiểu-thị ngay trong nhân-dân An-nam cho biết những công-việc như thế và những sự tiện-lợi như thế. Đó thực là một việc quan-hệ đến chính-trị, mà là một việc rất-cần-cấp. Phải khiến cho dân An-nam hiểu rõ cái vấn-đề trị lụt phải quyết như thế mới được, mà bỏ những cái ý-kiến sai nhầm đi, để đến khi bắt đầu thi-hành khỏi gặp những sự ngăn-trở.

Xin Nhà nước đặt hội-đồng mà bàn kỹ về cái chương-trình của tôi, nhưng xin bàn nhanh cho thì khởi công mới kịp.

Hiện sở Công-chính Bắc-kỳ vừa phải nghiên-cứu và thi-hành những việc trên đó, lại vừa phải kiêm những công-trình thuộc về khoản tiền vay của Mẫu-quốc, kiêm việc sửa kiều-lương-đạo-lộ, việc tưới ruộng tỉnh Thanh-hóa, không kể những việc công-chính thường. Ấy công việc to tát như thế mà người làm hiện nay không đủ.

Song tôi cũng xin hết sức khởi-hành những việc đó, nhưng tôi yêu-cầu mấy khoản như sau này :

1° — Những viên lục-lộ các tỉnh phải giao cho coi những tỉnh nhớn hoặc kiêm hai ba tỉnh, xin cho xe ô-tô nhẹ để tiện việc đi lại.

2° — Xin chính-phủ thương-thuyết với quan Binh-bộ để cử sang bên này lấy chừng hai mươi nhà kỹ-sư trẻ-tuổi chuyên về khoa kiều-lương-đạo-lộ, đã từng làm nghĩa-vụ ở nơi chiến-trường, cho nghỉ việc binh trong bốn năm để sang tòng-sự bên Đông-dương. Trước khi chiến-tranh tuyển những viên-chức ấy bên Pháp cũng đã khó. Sau khi chiến-tranh tất lại khó hơn.

Nếu không làm như thế thì sau khi chiến-tranh tất những viên làm việc bên này về Tây nhiều, các công-việc phải đình lại cả. Về phần tôi thì nếu có được thêm người giúp tôi mới dám đảm-nhận làm mỗi năm những 30, 35 triệu phật-lăng công-trình. Hiện nay số người làm, số công việc, một trăm phần rút xuống mười phần, không thể rút thêm được nữa.

3° — Từ năm 1918 xin tăng số những viên tham-biện An-nam học ở trường Công-chính ra để cho làm việc ở Bắc-kỳ.

Ngô Kỳ-Ngư *dịch*

VĂN-HỌC

PHÁP-VĂN TIỂU-THUYẾT BÌNH-LUẬN

Phục thù cho cha (1)

Phàm tiểu-thuyết hay phải tả được cái tình-trạng trong xã-hội cùng cái tâm-lý trong người ta. Nhưng tình-trạng xã-hội rõ-rệt ra ngoài dễ biết, mà tâm-lý người ta ẩn-khuất ở trong khó nhận

Muốn tả cái tình-trạng hiển-nhiên, phải có nét bút tài-hoa, nhời văn sán-lạn, mới diễn được hết những cảnh phiền-phức trong đời người ; muốn giải cái tâm-lý u-ẩm, phải có con mắt sáng-suốt, trí nghĩ thâm-trầm mới gỡ được hết những mối phân-vân trong tình-tình. Hai đằng đều phải có tài mới được, nhưng cái tài trên lưu-lộ ra ngoài mà cái tài dưới uẩn-súc ở trong. Lộ ra ngoài thì dễ đẹp, ẩn ở trong mới cảm sâu. Nên những tiểu-thuyết tả cái tình-trạng trong xã-hội nhiều người xem, nhiều người thích, mà so với những tiểu-thuyết tả cái tâm-lý trong người ta, lại kém cái thú cảm-động thâm-trầm vậy.

Tôi thường ham đọc tiểu-thuyết tây, mà trong tiểu-thuyết tây thường thích những bộ tả cái tâm-lý người ta hơn là những bộ tả cái tình-trạng xã-hội. Thiết-tưởng rằng tâm-lý người ta thì dù người đời nào nước nào cũng thế, mà tình-trạng xã-hội thì tùy xã-hội có khác nhau. Một đằng là thuộc về *thông-thường*, một đằng là thuộc về *đặc-biệt*. Các triết-triết thường dạy phàm học-vấn nên trọng sự thông-thường hơn sự đặc-biệt vậy.

Bởi thế nên trong rừng tiểu-thuyết Pháp ngày nay, — rừng rậm bao-la, chẳng thiếu gì hoa thơm cỏ lạ, — tôi hâm-mộ nhất là những tiểu-thuyết của Ba-nhật tiên-sinh (Paul Bourget). Tiên-sinh có tiếng là một bậc đại-tài về lối « tâm-lý-tiểu-thuyết » (*roman psychologique*). Tiên-sinh là nhà văn-sĩ đời nay thông-thuộc lòng người hơn cả. Mỗi bộ tiểu-thuyết của tiên-sinh là một cái đuốc sáng soi vào một khu trong tâm-giới người ta. Cái tâm-lý của bọn thượng-lưu-xã-hội trong nước Pháp, nhất là bọn đàn-bà đài-các phong-lưu, không còn chút bí-mật cho con mắt sâu-sắc của tiên-sinh.

Trong bộ « Cô-nại-lý sám-hối-lục » (*André Cornélis*) ta bàn đây, tiên-sinh chủ xét riêng về cái tâm-lý của kẻ phạm tội giết người. Một người vị tình mà giết người, một người vị hiếu mà giết người, cái tâm-lý hai người khác nhau thế nào ? Bởi những duyên-cớ gì, bởi những tình-tiết gì, bởi những tư-tưởng gì ngấm-ngầm trong óc, bởi những tình-ý gì ẩn-khuất trong lòng, mà khiến cho hai người sinh-hoạt ở chốn phong-lưu phú-quí, đến nỗi đem nhau dúng tay vào máu sống, kề lưỡi dao, người chiếc súng, như phường đại-đạo trên đường ? Đó là cái vấn-đề tiên-sinh định nghiên-cứu vậy. Nhưng phàm những nhân-vật của tiên-sinh dù phạm-tội cũng không phải là người tầm-thường, tuy dùng cái thủ-đoạn phường đại-đạo mà thực là tư-cách kẻ anh-hùng. Nên vấn-đề ấy không phải là thuộc về hình-pháp-học mà thực là thuộc về tâm-lý-học.

(1) Paul Bourget, *André Cornélis*.

Giải được tâm-lý những người chủ-động trong cái bi-kịch ấy thì mới biết cái « ác-nghiệp » của những người ấy cũng là ở trong nhẽ tất-nhiên, cũng là bởi cái thần Vận-mệnh nó khiến nên như thế, mà không đáng trách-oán, không đáng tức-giận, chỉ đáng bi-thương vô-cùng vậy.

Một người thiếu-niên cha bị giết, giết người giết cha mình, mà người giết cha mình ấy là chồng thứ hai của mẹ mình: đó là cái cốt truyện như thế. Còn cái thể truyện thì là thể tự-thuật, nghĩa là tự mình kể truyện mình. Giả thù xong cho cha, người thiếu-niên ấy vẫn chưa thấy an-ủi trong lòng, muốn đem cái khổ của mình giải trên tờ giấy, mong cho bớt được chút nào chăng: bởi vậy mới bắt đầu chép tập « sám-hối-lục » rất bi-thảm này. Không phải là có hối gì cái việc phục-thù cho kẻ sinh-thành ra mình, nhưng thương thân vì cái vận-mệnh đã khiến mình phải vào tình-cảnh ấy; thương-thân mà đau-đớn trong lòng.

***

Thiếu-niên họ là Cồ-nại-lý, tiểu-tự là An-đức-lôi. Hồi gia-biến mới có chín tuổi. Bấy giờ là năm 1864. Cha tên là Nhược-ti-đinh nguyên làm thầy kiện có tiếng, sau lĩnh một « sở biện-sự » (*cabinet d'affaires*) to, công việc tốt, gia-tư ước được một triệu rưỡi phật-lăng. Ông cẩu-mẫn chính-trực, chăm-chỉ thạo việc, nhiều người ơn cậy, nhiều người trọng yêu. Mẹ tên là Mã-lý, nhan-sắc tuyệt vời, tài-tình phong-nhã. Nhà cao cửa rộng, thực là một bậc phú-quí ở thành Ba-lê. Ông Nhược-ti-đinh có người bạn thân, họ Tắc-môn-đức, tên Gia-khắc, xưa đồng-học ở trường Pháp-luật, thường đến chơi nhà luôn. Ông Tắc cũng là một người nho-nhã phong-lưu, trước có làm việc ngoại-giao, sau giàu có an-nhàn ở nhà. Một hôm ông chủ, ông bạn, phu-nhân với cậu-bé cùng ngồi ăn cơm, chủ-nhân đứng dậy trước, nói phải ra nhà giấy có việc vội: vì ông có hẹn lại nhà cho thăm một người khách ngoại-quốc, người ấy mượn ông thu-xếp mấy việc quan-trọng. Ông lại nói thêm rằng người khách ấy xem dáng dị-kỳ, ông cũng muốn tiếp mặt cho biết rõ người thế nào. Đi từ bấy giờ đến chiều không thấy về, sáng mai không thấy về, chiều mai cũng không thấy về. Phu-nhân ở nhà sốt ruột, cho mời ông bạn để mượn đi hỏi tin-tức. Ông bạn nói có nhẽ ông Nhược-ti-đinh phải kíp theo người ngoại-quốc đi có việc cần, nhờ người đem giấy về nhà mà người ta quên đi chăng, đợi đến sáng mai không thấy về thì ông sẽ hết sức cho đi tìm. Hôm sau thì thấy khiêng xác ông Nhược-ti-đinh về nhà; ông bị giết đã hai hôm, mà trong người không có giấy-má gì, sở cảnh-sát không nhận được ai, mãi đến bấy giờ mới tra biết nhà ông vậy. Thảm thay mà kỳ thay! không biết vì cớ gì bị giết, không biết bị ai giết. — Bấy giờ An-đức-lôi còn nhỏ, chưa hiểu đầu-đuôi thế nào, chỉ biết đau-đớn thương cha, trông thấy mẹ cũng rũ-rượi âu-sầu, thường hỏi mẹ thì mẹ cũng không nói rõ cho biết. Chỉ nghe miệng người vú già kể lại được chút nào hay chút ấy mà thôi. Biết mang-máng rằng cha bị giết, mà không giải được duyên-do cái bi-kịch ấy. Sau cố-ý tra-cứu trong các nhật-báo năm bấy giờ thì biết đại-khái cái án và biết tòa án đã hết-sức tìm-tòi trong mấy năm, không tra ra tên ác-phạm là ai.

Quan tòa xét các giấy má của ông Nhược-ti-đinh thì biết trước khi ông bị-hại có thư-từ với một người tên là Hán-lợi Lỗ-sĩ-đan, xưng là ủy-viên của công-ti Khắc-lâu-phật-nhĩ ở Cựu-kim-sơn bên nước Mĩ sai sang để xin chính-phủ Pháp lập đường hỏa-xa ở thuộc-địa Nam-kỳ. Trưa hôm ngồi ăn

cơm ở nhà mà ông vội đứng lên trước là có hẹn lại tiếp-truyện với người ấy ở nhà Đế-quốc-đại-khách-sạn. Ông ở nhà ra đi mười hai giờ một khắc, sau hỏi người canh-cửa nhà khách-sạn thì khai rằng ông đến đấy vào khoảng mười hai giờ rưỡi, hắn có nhờ ông hỏi buồng Lỗ-sĩ-đan ở số bao nhiêu.

Tên Lỗ-sĩ-đan ấy là người ngoại-quốc, đến khách-sạn ngày hôm trước, thuê một buồng ở từng thứ nhì có một phòng ngủ, một phòng khách. Từ lúc đến không ra ngoài, bữa cơm chiều hôm ấy và bữa sáng hôm sau đều ăn ở trong buồng. Người giữ cửa nhà khách-sạn lại nhớ rằng vào khoảng hai giờ thì người ngoại-quốc ấy xuống đi một mình, nhưng nhà hàng kể ra người vào nhiều, anh ta không nhớ cái ông khách vào chơi với người ấy lúc mười hai giờ rưỡi đã ra chưa. Tên Lỗ-sĩ-đan đưa lại chìa khóa buồng, dặn rằng có ai hỏi thì bảo đợi ở trên gác, rồi điềm-nhiên đi, miệng hút thuốc lá, tay cắp cái cặp. Từ đấy không thấy giở về nữa. Cả ngày, đến lối người nhà hàng vào dọn buồng ngủ, đi qua phòng khách không có ý nhận làm gì, chỉ thấy hòm đũng đồ lề vẫn còn để ngổn-ngang ra đấy, dọn xong lại ra. Trưa hôm sau người khách cũng không về, người nhà lại vào gập trăn giường, cũng vẫn không có ý nhận. Buổi chiều cũng vậy. Lại đến ngày hôm sau người nhà vào dọn vẫn thấy y-nguyên như cũ, lấy làm lạ, mới nhìn khắp trong buồng, thì trông thấy ở dưới ghế trang-kỷ một cái xác người nằm sóng-suột, đầu buộc vải trắng. Kêu lên, người nhà đồ vào, mở đầu ra thì thấy có vết súng bắn ở sau gáy. Xem đó thì biết bị bắn sau lưng, dễ đương lúc ngồi giở giấy má bàn việc với tên kia. Tiếng bắn chắc không ai nghe thấy, vì có nhẽ nó dùng thứ súng riêng, và đạn vào ngay chân óc, chắc là chết tức-thì. Nó đã sắp sẵn khăn buộc, bắn xong buộc kín ngay lại, rửa tay vào bình nước gần đấy, rồi điềm-nhiên hút thuốc đi. Không biết rằng nó giết để lấy tiền hay giết vì cớ gì. Hiện khám trong người ông thì không thấy đồng-hồ, không thấy ví tiền, không thấy giấy má gì cả. Nhưng không biết lúc ông đi trong người mang bao nhiêu tiền, mà cũng có nhẽ thằng kia lấy đồng-hồ ví tiền là để làm ra ăn trộm cho cảnh-sát khó tra, chớ không phải là chủ ý lấy tiền Tìm khắp trong người ông cũng không còn cái giấy má gì, nên lúc băn đầu cảnh-sát chưa thể nhận được là xác ai. Sau vạch sau áo lên thấy có hiệu người thợ may và số áo, đến hỏi nhà thợ may tra sổ mới biết là ông Nhược-tì-đinh Cồ-nại-lý. — Ấy đầu đuôi cái bi-kịch về sau quan tòa thuật lại như thế. Còn cái thằng giết người kia thì không sao tra-cứu được là ai. Tên Lỗ-sĩ-đan chắc là tên giả. Mở cái hòm nó để lại thì toàn những đồ xi-xăng mua ở một nhà đồ cũ nào. Nhà đồ cũ ấy sau cũng tìm ra được, nhưng kể hình-dung tên Lỗ-sĩ-đan lại không giống nhời khai người canh cửa nhà khách-sạn. Người canh cửa nói mặt nó đen đen, và có nhiều râu, người bán đồ cũ thì nói nó trắng mà không có râu. Sau xét ra trung-gian nó đã đổi hình-dạng, bôi mặt đen, buộc râu giả, còn cái tiếng nói, cái dáng với cái khổ người thì bao nhiêu người làm chứng đều khai giống nhau cả, từ người nhà hàng cơm, người đánh xe thuê, người bán đồ cũ, cho đến người thợ cạo sau tìm được cũng khai như thế ; người thợ cạo thì nói rằng tháng trước nó đến thửa một bộ tóc và một bộ râu thật khéo đeo vào khác hẳn người đi không ai nhận được mặt, nói để diễn một lớp tuồng giả-hình. — Ấy tòa án thẩm-cứu thì tra ra được bấy nhiêu điều, nhưng càng tra lại thấy việc càng kỳ, càng khó giải, vì

càng rõ rằng đứa phạm đã lập-tâm lâu và phòng-bị kỹ. Xét trong giấy má của ông Nhược-ti-đinh thì thấy có hai bức thư của tên Lỗ-sĩ-đan ấy gửi tự Luân-đôn về, hai cái cùng viết chữ đứng, đưa các nhà chuyên-môn xét thì quyết là chữ giả-hình. Hỏi đến công-ti Khắc-lâu-phật-nhĩ thì quả có một công-ti tên ấy ở thành Cựu-kim-sơn, nhưng công-ti ấy không từng phái người ủy-viên nào sang Pháp cả. Án này thực là một cái án tối-kỳ, trí người khó tưởng-tượng kịp. Chắc không phải là giết để lấy tiền, vì không có nhẽ dụng-công lập-mưu một cách tuyệt-diệu như thế để ăn trộm một ít tiền với cái đồng-hồ trong túi áo. Hay là giết thù chăng? Xét trong đời ông Nhược-ti-đinh không có sự gì đáng kể thù-hằn đến thế. Tòa án, sở cảnh-sát, đã dùng hết cách dò-la tra-cứu trong mấy tháng mà dành chịu không xét được cái án ấy. Đến sau việc nguội dần đi, rồi tắt hẳn.

Ấy tình-trạng cái bi-kịch trong nhà Cổ-nại-lý như thế. Cái bi-kịch ấy là khởi-điểm một cái bi-kịch vô-hình khác, thảm hơn gấp mấy lần, trong mười mấy năm về sau này. Nhưng muốn giải cái bi-kịch vô-hình ấy, trước phải hiểu tâm-lý những người trong truyện, vì truyện từ đây là thuần thuộc về tâm-giới, không từng xuất-hiện ra sự-thực, mãi cho đến cái kết-cục sau cùng cũng chỉ trong hai người biết với nhau mà thôi. Nhà tiểu-thuyết không cần phải mượn tài-liệu ở ngoài, chỉ thuần dùng những tình-ý trong lòng người mà kết-cấu thành truyện, thì thực là tuyệt khéo vậy.

Từ cái bi-kịch thứ nhất giở đi, trong nhà Cổ-nại-lý không sảy ra việc gì là việc khác thường, có thể nhân đấy mà đoán được cái bi-kịch thứ nhì về sau. Phu-nhân bấy giờ còn trẻ lắm, người lại đẹp, tình đa-tình, không mấy nỗi mà khuây-khỏa cái nông-nỗi thảm-sầu cũ. Nhân thấy ông bạn Tắc-môn-đức có ái-tình với mình, bèn nhận kết-duyên cùng ông. Từ đấy bắt đầu một cuộc đời mới, cái hình-ảnh cuộc đời cũ mỗi ngày một nhạt dần đi mà hầu thành ra lịch-sự vậy. Sự đó cũng không lấy gì làm lạ : đàn bà hóa trẻ cải-giá là thường, mà cải-giá với người bạn cũ chồng cũng không phải là một sự không từng có.

Lại đến cái nông-nỗi con bồ-côi cha ở với bố-dượng cũng là một nông-nỗi thuộc về nhẽ thông-thường. Duy có sự không thường là cái tâm-trạng của thiếu-niên từ bấy giờ. Người ta thường nói con trẻ có cái cảm-giác mạnh, phàm cảm sự gì dễ nhiễm mà khó quên. Huống chi cái cảm đây lại là cái cảm tê-tái lòng người, thấm-tím ruột gan, vào một người trầm-tiềm hay nghĩ như thiếu-niên tất càng ngày càng sâu mãi ra mà không thể mất đi được. Từ khi cha bị-hại một cách ám-muội như thế, thiếu-niên không lúc nào là không băn-khoăn trong lòng về cái vấn-đề bi-thảm : đứa ác-phạm giết cha mình là ai? Vẫn biết rằng tòa án đã hết sức tra không tìm được, nhưng có cái dự-tưởng phảng-phất rằng đứa ác-phạm ấy không thể thoát hẳn được. Cứ theo tâm-lý-học thì phàm cái cảm-giác gì cảm sâu quá, phàm cái tư-tưởng gì đã nuôi lâu ở trong lòng, sau thành tựa-hồ như một giống có sinh-hoạt ở trong người mình, tức như cái « thần » nó ám mình vậy. Thiếu-niên tơ-tưởng mãi đến cái việc cha bị giết, rồi cái tư-tưởng ấy càng ngày càng mạnh lên mà thành như cái mệnh-lệnh của người chết truyền cho người sống phải giả thù cho mình. Lấy cái lý-tưởng về tôn-giáo của Đông-phương ta thì cho là oan-hồn chưa được thỏa, còn khao-khát muốn hại kẻ làm oan; dễ cũng có nhẽ phải. Nhưng theo triết-lý của Âu-châu thì chẳng qua là cái nhẽ tất-nhiên thuộc về tình-thế cùng tâm-tình

người ta, tức là cái vận-mệnh vậy. Nhưng dù là vận-mệnh, dù là cái oan-hồn người chết khiến nên như thế, từ đấy thiếu-niên tự nguyện trong lòng dùng hết cách tìm cho được đứa ác-phạm mà báo-thù cho cha. Thiếu-niên nói trong tập Sám-hối : « Cái lòng muốn báo-thù ấy nó như ngôi sao chiếu-mệnh cho suốt một phần đời tôi, nó như cái đèn sáng mùi máu thắp trong quãng đêm dài của tôi. ». — Đồng-thời với cái lòng phục-thù ấy, trong tâm-hồn thiếu-niên lại xuất-hiện ra một cái lòng ghen-ghét nữa. Ghen-ghét ai ? Ghen-ghét người bố-dượng mình. Tục-ngữ nói mấy đời mẹ ghẻ có thương con chồng. Giá nói thêm mấy đời bố-dượng có thương con vợ cũng là phải. Mà mấy đời con chồng cũ lại biết yêu chồng mới là người đến cướp quyền của cha mình. Thiếu-niên càng trông thấy mẹ yêu mến chồng mới bao nhiêu càng như đứt ruột bấy nhiêu. Ông chồng mới lại là người tính ghẻ-lạnh, tuy đối với con vợ vẫn hết trách-nhiệm bảo-hộ, mà thực là không có chút cảm-tình gì. Chắc ông cũng ghét thiếu-niên bằng thiếu-niên ghét ông vậy. Phàm đã ghét thì hay xét. Khi nào hai người gặp mặt nhau không hề nói truyện nhiều. Thiếu-niên chỉ chủ-ý xem xét cách ăn nói đứng ngồi, hình-dung diện-mạo, mà suy lường cái tâm-tính của ông. Về phần ông đối với thiếu-niên chắc cũng thế. Nhưng thiếu-niên thường nhận những khi đối-diện nhau ông hay liếc mắt nhìn trộm mà có ý ngượng-ngập. Nhiều lần hình như ông nhìn mặt thiếu-niên lấy làm khó chịu lắm, giá có thể đuổi phắt được ra ngoài cũng không đừng. Ông là người vốn cương-cường, không phải vô-cố mà có cái thái-độ như thế. Thiếu-niên vẫn tự hỏi điều ấy, lấy làm một vấn-đề khó giải. Tuy bố-dượng con nuôi không ưa nhau là sự thường, nhưng không có nhẽ ghét nhau đến thế, lại nhất là ghét ngấm-ngầm, bề ngoài vẫn rất ân-cần tử-tế. Tựu-trung tất có một cái duyên-cớ ám-muội gì, cần phải phát-minh cho được. Thiếu-niên suy-nghĩ mãi về lý-do sự ghen-ghét ấy, rồi cái tư-tưởng ấy cũng trở thành một cái ma-lực như cái chí báo-thù kia. Cái ma-lực ghen-ghét với cái ma-lực báo-thù, hai cái bấy giờ càng ngày càng mạnh, hốt-nhiên như muốn dung-hợp với nhau làm một. Thiếu-niên trầm-tư mặc-tưởng mãi, ê-chề cả trong lòng, một ngày khởi ra cái nghi-vấn lạ thường : cái người mình rất ghen-ghét kia có phần gì vào cái án mình muốn báo-thù này không ? Cái người mình gọi là bố-dượng kia có phải là người giết bố đẻ mình không ? Thiếu-niên khởi ra cái nghi-vấn ấy mà rùng mình, mà khiếp-sợ, không dám quyết-đoán rằng quả như thế. Nhưng cái nghi-vấn ấy đã xuất-hiện ra không thể bỏ mà không giải-quyết được ; thế-tất phải xét cho đến cùng xem thực-hư thể nào. Từ đây giở đi là cái đoạn ngờ-vực đến cực-điểm. Nhân mấy việc ngẫu-nhiên sảy ra về sau mà sự ngờ-vực ấy biến thành sự sác-thực.

Thiếu-niên có một người cô già là chị ruột ông Nhược-ti-đính ngày xưa. Từ khi em bị-hại, bà chị vẫn phiền-não trong lòng, không bao giờ nguôi. Nhưng bà vốn sùng đạo, tin cái nghiệp-báo về lai-sinh, nên có khi thiếu-niên ngỏ cho cô biết cái chí báo-thù, bà vẫn thường can, nói rằng kẻ phạm-ác đã có Giời trị tội, ta không nên thiện-tiện mà phạm quyền Thượng-đế. Tuy vậy xem ý bà đối với cái án bi-thảm đó cũng có một sự nghi-vấn như thiếu-niên, làm cho bà đau-đớn trong lòng, nhưng bà rất kín-đáo không hề ngỏ ý cho cháu biết. Chợt bà mắc bệnh tê-thấp, mỗi ngày một nặng, rồi mất. Trước khi tạ-thế bà có cho gọi thiếu-niên lại, bảo lấy một tập giấy cũ đựng trong cái chạp con đem đốt đi. Bà tuy

bấy giờ không nói được nữa mà trông con mắt khẩn-khoản như muốn cầu cho đem đốt đi ngay. Thiếu-niên nhìn vào tập giấy thấy đề mấy chữ : « Thư của Nhược-ti-đình. Năm 1864 ». Thì ra tập ấy chính là tập thư của cha mình viết cho chị giữa năm 1864 là năm bị-hại vậy. Thiếu-niên chắc rằng trong thư đó tất có sự gì có thể giúp cho việc tra-cứu cái án kia. Bấy giờ cái chí báo-thù đương nồng-nàn, bèn cất tập thư vào một chỗ, nói dối cô rằng đã đốt rồi. Sau thiếu-niên vẫn tự hối sự dối người chết ấy là một sự đê-tiện, nhưng lúc bấy giờ cái ma-lực nó mạnh quá, không thể ngăn cầm được. Đến khi đem ra đọc tập thư đó thì càng đọc càng thấy mướt mồ-hôi ra. Trong suốt mấy cái thư toàn là những nhời em than với chị về nông-nỗi khổ trong gia-đình. Ông Nhược-ti-đình tự biết rằng vợ không có ái-tình với mình, mà cái anh bạn thân kia thực là con người nham-hiểm có ý muốn cướp vợ mình. Ông vẫn biết phu-nhân đoan-chính, tuy không yêu chồng bằng xưa nhưng không phải là có tình riêng với người kia. Song ông sợ Tắc-môn-đức đem lòng hiểm-độc mà phá cuộc gia-đình của mình. . . Mấy cái thư đó trước ngày bị-hại có mấy tháng. Thiếu-niên đọc đi đọc lại, tưởng như mình nằm trong mộng, nửa thức nửa tỉnh, nửa mê nửa cuồng. Tự nghĩ cái nghi-vấn nay đã đến ngày giải-quyết : cái người mình ghen-ghét, mình nghi-ngờ quả là kẻ thù không thể cùng đội giời đạp đất với mình vậy. Nhưng xét kỹ chẳng qua cũng là một sự dự-tưởng mà thôi, chưa có chứng-cớ gì đích-sác. Mới biết được rằng cha mình ghen Tắc-môn-đức mà ngờ cho muốn quyến-dũ mẹ mình, nhưng sự ghen sự ngờ đó không tất-nhiên là có quan-hệ với cái án về sau. Muốn rõ Tắc-môn-đức có phải là chủ-động cái án đó không, thì phải dùng cách thí-nghiệm khác, chớ một sự dự-tưởng ấy quyết không đủ. Nhưng thí-nghiệm ra làm sao ? Các nhà hình-pháp-học thường dạy rằng phàm kẻ phạm-tội hễ nghe nói đến cái tội mình, nói đến người bị-hại, thì chột dạ, trong bụng bối-rối, ngoài mặt biến-sắc, không được vững-vàng như lúc thường, người sành mắt nhận ra ngay. Thiếu-niên muốn dùng cách đó mà thí-nghiệm với bố-dượng, tự nghĩ rằng nếu người ấy quả là kẻ có tội thì mình nói đến tên cha mình, kể đến tình-trạng cái bi-kịch cũ tất giật mình mà biến sắc, nếu không thì điềm-nhiên mà không động dung. Ba lần thử như thế, cố ý nói thiết-tha về những việc cũ, ám-chỉ sự này sự kia, lại hỏi lắm câu đột-ngột, tưởng người non gan dễ chột dạ, mà người kia vẫn vô-tình như không, vững-vàng như thường. Như thế thì một là người vô-tội, hai là người có tội mà cái đảm-lực rất mạnh, cầm-giữ được cả sự cảm-động tự-nhiên. Duy có một lần, sau khi thí-nghiệm như thế, thiếu-niên đã giở ra về, đến dọc đường tỉnh-cờ trông thấy Tắc-môn-đức đi xe qua mà không biết mình. Nhìn mặt bấy giờ tiều-tụy quá, khác hẳn cái mặt điềm-nhiên lúc nãy. Người ta phi có sự khổ-não vô-cùng không đổi sắc mặt nhanh như thế. Thiếu-niên đồ rằng vừa mới rồi đối-diện nhau là cái nét mặt gượng cố làm ra điềm-nhiên, mà bây giờ ngồi một mình trong xe mới thực là cái mặt tiêu-điều khốn-nạn vì những nhời ám-chỉ mới rồi. Nhưng không có tội cớ sao lại biến sắc nhanh như thế ? Đó cũng là một cái chứng sác-thực vậy. Nhưng xét kỹ vẫn còn là cái chứng-cớ vô-hình, chưa đủ nhân đó mà làm tội một người được. Phải có cái chứng gì hiển-nhiên, có hình-tích rõ-ràng không thể nghi-ngờ được thì mới đủ bằng-cứ. Chứng ấy làm thế nào mà tìm cho được ? Quan tòa-án có thế-lực, có oai-quyền, dùng

hết phương-pháp, trong bao ngày tháng, còn không thể phát-minh được một cái chứng nào hiển-nhiên như thế ; huống chi là đan-độc một mình !

Thiếu-niên đã hầu thất-vọng, đành chịu không sao quyết được cái án khốn-nạn kia. Hốt nhiên được một sự tình-cờ thực là thiên-định. Thiếu-niên đối với mẹ vẫn một lòng yêu mến, không hề bao giờ mang bụng ngờ mẹ có phần gì vào cái việc ám-muội kia. Vì vẫn biết rằng mẹ là người nông-nổi nhẹ dạ, thực tình thương chồng cũ, thực tình yêu chồng mới, không có gan nào làm nên cái tội lầy-đình như thế. Cứ xem như sau này chính phu-nhân vô-tình mà thành ra trao cho con giai cái then cái chốt của cái án đó thì đủ biết phu-nhân không có một chút-đỉnh gì vào đấy, tựa-hồ như lăn-lóc trong đống máu đào mà không có tí vết đỏ trên tay vậy. — Một hôm thiếu-niên trông thấy mẹ có dáng âu-sầu. Ông chồng đã mấy tháng nay đau nặng, nhưng hôm ấy bệnh đã lui, đáng mừng mới phải mà lại thấy buồn hơn mọi khi, lấy làm lạ lắm. Cố hỏi mẹ vì cớ gì. Mẹ ngần-ngại giờ lâu, rồi mới chịu ngỏ việc riêng của mình cho con giai biết. Nguyên thiếu-niên vẫn biết rằng Tắc-môn-đức có một đứa em, hung-đồ có tiếng, mấy lần phải án ăn trộm ăn cướp, sau làm lính bỏ quân phải tội xử-tử, trốn đâm đầu xuống sông chết. Việc đó đã cũ lắm, ai cũng cho là tên ấy chết thực rồi. Nay phu-nhân nói rằng chồng mới bảo cho biết tên ấy chưa chết, xưa ông mạo khai với quan rằng nó tự-tử để cho nó thoát thân, đổi tên sang Mĩ-châu mà làm ăn, nay nó xin tiền ông không được, định về Pháp để phát-giác việc cũ làm cho tổn-hại danh-dự của ông. Hiện nó đã ở Ba-lê rồi. Phu-nhân lấy sự đó làm khổ-tâm lắm, vì chồng đương lúc bệnh nặng phải cái buồn ấy nữa thì e bệnh không khỏi được. Phu-nhân vẫn không biết trong bụng con giai đối với chồng mình có cái nghi rất to, nên mới nói truyện riêng của chồng cho con biết, không ngờ câu truyện ấy lại hình như gợi thêm cái nghi ra, khác nào như tưới dầu vào đống lửa cháy vậy. Thiếu niên từ trước tuy ngờ Tắc-môn-đức là giết cha mình mà còn một điều chưa thể giải được : là chính ngày hôm ấy, giữa giờ ông Nhược-li-đình bị-hại ở nhà khách-sạn thì Tắc-môn-đức còn đương cùng với mẹ mình ăn cơm nói truyện ở nhà, chắc không phải là tự tay hắn giết, tất thuê đứa côn-đồ nào giết. Nhưng cứ theo nhời khai của người làm chứng thì tên Lỗ-sĩ-đan gặp ông Nhược-ti-đình ở nhà khách-sạn ngày hôm ấy lại là người ngoại-quốc, nói tiếng Anh như người Mĩ. Đến nay thiếu-niên mới biết thằng em hung-đồ của Tắc-môn-đức vẫn còn sống mà nó đã ở bên Mĩ lâu năm. Bấy giờ hoảng-nhiên như trong tay nắm được cái chứng-cớ hiển-nhiên, đã khổ tâm tìm tòi mấy năm nay. Cái thằng Lỗ-sĩ-đan giả người Mĩ để giết cha mình ở Đế-quốc-khách-sạn, tất là thằng em Tắc-môn-đức, không sai. Thằng anh nham-hiểm độc-ác muốn cướp vợ bạn, biết rằng phu-nhân đoan-chính không bao giờ phản chồng mà theo mình, lập tâm giết bạn để quyến-dũ người yêu cho dễ, bèn lợi-dụng cái thằng em mạt-kiếp đã thạo nghề giết người lại được không ai biết rằng còn sống, để làm chân tay mà thực-hành cái mưu gian-ác ấy. Thôi cái án ám-muội kia nay đã rõ tỏ như bàn tay, không còn chút nghi-ngờ gì nữa. Thiếu-niên bấy giờ thấy cái nghị-lực trong người rất mạnh, nhất-tâm quyết thực-hành cho được cái chí báo-thù trong mười mấy năm nay. Hồi cha bị hại mới có lên chín, nay tuổi đã hai mươi bốn, trông mười lăm năm giời biết bao nhiêu nỗi khốn-khổ đau-đớn trong lòng, đến giờ mới thấy như chút được cái gánh nặng trên vai vậy.

Nhưng phải nghĩ cách thực-hành thế nào cho ổn-thỏa. Chắc khi hai anh em thằng kia mưu nhau làm sự đại-ác, tất có thư-từ cho nhau, thằng anh tất phải hứa cho thằng em nhiều tiền thằng em mới chịu nhận, rồi sau thằng em quấy nhiễu xin tiền thêm mãi, đến nay không cho nữa nó mới định về Pháp để dọa phát-giác việc kia ra. Muốn phát-giác tất phải giữ những cái thư trước làm tang-chứng. Chắc Tắc-môn-đức sợ những thư ấy tiết-lộ ra rõ cái tội ác của mình, nên thấy thằng em lại về Ba-lê lo mà phát-phiền nổi bệnh lên. Nói với vợ rằng sợ nó làm xấu danh-dự mình cũng là nói chặn trước cho vợ khỏi nghi-ngờ điều khác mà thôi. Nhưng không ngờ vợ lại kể cho con gái biết! Ấy sự đời lắm khi quẩn-quoanh như thế, không thể nào dự-liệu được trước. Lưới giời không lọt kẻ gian-phi! Vậy thiếu-niên bây giờ phải làm thế nào biết được chỗ thằng em Tắc-môn-đức cho, rồi lại làm thế nào mà bắt nó phải trao cho mấy cái thư kia. Chắc nó còn ở Ba-lê, dọa thằng anh cho được thật nhiều tiền mới chịu đi. Trong khi ấy anh em tất có vãng-lai với nhau. Thiếu-niên bèn thuê mật-thám theo Tắc-môn-đức những khi ở nhà đi ra. Quả-nhiên một hôm thấy đi vào nhà Đại-khách-sạn hỏi một người khách ngoại-quốc tên là Ti-đăng-bộ-lí, cho ở buồng số 353. Thiếu-niên chắc rằng tên Ti-đăng-bộ-lí ấy là tên giả của thằng em Tắc-môn-đức, không sai. Bèn tự nghĩ trong bụng như thế này: Đã biết người biết chỗ, ra báo tòa Cảnh-sát đến khám tên ấy, nếu quả nó là tên ác-phạm khi xưa thì bắt nó lại mà tịch-ký lấy giấy má của nó, nếu không phải thì lính cảnh-sát xin lỗi là nhầm cũng không hề gì. Cảnh-sát xưa nay nhầm thế là thường. Làm như vậy thì dễ lắm. Vả cái án cũ lại chưa tiêu-diệt-thời-hiệu, nếu bây giờ bắt được tên phạm thì tòa án còn có phép xử và bắt tội được. Nhưng thiếu-niên là người cao-thượng, tuy muốn báo-thù cho cha mà không muốn làm đau-đớn lòng mẹ. Nếu nhất-đán việc vỡ-lở ra, phu-nhân biết rằng người chồng mình yêu qui ngày nay, mình ăn ở với trong mười mấy năm nay chính là đứa ác-phạm giết chồng cũ mình khi xưa, thì bụng dạ-bà chịu sao cho được, tất đến phiền-não mà chết mất. Bất-nhược ta hãy hết sức giữ cho phu-nhân không biết, tự mình báo lấy cái thù của mình, không cần phải mượn đến thế-lực quan, có nhẽ như thế việc được ổn-thỏa hơn. Thiếu-niên bèn lập mưu như sau này: Định chiều hôm ấy thân đến nhà Khách-sạn, đường-đột vào hỏi tên Ti-lăng-bộ-lí. Nguyên thiếu-niên hình-dung diện-mạo giống cha khi xưa như hệt. Đã nghiệm phàm đứa giết người hễ trông thấy ai giống mặt người mình hại thì chột dạ mà thẳng-thốt lên. Vậy nếu tên Ti-lăng-bộ-lí chính là tên Lỗ-sĩ-đan ngày trước thì đột-nhiên trông thấy thiếu-niên tất phải biến-sắc. Thiếu-niên lại định khi giáp mặt không chào hẳn bằng tên Ti-lăng-bộ-lí mà chào bằng tên Lỗ-sĩ-đan. Nếu trúng thì tất nó phải rụng-rời người ra mà kinh-hoảng vô-cùng, tưởng như cái ma ông Nhược-ti-đinh hiện-hình ra mà làm tội nó. Nếu không phải nữa thì cũng cho như là mình vô-ý hỏi nhầm buồng người nọ vào buồng người kia mà thôi, chẳng hề gì. Nhưng giáp mặt rồi mà quả phải hẳn thì định làm thế nào? Nếu mình giết nó thì việc lại tiết-lộ ra mất. Vả nó chẳng qua là cái chân-tay của anh nó sai khiến mà thôi, vì tham tiền mà làm ác, chớ không phải lập-tâm hại người. Giết nó, không bằng giết thằng chủ-động kia. Vậy chỉ cốt làm sao cho nó chịu trao cho mình mấy cái thư của anh nó, để làm tang-chứng mà hành-hình kẻ đại-thù của mình. Đã không chủ-ý giết nó thì

chỉ có một cách mua lại mấy cái thư ấy, mà phải mua thật đắt mới được, vì chắc anh nó cũng đã mưu cho tiền để lấy lại mà nó chưa chịu đưa vậy. — Ấy trong bụng rắp định như thế, thiếu-niên bèn để đầy một vỉ giấy bạc, cầm một khẩu súng lục nhỏ mà thân-hành đến nhà Khách-sạn.

Đoạn này là đoạn nhà tiểu-thuyết tả rất khéo, hiển-nhiên như thực, xin lược-dịch ra đây cho các nhà đọc-báo biết cái cách người Âu-châu làm tiểu-thuyết thế nào.

Đây là nhời thiếu-niên kể, vì cả bộ tiểu-thuyết là một tập tự-thuật :

« Tôi đến từng gác thứ nhì, có con đường dài, ở góc cheo cái biển đề mấy chữ « Từ số 300 đến số 360 ». (Buồng hắn ở là số 353). Tôi gặp một tên bồi vừa đi vừa thổi còi. Hai con ở gái đương khúc-khích cười ở cái buồng ngay đầu thang xuống. Cửa chớp mở rộng, dưới sân những tiếng người rộn-rịp. Tôi nghĩ lúc này thực là một thời-khắc tốt để thi-hành cái mưu của tôi. Nhà khách-sạn đông người như thế, thằng kia dù muốn trốn cũng không chạy đàng nào được. Tôi đi lượt qua các cửa buồng, nhìn từng số... 345.... 350... 351...353... Đây chính là buồng tên Ái-đô-á Tắc-môn-đức ở đấy. (Tắc-môn-đức là tên họ, tên riêng anh là Gia-khắc, mà em là Ái-đô-á). Thìa-khóa để ngay ngoài cửa. Thế ra tình-cờ mà thực là lợi cho cái mưu mình quá. Cứ nhận một cái sự để khóa ở ngoài cửa đó cũng đủ biết con người ở trong buồng ấy đã chắc mình yên thận lắm rồi mà không cần phòng-bị gì. Vả hắn những ở ngoại-quốc có nhẽ cũng không biết rằng còn có tôi ở đời, mà tưởng cái án kia đã vắng hẳn trong tai mắt thế-nhân từ lâu năm rồi. Tôi đứng một phút đồng-hồ trước cái cửa đóng ấy. Hôm ấy tôi mặc áo chẽn cho túi áo vừa ngang tay, thò vào lấy ngay súng lục ra được. Tôi đề tay phải vào bang súng rồi mở cửa, không gõ.

« Trong buồng có một người nằm ngửa trên cái ghế dài, chân gác lên bàn, lưng ngoảnh vào cửa, vừa hút thuốc vừa đọc nhật-trình. Nghe có người vào cất tiếng hỏi : « Ai đấy ?.. » Cũng không thèm đứng dậy xem ai vào nữa, chắc là tên hầu-sáng nhà khách-sạn vào có việc, chớ không phải khach đến hỏi thăm. Hắn chưa kịp ngoảnh hẳn mặt lại tôi đã lên tiếng hỏi : « — Tôi hỏi thăm ông Lỗ-sĩ-đan ?... »

« Tôi vừa nói xong thì anh chàng đứng phắt ngay dậy, đẩy cái ghế dài ra, chạy sang bên kia bàn, rồi nhìn tôi, mặt trông biến sắc hẳn..... Dương hai con mắt sáng quắc, mặt sám như người chết, râu chắc ngày xưa đỏ, nay trông đã hoa râm. Miệng há hốc, chân run cầm cập. Người sức-lực mạnh khỏe mà hốt-nhiên như thằng-thốt điên-cuồng, tưởng như cái sức sinh-hoạt trong người lúc bấy giờ tê-mê cả đi. Đương lúc kinh-hoảng ấy tôi chỉ nghe hắn kêu một tiếng : « Cô-nại-lý !... »

« Thế là cái chứng-cớ hiển-nhiên tôi cố tìm đã mấy thang nay, đến nay mới thực là nắm được trong tay vậy ! Trong giây phút ấy tôi thấy như cái nghị-lực trong người tôi cương-cường lên bội phần. Tôi trông thấy kẻ thù của tôi kinh-hoảng bao nhiêu, tôi lại thấy tôi vững-vàng sáng suốt bấy nhiêu. Xét ra thằng này không tập quen cái tính giả-mạo bằng thằng anh. Nên nghe tôi gọi đến tên Lỗ-sĩ-đan, trông thấy mặt tôi giống cha tôi như hệt, lại thấy đường-đột đến như thế, tinh-thần kinh-hãi mà tán-loạn lên không thể thu-thập lại được. Người ta khi đương động-tác cái tư-tưởng thường nhanh nhẹn lắm. Tôi bấy giờ cũng vậy : trông cái tình-trạng ấy biết ngay rằng đó mới là sự kinh-hoảng trong tinh-thần, phải kế luôn một sự kinh-hoảng ngoài thân-thể nữa mới được... Nếu không thì nó hoàn-hồn lại, tất đâm xổ vào người tôi, đẩy ngửa tôi ra, rồi chạy liều như

thằng-hóa dại, không sợ người nhà trông thấy nắm lại... Như thế thì mưu mình hỏng mất. Nhưng bấy giờ tôi đã lôi cái súng lục trong túi áo ra rồi. Tôi chĩa vào giữa mặt thằng mạt-kiếp ấy, rồi tôi gọi chỉnh lên nó để cho nó biết rằng tôi đã biết cả. Tôi nói : « — Này bác Ái-đô-á Tắc-môn-đức, tôi bảo cho bác biết, hễ bác bước một bước lại tôi thì tôi cho một phát chết đứng. Bác là thằng ác-phạm giết người, bác giết cha tôi khi xưa, bác có nhớ không?...

« Tôi lại chỉ vào cái ghế ở góc cửa sổ mà bảo nó : — Bác ngồi xuống đây ! »

« Nó theo nhời tôi như cái máy vậy. Tôi bấy giờ đối với nó như có cái oai-quyền vô-hạn, nhưng tôi biết rằng hễ nó phục-hồi lại thì tất nó kháng-cự. Song dù từ đây mà có sảy ra sự bất-lợi cho tôi, cái công tôi cũng đã kết-quả được một phần rồi. Tôi muốn biết tên Ái-đô-á Tắc-môn-đức với tên Lỗ-sĩ-đan có phải là cùng một người không, thì cái đó tôi đã biết đích-nhiên rồi, có chứng-cớ hiển-nhiên rồi, không còn nghi-ngờ được nữa. Song còn một phần nữa chưa xong, là còn cái chứng-cớ kia, cái chứng-cớ nó khiến cho tôi đoạt được bố-dượng tôi, — tức là mấy cái thư, — phải làm thế nào bắt được thằng này nó trao lại cho tôi mới được. Cuộc quyết-đấu đã được một tuần, còn tuần nữa mới thực là xong. Tôi bèn liếc mắt nhìn quanh cái buồng tôi đương đứng với nó. Thấy ở trên giường về bên tay trái có một cái gậy chì, một cái mũ, một cái áo « ba-đờ-suy » ; trên bàn giường ngủ có một quả đấm bằng sắt với một khẩu súng lục. Bên tay phải có cái kỷ ngăn kéo, trên có con dao găm để lẫn với những đồ rửa mặt. Tựa vào một cái cửa đóng thì có cái hòm ; lại có cái tủ mặt gương để tựa vào một cái cửa đóng nữa, rồi đến cái bàn rửa mặt. Nó thì đứng giữa khoảng cái bàn với cái cửa chớp, tay tôi vẫn chĩa súng vào mặt. Nó có muốn trốn hoặc muốn chạy ra lấy cái khí-giới nào gần đấy tất phải đánh áp-chiến với tôi đã rồi mới ra thoát được. Nhưng trước khi vào đánh tất nó phải tôi bắn, vì súng tôi đã sẵn trên tay rồi. Vả dẫu người nó to nhớn mạnh khỏe, người tôi cũng không phải bé nhỏ yếu-ớt. Tôi hai mươi nhăm tuổi. Nó năm mươi tuổi. Cái thế tôi mạnh hơn là phải. Tôi tất phải đánh được.

« Tôi cũng ngồi xuống ghế, tay vẫn chĩa súng vào nó, tôi bảo nó :

« — Nào, thế bây giờ ta nói truyện...

« Nó đáp lại sẵng một câu rằng : — Bác muốn gì tôi nào ?

« Tiếng nó vừa trầm, vừa có giọng khàn khàn. Máu bừng lên má, mắt sáng quắc, thực giống mắt thằng anh như hệt. Nó lúc bấy giờ cũng vi như một con thú dữ, vừa mới phải sự nguy-hiểm to, hồi lại thấy hãy còn sống lấy làm kinh-ngạc.

« Nó vừa nắm tay lại vừa nói : — Thôi, tôi đã mắc bẫy rồi... Bác cứ bắn ngay một phát cho xong truyện...

« Tôi không giả nhời, tay vẫn chĩa súng vào nó. Nó lại nói to lên rằng : « — À phải, tôi biết rồi ; cái thằng anh tôi là thằng chó Gia-khắc ấy nó phản tôi, nó bán tôi cho ông, để nó rẫy tôi cho dễ... Cái án đã tiêu-diệt thời-hiệu rồi... Nó tưởng nó đã thoát thân. Phải, tôi biết nó là người lương-thiện rồi ; thế nó có nói với ông rằng nó cũng có phần vào cái án ấy không, nó có nói với ông rằng tôi đây tôi có tang chứng về cái tội của nó không ?. — À phải, nó tưởng tôi chịu để ông giết tôi đây mà không nói hay sao ?... Không ạ, tôi kêu lên bây giờ, họ bắt cả hai người, rồi sẽ rõ đầu đuôi. »

« Bấy giờ xem ra nó tức giận lắm, nó muốn hô-hán lên. Nhưng ác thay chính tôi cũng nổi giận. Tôi trông cái bàn tay nó to, những lông, lởn-vởn trên bàn như muốn cầm cái gì ném vào mặt tôi, mà tôi nóng tiết lên, tự nghĩ chỉnh cái

tay lờn-vờn ấy là cái tay đã giết cha tôi khi xưa đó... Tưởng chỉ nóng lên tí nữa là bại-sự, là đệ ngay phát súng vào xác thịt nó mà trông thấy máu chảy đầm đìa vậy. Tưởng thế thì mát lòng mát ruột là chừng nào!... Nhưng mà không. Tôi đã quyết không dùng cái cách báo thù thô-lược ấy rồi.

« Trong khoảng một giây đồng-hồ tôi trông thấy tôi phải bắt, thấy phải kể cả đầu đuôi, lại thấy cái khổ nó đứt ruột mẹ tôi. May sao cho tôi, lúc bấy giờ thằng ấy nó cũng hồi đầu mà nghĩ lại một chút. Chắc nó mới nghĩ thì tưởng rằng anh nó phản nó, chỉ kể cho tôi biết một nửa truyện để tôi báo thù mà làm hại nó. Đến sau thấy tôi dùng-dằng thì nó biết rằng cái chí tôi không phải là muốn giết nó. Bấy giờ hai bên nín một lúc, tôi nhân định-trí lại, rồi bảo nó rằng : — « Bác nhầm đấy, bác ạ. » Giọng tôi nói rất là bình-tĩnh, trông con mắt nó như lại lấy làm kinh-ngạc lắm. Nó nhìn tôi, rồi tôi thấy nó nhắm mi mắt mà cau trán lại. Tôi biết rằng nó thấy tôi giống hệt như cha tôi mà không dám nhìn nữa.

« Tôi lại nói, giọng vẫn điềm-nhiên như hai người bàn công việc, chớ không phải hai kẻ thù muốn giết chết nhau ; tôi nói : « Phải, bác nhầm đấy, tôi đến đây không phải là định bắt bác, mà cũng không phải là định giết bác, trừ khi bác lại muốn làm như bận nãy, khiến tôi bất-đắc-dĩ không thể đừng được thì không biết đâu... Tôi đến đây là chủ-ý bàn với bác một sự mua bán, nhưng bác phải làm tai nghe tôi mới được, bác cứ bình-tâm mà nghe như tôi bình-tâm nói với bác đây... »

« Hai người lại nín một lúc. Thấy tiếng người vừa đi vừa nói ngoài lối đi ngay áp cửa, lại thấy tiếng cười ồ lên. Thế cũng đủ cho hai bên lính-ngộ, bên tôi thì cố giữ mình cho khỏi nóng nẩy quá, bên nó thì biết rằng cái thân nó đương vào lúc nguy-hiểm đây. Cái buồng ở ngay áp lối đi thế, chỉ một tiếng súng một tiếng kêu là có người biết. Bởi vậy tên Ái-đô-á Tắc-môn-đức rất là chú-ý nghe tôi nói. Trên mặt nó nhác trông như có vẻ hi-vọng, rồi vụt lại biến ra nét mặt hồ-nghi.

« Nó nói, tiếng vẫn trầm nhưng đã dìu dịu : « — Ông định thế nào thì ông nói đi. »

« Tôi đáp lại, có ý thiết-tha cho nó biết rằng tôi thực bụng mà không định đánh lừa nó, tôi nói : « — Nếu tôi muốn giết bác thì đã giết bác rồi, bác không còn ngồi đâu đây nữa — (vừa nói tôi vừa đề cái súng xuống), — nếu tôi muốn bắt bác thì tôi không cần phải thân hành đến đây, chỉ hai tên lính cảnh-sát là đủ, vì chắc bác còn nhớ rằng bác phải tội đào-quân, pháp-luật muốn trị bác lúc nào cũng được. »

« Nó nghe bấy nhiêu nhời chỉ đáp lại một câu rằng : « — Phải rồi. »

« Rồi tựa-hồ như trong bụng nó vẫn ngẫm nghĩ một mình, mà tự hỏi to lên rằng : « — Không biết có phải thằng Gia-khắc nó lập tâm phản tôi không ?

« Xem đó thì biết nó vẫn ngờ là anh nó muốn làm hại nó. Sự nghi ngờ ấy rất là quan-hệ cho cái kết-cục buổi hôm nay.

« Nhưng tôi không đáp câu ấy, tôi nói luôn : « — Bác ở trong tay tôi, mà tôi không nỡ hại bác. Tôi tha cho bác ngày hôm kia, tôi tha cho bác ngày hôm qua, tôi tha cho bác sáng hôm nay, tôi tha cho bác vừa rồi, tôi lại tha cho bác hiện nay nữa, là vì tôi có một cái nhẽ quan-trọng ở đó. Nay bác có muốn tôi tha cho bác hẳn cũng là tùy bác đó. »

« Tuy tôi bấy giờ vẫn cầm cái súng lục, nhưng không chĩa vào người nó nữa. Nó bèn trỏ ngón tay vào cái súng

mà đáp lại: «—Thế này mà ông muốn tôi tin nhời ông nói sao được... Thôi, thôi, tôi không có mắc lừa rồi... »

« Tôi bèn nói lại, ra giọng rất khinh bỉ: — Bác nghe đây, bác như con chó dại, đáng giết chết ngay cũng là đáng, tôi tha cho bác là vì một cái nhẽ quan-trọng ấy tôi nói cho bác biết đây... Thằng anh bác là chồng mẹ tôi, tôi không muốn cho mẹ tôi biết thằng anh bác là con người thế nào, nên tôi mới cố giữ cho việc khỏi tiết-lộ ra... Thế bác đã hiểu vì cớ sao mà tôi định tha cho bác chưa?... Song bác cũng phải biết điều mới được... Vì nếu tôi quá giận thì dẫu nghĩ đến mẹ tôi tôi cũng giết bác. Tôi lại bảo cho bác biết cái án năm 1864 ấy chưa phải đã tiêu-diệt thời-hiệu đâu mà nghĩ. Vậy sự sống chết của bác là ở giữa trong giây phút này đây, bác phải liệu mới được... Nay tôi nói tóm vài nhời cái việc tôi định bàn với bác đây: trong mười năm nay bác đối với anh bác vẫn dùng cái cách dọa phát-giác việc cũ, mà cách ấy thực cũng đã lợi cho bác nhiều... Tôi chắc những khi bác khoét được tiền của anh bác, không phải là anh bác có vị gì tình máu mủ mà thương bác đâu, có phải không?... Khi hắn gọi bác ở Mĩ-châu về để giả-hình làm tên Lỗ-sĩ-đan, chắc hắn có thư-từ cho bác... Những thư ấy chắc bác còn giữ... Tôi mua bác một vạn phật-lăng, bác giao cả lại cho tôi. »

« Nó đáp lại, nghe giọng bấy giờ đã vững-vàng lắm: « — Ông cho tôi là thằng khờ hay sao mà ông lại bàn với tôi cái truyện như thế?... Túng-sử có thư-từ như thế thực mà tôi còn giữ thực, sao tôi lại có trao cho ông như thế?... Lấy gì làm bằng rằng đến khi ông nắm được giấy rồi, ông không viện người đến bắt tôi?. » — Bấy giờ nó nhìn hẳn vào mặt tôi mà nói: « — À, phải! bác định thử tôi à? Bác chưa biết rõ, bác mưu đánh bẫy tôi... Cái tên ấy... Cái mặt giống ấy... Tôi là thằng dại thật...»

« Mặt nó bấy giờ dỏ bừng lên, tức-giận lắm. Nó vẫn tục ra một câu, rồi nói to lên: « — Này tao bảo cho mày! » — Bấy giờ lại là giữa lúc tôi không chĩa súng vào nó, nó đẩy mạnh cái bàn vào tôi, giá tôi không nhẩy lùi lại đằng sau thì ngã ngửa ra. Nhưng bấy giờ nó đã đâm xồ vào ôm ngang lấy người tôi. Nó xông vào nhanh quá, tôi đánh dơi cái súng trên tay xuống, thành ra không thể dùng được, cũng là một sự may. Hai bên đánh nhau, không ai nói một câu gì. Nó nhẩy vào trước, vật ngã được tôi xuống đất, nhưng tôi vốn cũng sức-lực lắm, thủa nhỏ đã kinh-cụ nhiều, nên về phần thể-dục cũng giỏi. Tôi thấy hơi nó thở vào mặt tôi, thịt nó áp thịt tôi, da nó áp da tôi, ngửi cả thấy cái mùi người nó. Bấy giờ tôi tức-giận quá, hăng lên tưởng gấp mười khi thường, lại sợ người ta nghe thấy tiếng đánh nhau nên cái đảm-lực lại càng mạnh, mà về phần nó thì xem ra đã thấy kém. Hai bên ôm chặt nhau trong mấy phút đồng-hồ, rồi nó thấy phần nó yếu sức bèn ghé răng cắn vào vai tôi đau quá cuồng người lên; tôi gỡ được một cánh tay ra, nắm vào cổ họng nó, tưởng bóp chết ngay lúc bấy giờ... Từ đấy tôi cưỡi lên mình nó, giập đầu nó xuống phản gác, tưởng vỡ ra được. Trong một phút đồng-hồ nó đờ người ra. Tôi tưởng tôi đã đánh chết nó rồi. Tôi chạy nhặt cái súng lục rơi ra gần cửa, rồi giở lại lấy nước lã tẩm vào trán cho nó tỉnh dậy.

« Tôi đứng soi vào cái gương tủ thấy cổ áo rách, mặt thâm tím, giây buộc cổ áo tan từng mảnh, rùng mình sợ, không nhận ra mặt mình nữa. Nghĩ đến cái sự đánh vật đó mà lấy làm đê-tiện hèn mạt, nhưng lúc này không phải là lúc dở cái phong-thái cao-thượng của con người văn-nhã ra

được. Ngoảnh lại thì thấy thằng kia đã hoàn-hồn. Lần này tôi quyết làm cho xong. Tôi thề-nguyện không phạm đến mẹ tôi, nhưng thiết-tưởng thế này cũng đã là hết sức rồi. Nếu có tội thì là tội tại vận-mệnh mà thôi... Thằng mạt-kiếp ấy đã nhấc được nửa mình lên, mà ngửng đầu nhìn tôi. Tôi lại gần nó, kề miệng súng lục vào bên trán, rồi nói : «— Còn thì-giờ đây, tao hạn cho mày năm phút đồng-hồ, mày có nhận nhời tao lúc nãy hay không thì mày bảo ; đưa thư cho tao thì tao giả một vạn phật-lăng mà tao tha cho, không thì viên đạn này vào óc... Mày chọn xem đằng nào hơn... Tao muốn tha cho mày là vì mẹ tao ; nhưng tao không chịu mất cả hai cái thù của tao... Hễ mày động thì mày chết... Cho người ta bắt tao, người ta khám giấy má của mày, tìm thấy những cái thư đó thì biết tao có phép được bắn tan sọ mày ra... Mẹ tao phiền não đau đớn... Nhưng tao giả được cái thù của tao... Tao nói rồi đấy. Hạn cho mày đúng năm phút, không được hơn một phút nào nữa.»

« Chắc cái nét mặt tôi lúc bấy giờ quả-quyết lắm. Vì thằng giết người kia nhìn mặt tôi rồi nhìn đồng-hồ, nó muốn giơ tay lên lại trông thấy ngón tay tôi đã sắp bấm vào cò súng.

« Nó nói : — Tôi xin hàng.

« Tôi đáp : — Thế thì cho bác đứng dậy.

« Nó lại theo nhời tôi như cái máy.

« Tôi hỏi : — Thư để đâu ?

« Bấy giờ nó dơ cái mặt hèn mạt ra mà nói ra giọng van-vỉ, một cách rất đê-tiện : — Thế tôi đưa thư cho ông rồi thì ông để tôi đi, nhé ?

« Trông mặt nó ra dáng lo sợ lắm, tôi bèn nói : «—Tôi thề với bác,—» tôi lại nói thêm : — Đã có vong-linh cha tôi chứng-minh..» Xong rồi lại hỏi lần nữa :

« — Thư để đâu ?

« Nó chỏ vào cái hòm để góc buồng mà nói : — Đây.

« Tôi ném cả cái ví đựng giấy bạc cho nó mà nói : — Tiền đấy.

« Không biết cái giọng nói, cái tiếng người nó có cái ma-lực gì không, hay là cái khí-vị đặc-biệt lúc bấy giờ, hay là nhời thề trịnh-trọng tôi vừa mới nói mà nó đủ khiến cho thằng ấy dám tin rằng tôi nói thực ? Nó không hề lưỡng-lự một chút nào ; nó mở cái hòm đánh đai sắt, lôi một cái hộp da vàng nhỏ khóa bằng chìa khóa kín, rồi lại lôi trong hộp ấy ra một cái phong bì nhớn, ném lại cho tôi cũng như tôi ném giấy bạc cho nó lúc nãy. Về phần tôi, tôi cũng không hề sợ rằng nó lấy cái khí-giới nào để trong hòm mà đánh tôi chăng ; tôi mở phong-bì soạn xem thì chỉ thấy có ba cái thư mà thôi. hai cái đóng dấu Ba-lê và Nữu-ước, một cái đóng dấu Lí-duy-bản mà ba cái đều đề ngày thảng giêng thảng hai năm 1864.

« Nó hỏi tôi : — Thôi chớ ?

« Tôi đáp : — Chưa ; bác phải đoan với tôi rằng bác đi ngay chuyến tầu nhất chiều hôm nay, không được gặp mặt anh bác mà cũng không được viết thư cho hắn, nghe chưa ?

«Nó nói : —Xin y nhời ; còn gì nữa?...

« Tôi hỏi : — Thế bao giờ hắn hẹn đến với bác?...

« Nó sích vai lên mà đáp : — Ngày thứ bảy. Tôi đã nhận nhời bán cho hắn rồi, hắn còn đợi đến ngày tôi đi tàu bể mới giao tiền, sợ tôi còn ở lại Ba-lê chăng... Việc đã xong rồi, tôi cần gì đến hắn nữa...

«Tôi vừa đứng dậy vừa nói : — Này bác Ái đô-á Tắc-môn-đức, bác phải nhớ rằng tôi đã tha làm phúc cho bác, nhưng không được bao giờ giở lại quấy tôi lần nữa, hoặc quấy một người yêu-quí của tôi, bác nghe chưa?...

« Tôi giơ tay làm hiệu dọa, rồi bước chân ra ; nó vẫn ngồi ở cái bàn gần cửa sổ ..... »

Ấy đoạn tiểu-thuyết tả tình-tế như thế, nhời văn như có vận-động sinh-hoạt, người đọc trông thấy cái cảnh-tượng hiển-nhiên trước mắt như xem một lớp tuồng, mà lớp tuồng rất có ý-vị, vì không những xem hai người hành động trên sân khấu, lại thấu được cả cái tâm-trạng hai người nữa. Văn-chương đến thế là tuyệt-khéo.

Nay ta kể tiếp theo cho biết cái kết-cục truyện thế nào. Cái kết-cục ấy tất ai ai cũng đã dự-đoán mà biết trước rồi. Thiếu-niên đã chịu phí-tiền, lại chịu bỏ hoài mất cái dịp báo-thù thứ nhất, không thèm giết đứa hung-đồ chính tay nó đã giết cha mình, là chỉ chủ để hành-tội một cách rất đích đáng kẻ ác thù kia còn hiểm-độc hơn nhiều. Nhưng thiếu-niên là người cao-thượng, trước khi dang tay giết người, dù là vị một cái nghĩa rất chính-đáng mà giết nữa, trong lòng cũng là đau-đớn thảm-sầu vô cùng : cái bụng trắc ẩn, cái lòng bất-nhẫn, nó muốn phản-đối với cái chí báo thù. Nhưng cái chí báo thù này là cái chí đã ngấm-ngầm trong mười mấy năm, đã qua lắm nỗi cực-khổ, đã trải nhiều phen khốn-nạn, nay sắp đến ngày thành-tựu, không sức gì ngăn cầm được nữa.

Thiếu-niên tự nghĩ : « Tôi có quyền hành-tội đứa đã giết cha tôi... Khi xã-hội xử một đứa phạm-tội thì xã-hội lấy cái nhẽ gì mà quyết rằng đứa ấy đáng chết ? Có phải là ông giời nào ủy cho cái quyền ấy không ? Chẳng qua là cả các người trong xã-hội ủy-thác cho xã hội cái quyền đó mà thôi. Mỗi người trong xã-hội có quyền tự bảo-thủ lấy mình, gồm cái quyền ấy lại thì thành ra cái quyền của xã-hội được trừng-trị những kẻ phạm-tội. Cũng tựa-hồ như mỗi người ta đối với xã-hội có một cái mặt-ước. Nếu mỗi người tự mình không có quyền tự bảo-thủ, thì xã-hội cũng không có quyền được trừng-trị kẻ phạm-tội, vì quyền của xã-hội tức là cộng cả quyền của mỗi người vậy. Về phần tôi thì vì có nhẽ cao-thượng ngăn-trở mà thành ra cái mặt-ước của xã-hội với tôi không thể thi-hành được. Vậy tôi thủ-tiêu cái ước ấy mà tôi lấy lại quyền tôi... Quyền gì ? Tức là cái quyền của tôi được tự bảo-thủ lấy mình vậy.... Có cái quyền tự bảo-thủ ngoài thân-thể thì cũng phải có cái quyền tự bảo-thủ trong tâm-hồn. Bố-dượng tôi vừa giết mất cha tôi, lại vừa cướp mất mẹ tôi. Thế là nó đoạt mất hai cái ái-tình tối thân trong đời tôi ; tôi lại không có quyền đánh tan xác nó ra như đánh thằng kẻ trộm băn đêm lẻn vào nhà tôi, hay sao ?...» Ấy thiếu-niên suy đi nghĩ lại mãi một mình như thế. Đến lúc đã quyết-chí rồi mới nghĩ đến cách thi-hành : Một là chính mình giết, hai là bắt nó phải tự-tử. Nếu chính mình giết thì việc lại tiết-lộ ra mất, mẹ mình lại biết mất, mà cái công mình tha cho thằng em nó mới rồi thành ra uổng mất ; như thế thì thà rằng giết cả hai thằng cho cam. Nhưng bắt nó tự-tử thì bắt làm sao cho được ? Thiếu niên biết rằng bố-dượng say mê sùng bái mẹ mình quá. Nếu bây giờ đường-đột vào nói độp ngay trước mặt : « Chính anh giết cha tôi, tôi đã có tang-chứng rành rành đây. Anh phải tự-tử không thì tôi mách mẹ tôi... Chắc nó muốn tự tử còn hơn là sống để chịu nhục với người yêu. Như thế thì bụng mình cũng được thỏa mà tay mình không đến nỗi phải dúng máu... »

Bốn giờ chiều hôm ấy thiếu-niên đến nhà mẹ. May gặp giữa lúc mẹ đi chơi vắng, bố-dượng ở nhà một mình.

Đoạn kết-cục này tả cũng khéo bằng cái đoạn dịch trên kia, tiếc vì bài đã dài quá không thể dịch được. Kể lược qua thì mất cái tinh-thần đi nhiều, vì cái tinh-thần ấy ở nhời văn sinh-hoạt, không một ở nghĩa truyện.

Thiếu-niên vào buồng giấy, ông giơ tay không thèm bắt, nói sẵng một câu rằng : « Cái thời giả-dối đã qua rồi. Người kia có biết ta đây đã biết cả rồi không ?... »

Ông chỉ đáp lại : « — Tôi không hiểu anh nói truyện gì. »

Thiếu-niên bấy giờ mới kể ra một truyện hệt như cái án cha mình, mà không nói tên người nào. Nói rằng năm ấy, có một người như thế, lập mưu cướp vợ bạn, sai một thằng em như thế đánh lừa giết bạn đầu đuôi như thế ; giết được hai năm thì cưới vợ bạn làm vợ như thế ; hiện nay giàu có sang trọng như thế, không ai biết là thằng phạm tội giết người. Nói xong rồi hỏi : « Thế ông đã hiểu chưa ? »

Ông vẫn làm mặt điềm-nhiên vững-vàng — thế mới biết cái gan to thật, — đáp lại : « Tôi vẫn chưa biểu. »

Thiếu-niên lại nói : « — Cái thằng giết người ấy là thằng hèn mạt, nó không dám nhận tội nó. — » Rồi thiếu-niên kể từng cái thư một, tự đâu gửi đến, trong dặn những gì, hẹn nhau ở những nơi nào, không thiếu một tí gì...

Mặt ông bấy giờ cứ xám dần đi. Thế mà còn có gan hỏi lại một câu : « — Cái thằng mạt-kiếp Ái-đô-á ấy nó đòi anh bao nhiêu tiền mà nó mạo-chế ra được mấy cái thư ấy ? »

Thiếu-niên nổi giận lên, mắng rằng đừng làm mặt giả lờ nữa. Ông càng trông càng tiêu-điều sầu-thảm vô cùng, không thể cãi sao được, nói như than một mình : « Thôi, đến thế này là cùng ! » Xong rồi hỏi thiếu-niên : « Thế bây giờ anh muốn làm gì tôi ? »

Thiếu-niên nói : « Tôi hạn cho trong hai mươi bốn giờ phải tự-tử cho xong đời. Nếu hết hai mươi bốn giờ còn sống thì tôi đưa thư cho mẹ tôi. »

Cái ái-tình mạnh thật. Ông người vốn cương-cường gan-góc như thế mà nghe nói đến người yêu nhu-thuần ngay lại được. Đương hách mà hóa ra hèn ngay. Nhời van-vỉ, giọng nằn-ni, xin thiếu-niên để cho ít lâu nữa, cho phu-nhân khỏi phiền, vì ông nay mang bệnh nặng không còn sống được bao nhiêu đâu ; xin nghĩ đến mẹ mà đoái thương...

Thiếu-niên nhất định không nghe. Bấy giờ cái khí kiêu-căng cũ của ông nó lại nổi lên ; ông nói : « — Ừ thì tao thách mày đấy ! Tao yêu mẹ mày, chắc mày cũng qui mẹ mày. Tao thách mày có gan đưa mấy cái thư ấy cho mẹ mày để mẹ mày héo gan đứt ruột thì mày cứ đưa ! Tao cũng vì mẹ mày mới để cho mày sống được đến nay. mày có biết không ? mày tưởng tao lại không ghét mày bằng mày ghét tao, hay sao ?... »

Thiếu-niên bấy giờ sung tiết lên, không thể đừng được nữa, cầm con dao giọc giấy trên bàn, xông vào đâm giữa ngực ông một nhát, vừa đâm vừa nói : « Mày không muốn chết à ? Để tao giết hộ mày... » — Ông tay ôm ngực, mà còn có sức vớ lấy mảnh giấy trên bàn, chấm ngòi bút vào lọ mực, viết mấy chữ : « *Mã-li Ái-khánh, mình tha lỗi cho tôi, tôi khổ quá, không thể sống được nữa...* », rồi ký tên dưới. Xong gục đầu xuống bàn chết, máu chảy lênh láng.

Thiếu-niên mới trông thấy mảnh giấy ấy giận quá muốn sẻ ngay đi, tức rằng con người hiểm-độc đến thế mà còn có cái ái-tình mạnh như vậy, chết đến nơi còn sợ việc tiết-lộ ra đau lòng vợ, viết mấy chữ ấy cho người ta tưởng rằng chính mình tự-tử. Sau nghĩ đến mẹ, muốn cho việc ổn-thỏa như lòng sở-nguyện, lại để lại mảnh giấy trên bàn mà đi ra.....

Thế là trượng-phu trẻ tuổi đã giả thù được cho cha, mà mẹ vẫn mang-nhiên không biết nông-nỗi chút nào. Tưởng thỏa dạ lắm là phải, mà vẫn không thấy hết khổ trong lòng. Hằng ngày trông mẹ ủ-dột âu-sầu, không nguôi thương sót chồng là kẻ đại-thù mình

mới hành tội xong, mà thiếu-niên như tâm-can đòi đoạn, cái khổ lại bội phần hơn xưa....

Bởi thế mới viết tập « Sám-hối-lục » này.

Ôi ! cái bi-kịch trong gia-đình ! không gì thảm bằng !

Nét bút nhà văn-sĩ tả được những bi-kịch như thế, cũng là thần-diệu vậy.

***

Ấy cái lối « tâm-lý tiểu-thuyết » của Ba-nhật tiên-sinh như thế. Tuy tiên-sinh đã nổi tài về lối ấy mà trong văn-giới cũng còn có người chê. Tiền-bối như bậc ông Đô-mã (ALEXANDRE DUMAS fils) đã từng có khi bảo tiên-sinh rằng:

« Cái lối tiểu-thuyết của ông khác nào như lối cái người kia tôi hỏi bây giờ là mấy giờ, giở đồng-hồ cho tôi xem, rồi lại đem đập tan ra cho xem cả cái máy ở trong chạy thế nào... »(1)

Tuy vậy cũng là một nhời ông Đô-mã nói đùa tiên-sinh mà thôi, không phải là nhời chê. Về phần riêng tôi, tôi vẫn thiên-trọng cái lối « tâm-lý tiểu-thuyết » hơn các lối khác, mà trọng nhất là lối « tâm-lý tiểu-thuyết » của Ba-nhật tiên-sinh. Không lối nào khiến người xem khôn người ra bằng lối ấy. Nhưng chắc là nhà tiểu-thuyết phải có tài và nhất là thành-thực thì mới cảm được người xem như thế.

Học-vấn văn-chương nước ta xưa nay vẫn phải cái tật hàm-hồ. Vì được nhiều người cần-trọng như Ba tiên-sinh ai hỏi giờ đập đồng-hồ cho người ta xem máy, cũng còn hơn là cẩu-thả như người mình, ai hỏi giờ không thèm nhìn đồng-hồ mà nói phỏng, chín giờ thì nói trong khoảng từ tám đến mười, không từng chịu khó xem cho đúng vậy.

PH. Q.

(1) « Vous me faites l'effet d'un homme à qui je demande l'heure, qui tire sa montre et qui la casse devant moi pour me montrer comment marchait le ressort... » (Alexandre DUMAS fils à Paul BOURGET).

Khúc Thu-diệp-lạc
秋葉落新曲

Lòng hò hẹn,
Với non sông.
Trăm năm thề-nguyện.
Một lòng,
cùng nhau dủ vẹn.

Hoa đào cười gió đông,
Thư một phong,
Tiện cánh-hồng,
Mấy lời tâm-phúc,
Gửi bạn tâm-đồng.

Khúc Kim-phong-suy
金風吹新曲

Giăng bạc chênh chênh.
Giọi bên mành,
Đêm thu chẳn chọc,
Vườn xuông con dế than sầu.

Một mình thơ thẩn,
Ngọn đèn xanh,
Thấp thoáng với tình,
Màn loan dẫn dọc suốt năm canh.

TRIẾT-HỌC

TRIẾT-HỌC NƯỚC PHÁP[1]

III

Địch-cát-đức, Ba-ti-căn, Mã-lặc-ba-lan-sĩ, đó là ba tên nhớn trong triết-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 17. Ba ông là ba cái mô-phạm chung của các phái triết-học đã xuất-hiện ra trong đời cận-đại này vậy.

Về thế-kỷ thứ 18, cái sức sáng-tạo của triết-học nước Pháp cũng vẫn mạnh như thế. Nhưng đây ta cũng không thể kể hết được. Ta chỉ thuật qua mấy cái học-thuyết quan-trọng nhất, cùng kể mấy tên chính mà thôi.

Ngày nay trong triết-học-giới mới bắt đầu biết đến cái công-nghiệp của ông Lạp-mã-khắc (Lamarck, 1744-1829). Ông là một nhà bác-vật, lại kiêm một nhà triết-học nữa ; chính ông là người khởi-xướng ra cái tiến-hóa-thuyết (*théorie de l'évolution*). Chính ông là người trước nhất đã sáng-nghĩ ra cùng suy-diễn đến cùng cái lý-tưởng rằng các giống sinh-vật thực là bởi giống nọ biến-hóa mà thành ra giống kia vậy. Nhà bác-vật nước Anh Đạt-nhĩ-văn (Darwin)[2] về sau này cũng xướng theo một cái thuyết như thế : nói thế không phải là để giảm cái danh-dự của Đạt-nhĩ-văn đâu. Ông Đạt tuy đến sau nhưng đã nghiên-cứu sự-thực kỹ hơn ; nhất là ông đã có công phát-minh ra cái nhẽ sinh-tồn-cạnh-tranh cùng phép đào-thải các giống. Nhưng cạnh-tranh cùng đào-thải cũng là chỉ giải được cái cách biến-đổi thế nào, không thể giải được sở-dĩ làm sao mà sinh ra biến-đổi, chính ông Đạt cũng phải chịu như thế. Trước ông Đạt, ông Lạp-mã-khắc đã từng nói về sự biến-đổi các giống-vật cũng phân-minh như thế, mà ông lại cố tìm để giải cái nguyên-nhân sự ấy nữa.

Ngày nay có nhà bác-vật lại giở về cái học cũ của ông Lạp, hoặc để điều-hòa cái học ấy với cái học của ông Đạt, hoặc để cải-lương Lạp-học (*Lamarckisme*) mà thay vào Đạt-học (*Darwinisme*). Xem thế thì biết nước Pháp về thế-kỷ thứ 18, bởi tay ông Lạp-mã-khắc thực đã hiến cho khoa-học và triết-học một cái nguyên-lý nhớn để lý-hội cái « hữu-cơ-thể-giới », cũng tức như về thế-kỷ trước, nước Pháp bởi tay ông Định-cát-đức đã hiến cho khoa-học và triết-học một cái nguyên-lý nhớn để lý-hội cái « vô-cơ-thể-giới » vậy[3].

---

(1) Xem *Nam-Phong*, số 8, trang 85-88.

(2) Darwin, Tầu dịch là Đạt-nhĩ-văn, người Anh, làm sách « Chủng-nguyên » (*Origine des espèces*), xướng ra cái thuyết về sinh-tồn cạnh-tranh (*la lutte pour la vie* cùng về phép đào-thải (*la sélection*).

(3) « Hữu-cơ-thể-giới » (*monde organique*), là cái thế-giới có cơ-thể tức là gồm những vật có sinh-hoạt (như động-vật, thực-vật). « Vô-cơ thế-giới » (*monde inorganique*), là thế-giới không có cơ-thể tức là những vật-chất không sống. — Ai cũng biết rằng ngày nay cái tiến-hóa-thuyết (*théorie de l'evolution*) thịnh-hành lắm. Theo cái thuyết ấy thì các giống vật là giống nọ bởi giống kia mà thành ra, biến-hóa lẫn nhau, càng biến thì càng tiến, không có giống gì bỗng dưng mà thành được, thực là trái với cai sáng-tạo-thuyết (*dogme de la création*) của các tôn-giáo. Nhà bác-vật Anh Đạt-nhĩ-văn trước nhất dựng cái tiến-hóa-thuyết thành « thuyết-hệ ». Nhưng tôi chỉ của cái thuyết ấy thì trước ông Đạt, nhà bác-vật Pháp là ông Lạp-mã-khắc đã xướng lên rồi, mãi đến bây giờ trong học-giới các nước mới biết công ấy cho ông mà nhiều nhà lại muốn bỏ ông Đạt để quay về cái học cũ của ông. Ông Lạp xướng ra cái tiến-hóa-thuyết thực là giúp cho khoa-học triết-học được một mối nhớn để giải cái hữu-cơ-thể-giới, cũng tức như ông Địch-cát-đức đời trước đã giúp để giải cai vô-cơ-thể-giới, công hai người cũng là to bằng nhau.

Vả nước Pháp trước ông Lạp-mã-khắc cũng đã có nhiều nhà bác-vật như Bộ-phong (Buffon, 1707-1788), Bản-nại (Bonnet, 1720-1793), nghiên-cứu về nhẽ vạn-vật, về sự sinh-hoạt, phát-minh được nhiều điều mới lạ, tức cũng là mở đường sẵn cho ông Lạp-mã-khắc vậy.

Đại-khái thì các nhà tư-tưởng Pháp về thế-kỷ thứ 18 là nhặt sẵn tài-liệu để cho thế-kỷ sau dựng lên các lý-thuyết về vạn-vật. Ta vừa mới nói về sự tiến-hóa tức là cái vấn-đề về căn-nguyên các giống vật. Còn cái vấn-đề về sự quan-hệ của tinh-thần (*l'esprit*) với vật-chất (*la matière*) cũng do các nhà triết-học Pháp về thế-kỷ thứ 18 khởi-xướng lên. Tuy các nhà ấy thường là thiên về mặt « duy-vật », nhưng trong cách diễn-thiết cái vấn-đề rất là phân-minh tường-tận, khiến cho muốn giải ra mặt khác cũng được. Trong các nhà ấy phải nhớ mấy tên ông Lạp Mễ-đức-li (La mettrie. 1709-1751), ông Cát-ba-ni (Cabanis, 1757-1808), v. v

Cái học-thuyết của các nhà ấy thực là khai đường mở lối cho môn-học mới gọi là « tâm-lý-sinh-lý-học »[1] phát-đạt trong thế-kỷ thứ 19. Nhưng không những một môn-học mới ấy, chính ngay cái tâm-lý-học cũng là khởi-nguyễn tự các nhà triết-học Pháp về thế-kỷ thứ 18, nhất là ông Công-dịch-lạp (Condillac, 1715-1780). Tuy ông cũng có chịu ảnh-hưởng ít nhiều của nhà triết-học Anh La-khắc (Locke), nhưng mà chính ông La-khắc chẳng cũng đã chịu ảnh-hưởng của ông Địch-cát-đức, v ?

Đây ta không phải nói đến cái xã-hội-triết-học ; cái triết-học ấy là thuộc về xã-hội-học. Nhưng ai là người chẳng biết rằng nước Pháp về thế-kỷ thứ 18 đã gây-dựng ra cái chính-trị-học, khởi-xướng ra những tư-tưởng làm biến-đổi xã-hội. Ông Mạnh-đức-tư-cưu (Montesquieu, 1689-1755), [2] ông Đô-ngô (Turgot, 1727-1781), ông Công-đô-tây (Condorcet, 1743-1794), thì nghiên-cứu mấy cái lý-tưởng về pháp-luật, về chính-thể, về sự tiến-bộ, v. v. Ông Địch-đức-la (Diderot. 1713-1784), ông Đạt-lăng-ba (d'Alembert, 1717-1783), ông Lạp Mễ-đức-li (La mettrie, 1709-1751), ông Hán-vệ-tư (Helvétius, 1715-1771), ông Đôn-bắc (d'Holbach, 1723-1789), thì khởi ra cái tư-trào muốn lấy « lý » (*la raison*) mà hoán-cải nhân-loại, đưa nhân-loại vào thời-đại máy-móc.

Nhưng mà cái thế-lực mạnh nhất trong lịch-sử sự tư-tưởng ở nước Pháp từ ông Địch-cát-đức đến giờ, thực là cái thế-lực của ông Lư-thoa (Jean-Jacques Rousseau, 1712-1778), [3] vậy. Sự biến-cách ông khởi lên trong cái « thực-tế-triết-học » cũng sâu mà cũng mạnh bằng sự biến-cách của ông Địch trong cái « thuần-lý triết-học ». Nhất-thiết các vấn-đề ông đều sát-hạch lại cả. Phàm cái gì là ước-lệ, là cựu-truyền, là phương-tiện của người ta đặt ra, ông cũng phá đổ cả. Ông muốn gây dựng lại xã-hội, định lại luân-lý, đặt lại phép giáo-dục, sửa sang lại cả đời người theo cái nguyên-lý thiên-niên. Dù người nào không nhận cái tư-tưởng của ông cũng phải phục cái phương-pháp của

---

(1) « Tâm-lý-sinh-lý-học » (*psycho-physiologie*), là hai môn tâm-lý sinh-lý tham-bác lẫn nhau, không một học những hiện-tượng trong nội-tâm, mà lại kiêm cả những hiện-tượng ở ngoại-thể nữa, nhờ cái nọ để giải cái kia.

(2) Montesquieu, Tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cưu, làm bộ « Vạn-pháp tinh-lý » (*L'Esprit des lois*). Sách này đã từng dịch ra chữ nho, thịnh-hành ở nước Tàu lắm. Cùng với sách « Dân-ước » (*Le Contrat social*) của ông Lư-thoa (Jean-Jacques Rousseau), thực đã có một phần to trong cái tư-tưởng của các nhà cách-mệnh Tàu tự 15.20 năm mới đây.

(3) Ông Lư-thoa (Rousseau), ông Mạnh-đức-tư-cưu (Montesquieu), ông Phúc-lộc-đặc-nhĩ (Voltaire) là ba nhà tư-tưởng Pháp người Tàu biết hơn cả, sách vở đều có dịch ra chữ Tàu. Ông Phúc-lộc-đặc-nhĩ đây không nói đến, vì ông là một nhà văn-hào hơn là một nhà triết-học.

ông. Vì cái phương-pháp ấy là thuộc về tình-cảm, tức là cái phương-pháp « duy-tình » của ông Ba-ti-căn khi xưa, nhưng đem đến cực-điểm vậy. Tuy tư-tưởng của ông không dựng thành « thuyết-hệ », nhưng các nhà triết-học về thế-kỷ thứ 19, nhất là các nhà triết-học Đức, đều chịu ảnh-hưởng của ông nhiều lắm. Không những triết-học, mĩ thuật văn-chương cũng bị ông cảm-hóa như thế. Cái công-nghiệp ông về đường tư-tưởng thực là mỗi đời người lại thấy xuất-hiện ra một phương-diện mới, Hiện nay ta vẫn còn kế-thừa cái công-nghiệp ấy vậy. (1)

(Còn nữa)

PHẠM QUỲNH *dịch*

(1) Ông Lư-thoa lấy *tình* mà cảm người ta, nên cái cảm của ông sâu-xa vô-cùng. Ông không phải là một nhà thuần-triết-học. Ông muốn dùng cái tư-tưởng của ông để cải-cách xã-hội Ông thường nói mọi sự khổ sở ở đời là bởi xã-hội. nên phá-đổ xã-hội đi, phá-đổ cả quốc-gia chính-thể đi, thì người ta mới được toàn tự-do. toàn hạnh-phúc như đời cổ-sơ. Bởi thế mà cái tư-tưởng của ông thực là đem rắc cái mầm cách-mệnh trong khắp thế-giới vậy.

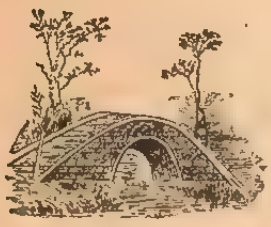

Khúc Thái-dương-quang
太陽光新曲

Lời vàng đá,
Đinh-ninh
Xin tạc giạ.
Tình phụ,
Ai xui mình,
Làm cho con én dận con oanh?

Giấc chiêm bao,
Hồn phẳng phất,
Giật mình trông,
Trống ra nào có thấy đâu nào?
Ngọn đèn hiu hắt,
Giấc chiêm bao.

Khúc Tân-nguyệt-xuất
新月出新曲

Gió thổi bên tường,
Lá thu dụng lác đác.
Nhớ ai giạ ngậm ngùi thương
Ngậm ngùi thương.

Nước sông Tương,
Cạn lại đầy,
Tương tư một mối,
Ruột tằm đòi đoạn sợi tơ vương.

NGUYỄN SONG-KIM

KHOA – HỌC

ĐIỆN-HỌC KHÁI-LUẬN

Cái điện-trì (pile) *thứ-nhất*

Cái sức mầu-nhiệm của điện kia đã sinh ra biết bao nhiêu là hiện-tượng lạ như : hút vào, bắn ra, động tiếng, bựt sáng, thành nóng, lay động, hóa-tán ra, hóa-hợp lại mà biến-cải cả các kỹ-nghệ ngày nay.

Điện mới bắt đầu lợi-dụng được là từ ngày chế ra cái máy điện gọi là điện-trì (*pile électrique*) [1]. Cứ theo lời một nhà bác-sĩ có tiếng ở nước Pháp là Á-lạp-nga (Arago) thì cái điện-trì ấy thực là một sự phát-minh kỳ-quái công-hiệu nhất, từ xưa đến nay làm cho thế-giới được thêm giàu có, loài người được thêm tiện-lợi hơn lên.

Mạnh, sáng, nhanh, tiện đó là mấy cái đặc-tính của điện-khí.

Điện được việc cho người ta cực nhiều, khác nào một vị thần-tiên ra tay ban ơn cho nhân-loại vậy.

Nào là điện-báo trên không, nào là điện-báo dưới bể, điện-báo có giây, điện-báo không giây, nào là máy nói, máy giờ, máy lưu-thanh, máy mạ vàng, trăm nghìn thứ máy cũng do một điện mà ra.

Sự phát-minh ra điện đã là một công-nghiệp hiển-hách trong lịch-sử thế-giới, chính điện cũng lại có một cái lịch-sử rất lạ lùng nữa.

Tên điện chữ Pháp gọi là *Electricité* do ở chữ Hi-lạp *Electron* là tên chất hổ-phách vàng (*ambre jaune*).

Nguyên một nhà triết-học Hi-lạp tên là Tản-liệt (Thalès) ở khoảng 600 năm trước kỷ-nguyên, có một hôm lấy hổ-phách cọ sát vào miếng vải lông-cừu thấy nó có tính lạ, hút được những vật nhẹ như lông chim, bấc, cuống rơm, vân, vân.

Nhưng tiếc thay sự phát-minh của ông Tản-liệt (Thalès) ấy bằng đi trong hai mươi thế-kỷ không ai lý-hội đến; mãi đến thế-kỷ thứ mười sáu thì điện-học mới thực là bắt đầu phát-đạt vậy.

Bấy giờ có ông Nhật-bắc-nhĩ (Guillaume Gilbert) nghiệm rằng không cứ hổ-phách vàng, những chất khác như lưu-hoàng, thủy-tinh, ngọc-thạch, v. v. khi nào đem ra cọ sát thì cũng đều có sức hút các vật nhẹ cả.

Được ít-lâu lại có ông Khắc-lý-khắc (Otto de Guéricke) chế ra một cái máy điện. Máy ấy có một quả tròn bằng lưu-hoàng, lại có chỗ tay vặn, khi vặn thì quay tít lên mà sát mạnh vào miếng lưu-hoàng.

Ông để tay vào gần cái máy ấy thì nó lòe sáng ra, lấy làm lạ lắm : Đó là tia-sáng thứ nhất của điện-khí mà người ta phát-minh được vậy.

Cái máy ấy còn thô-lược lắm, gọi tên là máy « quả-cầu » rồi sau ông Hảo-cát-tì (Hawksbée), ông Nộ-lỗi (Nollet), ông Phú-lan-khắc-linh (Franklin) nối gót nhau mà cải-lương thêm ra.

Kế nữa đến ông Nại-nhĩ-na (Nairne) chế ra thứ máy ống, trong đặt ống thủy-tinh thay quả tròn bằng lưu-hoàng.

Nhưng ống thủy-tinh dòn cho nên sau bỏ đi, ông Lôi-loa (J. B. Leroy), ông Mã-luân (Van Marum) với ông Lâm-ti-đan (Ramsden) lại chế ra thứ « máy

(1) Cũng có người dịch là *điện-trụ* nữa.

đĩa ». Kiểu máy của ông Lâm-li-đan rồi sau thành cái qui-mô của các thứ máy cọ sát mà thành điện. Nhưng kiểu ấy là kiểu-thường, những máy rất to cũng chỉ sinh ra được tia sáng dài độ 5, 6 phân-tây mà thôi.

Từ đấy cái máy kiểu Lâm-li-đan đã chế to ra nhiều, như cái máy ở nhà Bách-nghệ-cổ-khí-quán (*Conservatoire des arts et métiers*) ở Ba-lê (Paris) thì có một cái đĩa châu-kính được $1^{m}85$. Cái máy ở Bách-nghệ học-quán (*L'Institut Polytechnique*) ở Luân-đôn đo được $2^{m}27$. Những máy to như thế làm được tia sáng dài 65 phân tây.

Năm 1729 nhà lý-học nước Anh là Khắc-lai (Stéphen Gray) thí-nghiệm nhiều lần nhận được rằng có vật truyền được điện-khí, có vật không truyền được điện-khí, bèn chia các vật-chất ra hai hạng : gọi là « vật dễ truyền-điện » và « vật khó truyền-điện » rồi cứ theo thứ-tự truyền được nhiều hay truyền được ít mà liệt các chất như sau này :

Chất dễ truyền điện :

Bạc, đồng, vàng, kẽm, bạch-kim, sắt, thiếc, chì, thủy-ngân ; than gỗ, nước chua, nước muối, nước bể, khí-giới lỏng, nước đá tan, nước lã, đá, gỗ-khô, đồ-sứ, giấy-khô.

Các vật khó truyền điện ;

Vải lông-cừu, lụa, thủy-tinh, si gắn đồ, lưu-hoàng, nhựa-cây, cao-su, keo, sơn, cao-su cứng (*Ebonite*). khí giới khô.

Bạc là chất truyền điện nhậy hơn nhất.

Ông Khắc-lai (Gray) đã thí-nghiệm ra một cách thực ích-lợi như sau này :

Lấy một chuỗi ống sậy dài, để đinh đầu ống nọ vào đầu ống kia. Đầu cái ống sậy cuối cùng có một hòn ngà tròn chạm đến đất, còn cái ống thủy-tinh thì để trên bao-lơn nhà. Cọ sát vào cái ống thủy-tinh thì thấy hòn ngà cách chín thước tây ở dưới sân bỗt-nhiên có cái sức hút mạnh. Cho nên cách truyền điện đi xa là từ ông Khắc-lai (Gray) tìm ra được vậy.

Từ đấy mà đi, điện-học tiến-bộ cực nhanh và khởi ra cái lý-thuyết về hai thứ điện-khí : « dương-điện » và « âm-điện », nhờ cái lý-thuyết đó mà ngày nay chế ra nhiều máy rất mạnh rất kỳ.

Điện không một là bởi sát-cọ mà sinh ra, sau nghiệm-phàm hóa-hợp các chất cũng làm thành ra điện.

Chính ông Ngoã-đạt (Volta) đã phát minh ra sự đó mà thực đã chế-tạo ra cái điện-trì ngày nay hồi ông tranh-biện với nhà vật-lý-học An-hoa-ni (Galvani).

Nguyên ông An-hoa-ni dạy học trường cao-đẳng thành Bảo-la-nhi (Bologne) một hôm thốt-nhiên thấy để con ếch cạnh cái máy điện đương chạy thì con ếch rùng cả gân thịt lên, mới nghiên-cứu sự đó. Ông lấy một đôi kéo nhọn mổ một con ếch sống ra làm đôi mà mổ vào chỗ xương cùng, rồi moi lòng lột da, lùa mũi nhọn kéo vào dưới hai cái gân ngang lưng ở mỗi bên xương sống, gân ấy trông như hình hai sợi chỉ trắng. Rồi ông bỏ hai cái xương sống dưới ; để trơ những cái gân ngang lưng ra làm giây buộc hai chân vào xương sống.

Một bên thì ông làm một cái vòng bằng một miếng đồng độ 2, 3 li tây và một miếng kẽm cũng như thế. Uốn vòng một đầu lại, rồi đính đầu nọ vào đầu kia. Ông để hai miếng : một miếng vào thớ thịt đùi con ếch, một miếng vào cái gân ngang lưng nó, thì thấy hai chân con ếch rung động lên rất mạnh, rụt vào rồi ra vận động như con vật còn sống vậy. Hễ dứt một lúc lại làm như thế thì nó lại rung động lên ngay. Để những xương sống nó vào cạnh bàn và gấp chân nó lại, lấy một cái gì nặng độ 300 đến 500 *grammes*

chặn lên thì nó rung động có thể đẩy bắn ra khỏi bàn được.

Ông lấy nhẽ sinh-lý mà giải những sự rung-động ấy, cho là điện với thần-kinh-lực cũng là một. Ông giải rằng những thần-kinh của động-vật đều có sẵn điện, hễ để cái vòng kim-khí qua thì tức-thời rung động, mà con ếch là cái nguồn điện đó.

Cái lý-thuyết ấy thiên-hạ công-nhận cả, chỉ có ông Ngoã-đạt cực-lực phản-đối. Ông làm lý-học-khoa giáo-thụ ở thành Ba-duy-á (Pavie) nước I-đại-lợi, đem thí-nghiệm lại như của ông An-hoa-ni thì thấy cái hiệu-lực nó cũng như thế, nhưng cắt nghĩa ra một cách khác hẳn. Ông lấy sự phải cần hai cái kim-khí khác nhau ấy làm lạ; bèn khảo-nghiệm hết sức, rồi kết-luận rằng hai cái kim-khí khác nhau để dính lại chính là cái nguyên-nhân làm ra điện đó.

Hai ông bác-sĩ ấy tranh-biện, ông nào cũng tìm chứng cớ cho lý-thuyết của mình là đúng, là phải.

Ông An-hoa-ni lại giải rằng lấy cái vòng bằng một thứ kim-khí thôi mà mang nối gân vế vào gân ngang lưng con ếch thì nó cũng rung động. Không những thế, dẫu không dùng đến vòng bằng kim loại mà đem để những cái gân-vế và gân ngang lưng con ếch dính liền lại với nhau thì nó cũng rung động được.

Ông Ngoã-đạt thấy những lời giải-thuyết minh-xướng thế cũng chẳng ngã lòng, lại thêm khái-nhiên suy rộng ra mà vẫn chắc rằng tất phải có hai loài kim khác nhau liền lại thì mới thành ra điện. Ông không lấy con ếch làm nguồn điện, mà trực-nghiệm rằng cứ hai cái kim-khí khác nhau liền-lại là thành luồng điện. Thí-nghiệm mãi như thế rồi phát-minh ra cái điện-trì. Cái điện-trì này làm bằng những đôi vòng tròn nhỏ, cái nọ xếp chồng lên cái kia, cái bằng đồng đến cái bằng kẽm, rồi đến cái bằng dạ ướt; rồi lại xếp lần lượt thứ tự như thế không để lẫn-lộn. Hai đầu điện-trì cần phải khác nhau, nếu kẽm ở dưới thì đồng phải ở trên, mà kẽm ở trên thì đồng phải ở dưới. Hai đầu ấy gọi là hai « cực », nếu người ta đặt một cái giây thông hai cái « cực » ấy với nhau thì có cái luồng điện qua ngay những cái giây ấy từ đầu đồng đến đầu kẽm. Đầu đồng gọi là « tích-cực » (*pôle positif*), đầu kẽm gọi là « tiêu cực » (*pôle négatif*). Cả cái điện-trì gọi là « điện-nguyên » (*Elément*).

Cái điện-trì kiểu Ngõa-đạt ấy đến nay cũng đã trải nhiều phen sửa đổi. Muốn lợi-dụng nó tiện hơn, thì có thể xếp cái « Điện-nguyên » ra nhiều cách. Đáng lý phải chồng xếp những vòng tròn ấy thẳng đứng, nhưng người ta lại chế ra những cái lọ đựng nước « cường-toan » trong đặt miếng đồng và miếng kẽm, rồi nối miếng đồng ở lọ này vào miếng kẽm ở lọ kia. Như thế thành ra lối « điện-trì chén » (*Pile à tasse*) và « điện-trì vòng » (*Pile à couronne*). Lại muốn cho sức điện mạnh hơn lên bèn tìm cách thay đổi những chất để liền nhau ấy.

Thiên-hạ bây giờ thông-dụng những kiểu điện-trì như sau này: điện-trì kiểu *Daniel*, kiểu *Bunsen*, kiểu *Poggendorf*, kiểu *Leclanché*, kiểu *Gouy*, kiểu *Latinier-Clark*.

Vậy thế là ông An-hoa-ni đã giải ra cái điện-khí trong động-vật mà xướng ra cái «động điện-thuyết» (*galvanisme*). Cộp ông Ngõa-đạt thì đã hiến cho khoa-học được cái « điện-trì » vậy.

Cái điện-trì kiểu *Bunsen* thường làm ra « luồng điện », nó đã mạnh mà cái ống kiểu *Rutenkorff* sức mạnh lại gấp mười hơn.

Nhân có điện-trì xuất-hiện ra mới có cách nghiên-cứu được cái « điện-lưu » (*courant électrique*). Từ đó mà đi cái giới-hạn của điện không còn quanh

quẩn trong nhà thí-nghiệm nữa, mà rộng ra đến cả muôn sự muôn nghề mông mênh vô-cực.

Sự tiến-bộ ngày nay thực do ở cái máy mầu-nhiệm của ông Ngỗa-đạt đã truyền lại cho ta đó.

Điện-trì giúp cho khoa-học được đủ mọi đường, nào là giải-phẫu các vật phiền-phức mà tìm ra các đơn-thể mới và các loài kim chưa biết đến; nào là phối-hợp các chất mà làm cho hóa-học được có những phương-pháp vững mạnh chắc thực. Ôi! Công-nghiệp kia kể xiết muôn vàn!

Nhờ có cái máy ấy mà từ nay điện phải tuân-phục ý muốn của loài người: Ấy điện bây giờ là con chim nhạn truyền tin cho bạn ta nhanh chóng vô cùng; là cái động-cơ bất-quyện làm trọn vẹn công việc cho ta trong xưởng ngoài đồng; là một tay mầu-nhiệm mạ được vàng bạc lên trên những loài kim thường; là ông thầy thuốc có gan góc chữa khỏi cơ man là bệnh tật cho nhân-loại và phá tan cái tai-vạ ẩn-nấp những ngày; là cái nguồn sáng láng nó làm cho các tầu bể không phải mắc những nơi hiểm nghèo vì tăm tối; mà nó lại còn là đuốc quang-minh, than lò sưởi cho những người làm việc trong hầm đất và dưới đáy bể sâu nữa.

Ôi! cái vị thần-tiên ấy chúng ta đeo ơn nặng biết chừng nào, mà còn chưa ngỏ cho ta biết rằng: người sẽ đặt cho ta bao nhiêu vấn-đề nữa, người sẽ rành cho ta bao nhiêu cảnh-tượng lạ nữa, khiến cho ta đội ơn mà luống những bận lòng son!

Hóa-học chuyên-môn NGUYỄN-LÊ *lai-cảo*

NGUYỄN MẠNH-BỒNG *dịch quốc-ngữ*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CŨ

Cụ Yên-đỗ

Nước lụt hỏi thăm bạn (1)

Ai lên nhắn hỏi bác Châu-cầu,
Lụt lội năm nay bác ở đâu ?
Mấy ổ lợn con rày nhớn bé,
Vài gian nếp cái ngập nông sâu ?
Phận thua suy, tính càng thêm thiệt,
Tuổi cả chơi-bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
Thung-thăng chiếc lá rượu lưng bầu.

Bóng đè cô (2)

MIỄU :

Bóng người ta nghĩ bóng ta.
Bóng ta ta nghĩ hóa ra bóng người.
Tỉnh tinh rồi mới nực cười,
Giấc hồ ai khéo vẽ-vời cho nên ?

Cô đào Sen là người Tri-liệu, cớ làm sao ỏng ẹo với làng nho ? Bóng đâu mà bóng đè cô ? Bỗng thấy truyện nhỏ to thêm thắc mắc.

Cố hữu diệc vi thân ngoại vật,
Toán lai đô thị mộng trung thân.

Sực tỉnh ra nào biết truyện xa gần, còn văng-vẳng tiếng đàn lần tiếng trống. *Quân bất kiến Thiên-thai động khẩu cần tương tống.* Dẫu bóng, ta, ta, bóng có làm sao. Thực người hay giấc chiêm-bao ?

(ÔN-KHANH *sao-lục*)

DỊCH ĐƯỜNG THI (3)

銅雀臺

Đồng-tước đài

銅臺宮觀委灰塵
Đài trang tròng đã kém mầu,
魏主園陵漳水濱
Gò châu gốc tử dãi-dầu bên sông.
卽今西望猶堪思
Người nay còn ngẫn-ngơ lòng,
況復當辰歌舞人
Huống-chi là khách não-nùng năm xưa.

送梁六

Tống Lương Lục

巴陵一望洞庭秋
Mầu thu ai nhuộm trên hồ ?
日見孤峯水上浮
Xa trông tấm đá nhấp-nhô một hàng,
聞道神仙不可接
Hỏi đâu là chốn tiên-hương ?
心隨湖水共悠悠
Nước càng lai-láng, lòng càng bâng-khuâng.

---

(1) Là cụ BÙI-QUẾ, người làng Châu-cầu, tỉnh Hà-nam, ở nhà làm ruộng nuôi lợn, có chí-thú lắm. Gặp năm nước lụt, cụ Yên-Đỗ là bạn đưa thơ hỏi thăm.

(2) Một hôm có cụ DƯƠNG-KHUÊ lại chơi, cụ Yên-Đỗ cho gọi nhà trò lại hát. Đêm hát xong, cô đào xuống ngủ nhà dưới, phải một cậu người nhà đến ghẹo, cô đầu không chịu kêu lên, ngồi nghe thấy bèn hỏi, kép chống chế thưa rằng : bóng đè cô ta. Song ngài đã biết chừng, mới làm đùa bài ca (Ôn-khanh).

(3) Bản-hội mới sao được một tập dịch *Đường-thi*, không biết của cụ nào. Mỗi kỳ đăng mấy bài in cả nguyên-thi chữ nho, để các nhà đọc báo tiện xem.

蜀中九日
Thục-trung cửu-nhật

九月九日望鄉臺
Lên đài đương buổi Trùng-dương,
他席他鄉送客杯
Chén quỳnh đưa khách dặm đường xa-
人情已厭南中苦 [khơi.
Ngán thay non nước quê người,
鴻雁那從北地來
Buồn trông hàng nhạn bên giời mới sa.

凉州詞
Lương-châu từ

葡萄美酒夜光杯
Rượu đào muốn chuốc chén quỳnh,
欲飲琵琶馬上催
Nỉ-non mấy khúc ra tình gợi trêu
醉臥沙場君莫笑
Quá say xin khách hãy chiều,
古來征戰幾人回
Kìa kìa chinh-chiến cũng nhiều người [xưa.

清平調
Thanh-bình-điệu

I

雲想衣裳花想容
Hoa in mặt, áo lồng mây,
春風拂檻露花濃
Gió xuân phấp phới hương bay ngạt
若非羣玉山頭見 [ngào.
Có chăng đền Ngọc đài Giao,
會向瑤臺月下逢
Dưới giăng trên núi thảo-nào gặp nhau.

II

一枝濃艷露凝香
Móc sa hoa đượm mùi hương,
雲雨巫山枉斷腸
Ngán thay cho khách mơ-màng non Vu.
借問漢宮誰得似
Hán-cung ai sánh được ru,
可憐飛燕倚新粧
Phấn son thương kẻ điểm-tô mượn mầu.

III

名花傾國兩相歡
Hoa đơn ghen với má hồng,
常得君王帶笑看
Cho người cung-khuyết thêm nồng tấm
解釋春風無限恨 [yêu.
Ngày xuân gió thổi dập-dìu,
沉香亭北倚欄干
Nhà Hương đứng tựa có chiều lả-lơi.

(Đông-Châu *sao-lục.*)

Con rể tế nhạc-phụ

(Văn tế)

Người lấy trăm làm hạn, mơ-màng phút đã mấy trùng khơi,
Con dẫu nữa là tình, mấy chút cũng rằng muôn sự đủ.
Âm dương hai lối khôn lường; tâm-tự nghìn nhời dễ tả.
Từ thủa loan hoàng dóng cánh, cồ-chung êm một dịp xướng tùy.
Tới khi xà hủy lần tin, lộng-ngõa trải năm phen cần-phủ.
Đăm chiêu mấy thủa nhủ nên khôn; âu-yếm phần nào công với của.
Mai đào chấp-chới, duyên cải kim toàn vẹn cả bốn bề.
Phần-tử vun giồng; đường gia-thất lại gây nên ba độ.
Chửa phong-lưu nhưng cũng giá thanh-nhàn; chưa phú-quí cũng vào nhòng khang-phụ.
Cày mây quốc gió, phê-pha ngày tháng làm nghề.
Đất bụt chim giời, đủng-đỉnh ít nhiều vui thú.
Lợi danh chi bận lòng trần; khang-thái dần lên cõi thọ.
Bầy tuần thêm có lẻ, mong dần dà tới độ bách-niên.
Tháng chín ngày hai mươi, bỗng phút chốc nên cơ vạn-cổ.

Thôi thôi ! Diệu-linh mây mờ ; Nguyệt-giang sóng vỗ.
Âm-dung văng-vẳng hãy còn đâu ? Sự nghiệp rành rành in để đó.
Khắp cầu Dừa tìm bóng, ngược xuôi những khách vãng lai.
Mong chợ Núi hỏi tin, trưa sớm những người tản tụ.
Giở đường kim-tích bao cùng ; kể truyện tâm-đầu cạng khổ.
Xót nhẽ kẻ bèo mây phận thế ; chữ tại-gia khi ấy luống bâng-khuâng.
Thương thay người hương-hỏa ai đây, câu thừa-tự lúc này thêm tủi-hổ.
Lũ biểu-tôn sa nước mắt bi-ai, đoàn chúng-tử quặn khúc lòng oán-mộ.
Rày nhân : Tiết đã sang đông ; ngày vừa nên mộ.
Ân đủ bốn, ngoại cũng như nội ; giải niềm đau cho tỏ đạo đông-sàng.
Rề rầy ba, gái cũng như giai ; bày lễ bạc ngỏ đền công nhạc-phụ.
Than ôi, thương thay !
Có thiêng xin hưởng.

Vô-danh-thị.

THƠ VĂN MỚI

Vịnh ếch dưới giếng

Trừng-trẽo nên mang tiếng ộp đời,
Chốn nghiêm thẳm-thẳm một mình ngồi.
Giương hai con mắt coi giời nhỏ,
Ngửa một bàn tay vỗ nước khơi.
Ẩn-nguyệt bấy lâu cung quế khép,
Vồ hoa khi cũng cửa già chơi.
Có đâu những thói hay chẳng chuộc,
Như chão-chàng kia chớ nói dai.

Vịnh muỗi

Khéo khéo sinh ra giống *chán-phè*, (1)
Ngày thời chẳng thấy tối vo-ve.
Sởn-sơ cũng thể loài quầy-quậy,
Vơ-vẩn đi tìm chốn khắt-khe.
Luồn lọt túi dơi chen kẽ chạm,
Bay qua lưới dện trước mùng the.
Xăm-xăm muốn những gio vòi nọc,
Chậm kẻ say-sưa thắm giấc hòe.

Khôn chẳng qua nhẽ, khỏe chẳng qua nhờ

Nhời nhẽ xưa nay khéo gọi là,
Khôn không qua nữa khỏe nào qua ?
Lọt vành dễ khỏi tay khuôn-phép,
Cậy sức nào hơn miệng thiệt-thà.
Dại kẻ lớn đầu têu cuộc-thế,
Gớm ai cả vú thói người ta.
Cho hay nhẽ ấy đâu là chẳng,
Âu, Á năm châu cũng thế mà !

(NGUYỄN VĂN-HIẾN *sao-lục*)

Bài mừng báo Nam-phong

Tổ-quốc xưa nay vốn xứ nồng,
May đâu gặp trận gió Nam-phong.
Xa đưa luồng tựa miền Âu Mĩ,
Gần thổi cơn sang đất Lạc Hồng.

---

(1) Thôn giã thường gọi muỗi là giống chán phè.

Mát-mẻ muôn dân nguôi giận cũ,
Thuận-hòa ba xứ được mùa chung.
Trông mong gió báo ngày thêm mạnh,
Lan tiếng văn-minh khắp cõi Đông.

Bài hát cô-dâu

MIỄU :

Gió đâu thoang-thoảng lưng giời,
Xa đưa man-mát ngỡ người cố-nhân.
Nghìn năm tổ-quốc tinh-thần,
Bỗng đâu như thổi dần dần tỉnh ra.

Gió hây-hẩy đưa tin mừng đến, mừng báo-trương xuất-hiện tại Thăng-long. Mở khoa văn khoa học in chung, đạt tên gọi *Nam-phong tạp-chí*. Ông Bá-Trác coi phần hán-tự, ông Phạm-Quỳnh dịch chữ quốc-âm. Nhời nhẽ hay văn-tự lại thâm-trầm, tiếng lừng lẫy cả trong Nam ngoài Bắc. Cơn mát-mẻ Viêm-bang mừng đỡ nực, khi thanh-hòa dân-sự cũng nguôi lòng, đem văn-minh quạt khắp bể Đông, giấc mê-mộng Lạc-Hồng từ đó tỉnh. Mong gió thổi càng ngày càng mạnh, kéo nguồn-tây mưa sạch bụi phù-trần. Một mai hoa cỏ thêm xuân !

NGUYỄN VĂN-ĐÀO

Tri-huyện Hưng-nhân, Thái-bình

Mừng năm mới

Nước bốn nghìn năm cảnh vẫn xuân,
Xuân đi xuân lại biết bao lần.
Gió Âu mưa Á nhuần trăm vẻ,
Nõn Lạc hoa Hồng đẹp mấy phần.
Giọng việt-điểu ta càng réo-rắt,
Nét phồn-hoa cũ lại thanh-tân.
Mừng xuân biết lấy gì cho mới,
Mượn bút *Nam-phong* tặng mấy vần.

Vịnh vua Lê Thái-tổ

Lấp-loáng cờ vàng ngọn núi Lam,
Giang-sơn rõ mặt kẻ phi-phàm.
Xông-pha gian-hiểm hơn trăm trận,
Giẫy-mở quan-hà một lưỡi gươm.
Chú khách đuổi cho về đất Bắc,
Anh-hùng tiếng đã dậy giời Nam.
Ra tay vun sới nền Hồng-lạc,
Một cánh hoa Lê khắp cõi thơm.

Nguyệt-khanh NGUYỄN DIỆP-QUẢNG

Tri-huyện Vũ-tiên Thái-bình

Mật ngọt chết ruồi

Khốn nạn ruồi kia bé cái nhầm,
Nhầm đâu đến thế cũng thương-thâm.
Ngọt-ngào tưởng thỏa lòng khao-khát,
Chua-xót nào ngờ dạ hiểm-thâm.
Còn đứng ngoài vòng sao chẳng liệu,
Bước vào trong cạm thật đành cam.
Khuyên ai thế-sự xem cho kỹ,
Sơn-sớt thường lề vẫn ớt ngâm.

Lựu-khê CHU ĐÌNH-THỤ

Vịnh Dương-quí-Phi

Giời khéo sinh ra khách má hồng,
Miệng cười thành nước sạch như không.
Thơm lây riêng một nhà Dương-thị,
Đẹp gấp ba nghìn ả Hán-cung.
Nghê-vũ đương vui bài hát nhạc,
Hải-đường chưa đủ giấc xuân nồng,
Trăm năm sống thác ai là chẳng,
Chỉ để quân-vương bận tấm lòng.

Vịnh vua Đường-minh-Hoàng

Há dám quên đâu nước với thành,
Đã cam vì sắc lại vì tình.
Sáu cung son phấn lòng chưa thỏa,
Một cánh phù-dung ngẫm vẫn xinh.
Tây-Thục đất kia sông núi biếc,
Vị-Ương đền nọ cỏ cây xanh.
Bốn mươi năm lẻ làm Thiên-tử,
Há dám quên đâu nước với thành.

DƯƠNG BỘI-KHA

Tặng cô ả lấy hai đời chồng cùng nghiện

(Chồng trước ở Bắc-giang, chồng sau ở Đông-anh)

Vẫn-vơ một mối tơ tình,
Bắc-giang ngày trước, Đông-anh bây giờ.
Ngọn đèn trông tỏ hay mờ,
Pha-phôi má phấn, lờ đờ mắt xanh.

Tặng ông cử dạy học ế

Gõ đầu trẻ cũng khó kia a ?
Ngán nỗi làng nho bác cử ta.
Giở lối bê xê thầy mít đặc,
Còn nghề thơ thẩn tớ ngâm-nga.
Nước non buổi mới nhiều tay vỏ,
Giăng gió vui chơi dỡ tuổi già.
Nơi ấy chẳng xong nơi khác vậy,
Thôi thôi bác hãy tạm về nhà.

DƯƠNG TỰ-NHU

Tri-huyện Cẩm-khê Phú-thọ

Rủ chơi xuân

Nô-nức xuân sang khắp mọi chòm,
Mừng xuân ai nấy cũng đều nom.
Bướm con trắng-trắng con vàng-hệnh,
Hoa cái xanh-xanh cái đỏ-lòm.
Sánh phượng kìa ai khi chập tối,
Ôm rồng nọ kẻ lúc chiều hôm.
Ai ơi có chữ *xuân-nan-tái*,
Chơi lấy khuyên đừng để kẹn hom.

Gái muộn chồng

Mơ kèn hoảng trống bấy nhiêu lâu,
Chắc đã hai mươi mấy tuổi đầu.
Nghĩ chẳng nụ cà hoa mướp nữa,
Dám còn kén cá chọn canh đâu.
E diều xấu-hổ cùng con đỏ,
Khôn đỗ cung-long với mẹ dầu.
Sớm muộn cũng đành duyên phận cả,
Ai ơi khuyên chớ vội cười nhau.

Thơ Thủy-tiên

Xóng-xánh xa trông ngỡ Lạc-thần,
Nào hay đâu cũng khách tiên-tân.
Lặn ngòi ngọi nước từ doanh-hải,
Giải thẻ phơi mầu với chúa xuân.
Tô-điểm non sông nào mấy mặt,
Rỡ-ràng mai tuyết vẹn mười phân.
Ba sinh ắt hẳn duyên gì đó ?
Nên cứ năm năm xuống cõi trần.

Sơn-tùng HOÀNG TỬ-MINH

Khổ đêm dài

Đêm sao đêm mãi tối mò-mò,
Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
Con trẻ u-ơ chừng muốn dậy,
Ông già khúng-khắng vẫn đương ho.
Ngọn đèn rình trộm khêu còn tỉ,
Tiếng chó khinh người cắn vẫn to.
Bốn góc láng-giềng ai đã tỉnh,
Tỉnh thì lên tiếng gọi làng nho.

Tự chê mình về sự thi

Mừng sang năm Tí mở khoa thi,
Thể-thức xem rồi chẳng muốn đi.
Tây-tự dã đành cho bất-nguyện,
Nam-âm có nhẽ cũng vô-tri.
Luận-đề chưa biết rèn câu thép,
Toán-pháp không quen vạch bút chì.
Tấp tểnh chi mà thi mấy cử,
Có đi thì cũng toét cù-lì.

Tú-tái TỪ DIỄN-ĐỒNG

Mượn thêm xuân

(Hát-keo)

Một năm thì có một lần xuân, nhưng trăm năm thì cũng đủ có trăm lần xuân qua. Xuân non thì rồi xuân cũng lại già, gái tơ mấy lúc nên bà xuân hỡi tình xuân ! Ai về nhắn nhủ hồng-quần : cho

em mượn mãi cái mảnh hồng-quần để thướt-tha. Mượn mầu hoa nguyệt ngâm nga, ngâm-nga hoa nguyệt càng già xuân lại càng xuân. Xuân đi xuân lại xoay-vần: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bẩy, tám, chín, mười trăm lần xuân thì lại. Ngày xuân em hãy còn dài.

Liễu-viên DƯƠNG MẠNH-HUY

Hát rậm đò

(Bắt theo tiếng lái thuyền đàng trong)

Nam hát

Em ơi em, nác[1] ngược nặng trào[2],
Em ngồi cầm lái em bẻ vào cho lanh.
Hai ta lên thác xuống ghềnh,
Khó nghèo nọ kể ta cũng đành có nhau.
Em ơi em, đừng có ham giầu,
Cơm no áo ấm cũng tại con trào đó em.

Nữ hát

Anh ơi anh, chống nốc[3] cho êm,
Việc chi chi cũng có em đây rồi.
May cho em một tấm mấn[4] sồi,
Mồng năm ngày tết khỏi kẻ cười người chê.
Anh ơi anh, đừng có lo chi,
Ngày ni[5] ta khó cũng có khi ta giầu.

Nam nữ cùng hát

Kéo buồm theo gió chậy mau,
Ta đây mình đấy, ớ ! đi đâu cũng là.
Một mai sống lụa mấn là,
Chín tru[6] mười đụn cũng ta với mình.
Hay là áo mảnh quần manh,
Cơm cà áp mói[7] cũng mình với ta.
Ta rô-ta ![8].

Lương-điền NGUYỄN LÊ-BÔNG

TỪ-KHÚC MỚI

Quốc-văn ta từ nay mà đi thật như cái diều thuận gió, thế bay cao chắc chạm mây xanh. Một cái diều thì phải có dăm ba thứ sáo khi bay lên kêu mới vui tai. Mỗi cái sáo riêng một giọng khi hòa vào nhau thành ra như đàn, như nhị, khi oán khi sầu, khi vui, khi não. Sáo ở diều thế, thì các lối ở văn cũng thế. Các lối vận-văn nước ta như theo Đường-luật thì thơ thất-ngôn, ngũ-ngôn, bát-cú, tràng-thiên, liên-hoàn yết- hậu vân vân, mà các lối riêng của ta thì như lối phong-rao, lối truyện Kiều (lục bát), lối Cung-oán 'song thất lục bát) thực đã chen vai mà làm cho văn-đàn lắm nỗi vẻ-vang, nhiều đều thú-vị. Nhưng ở cái buổi đời này muôn sự muôn vật đều cần thêm mới luôn luôn, thì lối văn ta cũng nên nghĩ ra cho thêm nhiều lối mới Nhân tưởng thế, bỉ-nhân có theo những từ-khúc Tàu các bậc phong-nhã đời trước hay làm để đạo-tình, tả-cảnh mà dàn ra quốc-văn, hãy đăng vào mục Văn-uyển này ít nhiều, đôi khi cũng đặt ra một vài lối mới nữa, mong rằng các bạn đồng-chí sửa cho.

NGUYỄN ÁI-HOA

Cận thiên tiên

近天仙新曲

Xuân-hoài

Sực thấy xuân sang lại nhớ người,
Tri-âm khuất-nẻo một phương giời.
Những ngày năm Tị tháng mười hai,
Hăm sáu, hăm tư ta với ai,
Ái ân ân ái biết bao nhời.
Hăm bẩy ấy là ngày hôm sau,
Sáu giờ chia tay từ-biệt nhau,
Kẻ thời giở lại chốn trang lầu.
Người thời quẩy nịp bước lên tầu.
Mưa dầm gió bấc xiết bao sầu!

(1) Nác là nước. (2) Trào là sào. (3) Nốc là thuyền. (4) Mấn là vảy. (5) Ni là nay. (6) Tru là trâu. (7) Mói là muối. (8) Tiếng rô-ta và ta rô ta trong những câu hát rậm đò thì cứ vài ba tiếng hát những người chèo đò lại đệm những tiếng ấy vào cực nhiều, nay xin lượt bớt đi cho khỏi rờm giấy, xin các ngài biết cho.

Hoa đào nay đã cười gió đông,
Chim oanh riu-rít bụi hoa hồng,
Xuân-khí êm đềm giời thanh-thông,
Chơi xuân nô-nức khắp tây đông,
Thấy cảnh như người chạnh tấm lòng.

Giời thì gần-gụi ai thì xa,
Nhớ ai ai có thấu tình ta.
Thấm thoắt ngày đi đêm lại qua,
Đời người như thể cái bông hoa,
Ngày xuân xuân có được bao mà ?

Ái-Hoa

Chúng-điểu minh

(衆鳥鳴 新曲)

Ái-hoa

Hoa ơi, hoa hỡi, hoa hỡi,
Nhị hoa đẹp,
Cánh hoa tươi,
Buổi sáng tan sương mỉm miệng cười.
Móc vun mưa tưới,
Bướm lả ong lơi,
Xuân sắc phô-trương tốt vẹn mười.
Đẹp như thế giới sao nỡ phụ ?
Xế chiều hoa đã vội hoa rơi !
Hương nhuần gió thổi,
Nhị gốc cây phơi.
Bùn pha sắc sám,
Nhơ nhuộm mầu phai,
Ngoảnh mặt làm thinh chẳng đoái hoài.
Thế mới biết tai-nhân đa bạc-mệnh.
Vừa cự nọ năm kia năm ngoái,
Mới càng nhau khi nói khi cười,
Vì đâu nên yến-hà cách trở Bồng-lĩnh [xa khơi,
Hoa bay mấy cánh,
Khiến lòng ta sót, sót cho ai.

Đặng Trần-Việt

Khúc Hồng-nhạn-lai

鴻雁來 新曲

Nỗi niềm tâm tự,
Nói cùng ai ?
Đêm vắn tình dài,
Than thở,
Giải cùng giăng,
Giăng chẳng đoái hoài.

Bóng hoa nở,
Bóng hoa cười,
Cười ta đắm đuối,
Trong cõi trần-ai,
Cuộc vui đoạn thảm mẩn mê đời.

Nữ-sĩ, Lê-thị-Tần

Trường giang lưu

(長江流 新曲)

Nói truyện sự đời

Hỏi bác lọt vào cõi làm chi hỡi bác? chẳng ai biết bác chẳng biết ai ! Cuộc vui đoạn thảm, tiếng khóc câu cười ; cũng tấm lòng thổn-thức với trần-ai ! Bác ăn bác uống bác ngủ hết ngày nay lại ngày mai. Ngày ấy sang tháng khác rành nghề ăn, uống, ngủ thế mà thôi !

Bác làm điều hay chẳng kẻ ơn bác ; thì hay của bác cũng hoài, bác xoay làm điều dở mà chẳng thấy lương tâm bác mắng bác một lời !

Bác có bạn thân thiết đấy rồi đây ra cũng chủ ngược anh xuôi ! Bác có cừu-thù ghen-ghét, nhưng cừu-thù ghen-ghét, cũng chẳng lo sống quá hạn giời.

Bác thương yêu, nhưng yêu hóa không yêu mãi một mùi. Nay thương, mai thương, một thương, ran rứu mãi một, hai, ba, bốn cho đến biết bao người ?

Thôi bác ơi, thế thì nên ngán cho đời, việc sau này phó mặc đàn em gánh, mong đến ngày đến tháng cho bác tếch lên giời, mà đi tìm miền cực-lạc cho được thảnh-thơi.

Ấy sự đời như thế đó chị em ơi, đã đem thân đứng dữa trần-ai, thì phải khó-nhọc mà gánh-vác cho đời, dẫu đầu bạc, răng long, mắt lòa, chân chậm cái trách-nhiệm cũng không rời, thế thì mới đáng gọi cái « con người ».

Lương-điền NGUYỄN LÊ-BÔNG

THƠ VĂN ĐÀN-BÀ

Vịnh bác đỗ mặt rỗ

(*Người Hà-đông*)

Ở đất Hà-đông mới nảy ra,
Nhác trông lấm-tấm cái mầu da.
Hay con cóc gậm nên nhiều lỗ,
Hẳn cái ong châm mới hóa mà.
Kẻ bảo cong xành đem hứng nước,
Người ngờ móc tói mượn đeo hoa.
Vì không phát-tiết ra ngoài mặt,
Chẳng tỏ ghê gan cũng bợm già.

NHÀN-KHANH

Thơ bà phủ Ba trách cụ Nhàn-Khanh hẹn đến chơi không đến

Đêm qua vơ vẩn chốn thư-đường,
Mong mỏi chung-tình chẳng thấy sang.
Sáu khắc mơ-màng người hảo-hữu,
Năm canh tơ-tưởng chốn Đình-giang,
Trông giăng bát ngát thương người ngọc,
Thấy nước long-lanh nhớ bạn vàng.
Hai chữ tương-tư khôn xiết kể,
Mối tình chi để một ai mang.

(NGUYỄN ÁI-HOA *sao lục*)

Động Long-tiên

(*Chùa Trầm*)

Hỏi động Long-tiên ấy của ai ?
Khen thay con tạo khéo an-bài.
Cỏ cây phấp-phới hoa chen cánh,
Xe ngựa ồn-ào khách chạm vai.
Một giải trường-sơn trơ mãi đó,
Nghìn thu cung Trịnh nét chưa phai.
Nước non trải biết bao đời nhỉ ?
Cảnh ấy tình này nhớ nhớ ai.

NAM-SƠN-TRÚC

Mồng ba tết động đất

Đầu hồi giờ *sửu* tối mồng ba,
Đất động dường xiêu chợt tỉnh ra.
Núi bể tưởng chừng thành đất bằng,
Mắt bừng trông vẫn nước non ta.

Đêm dậy trông giăng

Hỡi chị em ơi thức dậy nào,
Tỉnh ra coi tỏ bóng giăng sao.
Hãy còn bụng tưởng khi mờ-tối,
Luống bỗ công chờ lúc ước-ao.
Ngoảnh mặt lên xem kìa ngọc-thỏ,
Thẳng tay mà chỉ ấy Nam-tào.
Hang cùng ngõ hẹp điều soi sáng,
Há phải tình riêng khách má đào.

Họa thơ hoa hồng nở

Rỡ ràng sắc nước thực hương giời,
Nước-đỗ thành-xiêu một mỉn cười.
Cánh đỏ tưng bừng đua vẻ thắm,
Nhị vàng hớn hở cợt người chơi.
Ơn giời nhuận sắc cho mầu quí,
Nhờ gió đưa hương khắp mọi nơi.
Ai có công chờ xem lúc nở,
Lòng yêu thoangthoảng thắm dừng phai.

NGUYỄN-THỊ-QUỲNH.

Bài ca khuyên người nên xem Tân-văn Tập-chí

I

Hai mươi nhăm triệu đồng-bào,
Chen vai đứng giữa phong trào văn-minh.
Nhờ ơn đại-quốc thương tình,
Những mong ta được học hành nên hay.
Mở trường học khắp đó đây,
Sĩ, nông, công, cổ có thầy giảng cho.
Lại cho *ngôn-luận tự-do*,
Kìa nhà báo-quán nọ nhà tùng-thư.
Cạnh-tranh ưu-liệt bây giờ,
Khôn ngoan thì mới có cơ sinh-tồn.
Sao cho tỉnh táo quốc-hồn,
Duy-trì lễ nghĩa tổ-tôn lưu-truyền.
Sao cho quốc-vận trường-duyên,
Giang-sơn cẩm-tú cứ nguyên một mầu.
Ai ơi, xin sớm bảo nhau,
Nghề hay phải kiếm, nhẽ sâu phải tìm.

II

Cùng nhau mở mắt mà xem,
Bạc tiền tranh cạnh kiêng khem chi mà.
Đã là phú-hộ thương-gia,
Lợi chung ấy chính lợi ta đó rồi.
Có lòng yêu nước yêu loài,
Việc trong phải hiểu, việc ngoài phải
Nghề kinh-tế, cách ăn làm, [xem.
Nước nào sản-vật đem sang nước nào?
Nước nào thị-hiếu làm sao?
Nước nào phong-thổ thế nào phải tinh.
Muốn cho mối lợi về mình,
Tân-văn, tạp-chí để dành giờ coi.
Trí rộng của lại hơn người,
Nắm tay Đại-Pháp theo đòi kinh-thương.
Giữ địa-vị chốn thương-trường,
Có thầy sao có chịu đường lỗ thua.

III

Ơn giáo-dục nước dạy cho,
Gái giai xin phải ganh đua tinh thần.
Bé đi học, nhớn làm dân,
Trí-cao, thức-quảng là phần sĩ-phu.
Xin ai là kẻ học trò,
Tân-văn, tạp-chí có lò văn-chương,
Xiết bao tin tức lạ thường,
Xiết bao học-thuật lạ nhường tinh-vi.
Nào khoa-học, với ca thi,
Nọ bài triết-học lại kỳ bàn văn.
Bọn ta nên đọc chuyên cần,
Trí sinh mới chóng theo chân kịp người.
Rồi ra vang vẻ với đời,
Rồng tiên có nhẽ là loài ngu si.
Nhờ ơn Đại-Pháp phù-trì.
Đồng-bào ta phải cố đi kẻo mà.

IV

Dám xin ai kẻ nông-gia,
Cày sâu cuốc bẫm ở nhà điền-viên.
Sao cho nghề thịnh hơn lên,
Nhẽ nào cứ chịu tiếng hèn mãi ru?
Cách bón phân, cách cày bừa,
Trước kia vụng dại bây giờ làm sao?
Phân hóa-học dụng thế nào?
Bắt sâu tưới nước các điều phải thông.
Tin chi đảo-võ, tống-trùng,
Tin chi đồn bậy Thần-nông phù-trì?
Sớm xin bỏ thói hủ đi,
Có khôn thì mới có cơ sau này.
Nhờ ơn Đại-Pháp giắt tay,
Tân-văn tạp-chí là thầy dạy ta.
Phải chăm xem lấy kẻo mà,
Nước ta vận-mệnh ấy là ở ai?

V

Xin ai là kẻ có tài,
Làm thuyền làm thợ là người tinh-anh.
Cố tìm mẫu đẹp kiểu xinh,
Làm cho mĩ-thuật nước mình thịnh lên.
Nhẽ đâu chịu tiếng thô hèn,
Có thầy mà học không nên thế à?
Nhờ ơn Đại-Pháp dạy ta,
Khí cơ kỹ-sảo mau mà học nơi.
Tân-văn, tạp-chí có coi.
Để tâm xem xét sau rồi mới tinh.

VI

Người đạo đức, khách tu-hành,
Giai-nhân, tài-tử, thị-thành hương-thôn.
Khắp từ người nhớn trẻ con,
Cùng nhau khuyên bảo góp gom lại mà.
Cùng nhau mua đọc ngâm nga,
Khôn ngoan học lấy gian-tà bỏ đi.
Một mai giời có lòng vì,
Hồng-Bàng miêu-duệ có khi phú cường.
Cờ ba sắc đã chỉ đường,
Lần văn-minh đã có thang mà chèo.
Mừng nay Hoàng-thượng ngôi cao,
Thánh-tâm thánh-đức rồi rào cõi Nam.
Giá Ngu hây hẩy cơn Nồm,
Sa-Rô thượng-hiến chăn nom dân này.
Vua khôn lại có thầy hay,
Chị em trong nước non này mừng sao!
Cùng nhau ta hợp tâm vào,
Đúc chuông dư-luận làm sao cho thành.
Để cho thế-giới biết mình,
Đủ đường văn-hóa đủ vành thông-minh.
Mấy nhời vàng ngọc đinh-ninh.

NGUYỄN-SONG-KIM.

DỊCH PHÁP-VĂN

Bài văn không đề-mục

... Une femme délicate et malheureuse se trouve seule dans son salon intime, par une après-midi voilée d'hiver. Au dehors, un ciel de brouillard et de suie pèse sur la ville où se déchaîne la foule brutale. Elle devine ce ciel, sans en rien voir, à la mélancolie qui la gagne, quoique le store d'un bleu pâle soit baissé déjà, et tamise la lumière triste avec une tendresse voluptueuse. Cette lumière d'une demi-teinte presque surnaturelle, semble caresser les objets qui entourent la jeune femme, chers objets, muets pour les autres, mais qui lui racontent doucement, à elle, l'histoire des bonheurs qu'elle n'aura pas ou qu'elle n'aura plus.

Dans leurs cadres ciselés et sur la petite table, sur la cheminée, sur le

... Buổi chiều mùa đông giời u-ám, một vị phu-nhân người phong-nhã, dạ thê-lương, ngồi một mình trong khuê-phòng. Ở ngoài xương mù khói tỏa, nơi thành-thị kẻ vãng-lai, ồn-ào rộn-rịp. Rèm xanh đã rủ mầu xanh nhạt, cái ánh sáng thảm-đạm chiếu qua êm như ru, phu-nhân ngồi trong tuy không trông thấy cái cảnh tiêu-điều mà hình như cũng đoán biết vì cái sầu vô-hạn chan-chứa trong lòng. Ánh sáng phơn-phớt như vẻ thần-tiên, hình như mơn-man cả các vật quanh mình phu-nhân, vật yêu qui thay, người ngoài trông tưởng là thường mà phu-nhân nhìn thì nỉ-non kể những nỗi ngắn tình dài, duyên xưa không đậm, nghĩa sau chẳng tròn.

Trên bàn nhỏ, trên lò sưởi, trên kỷ, ngổn-ngang những tranh cùng ảnh của

guéridon, les portraits de ceux qu'elle aime sont épars, et jurent que les êtres dont ils gardent la ressemblance sont ailleurs, séparés de celle qui songe à eux, par la distance, par la vie, par la mort. Les meubles sur lesquels la songeuse promène ses yeux, que noie une ombre intérieure, donnent à la chambre comme un visage par leur rangement familier et leur forme connue. Nostalgique et frémissante, elle prend un recueil de poésie dans le casier où reposent ses livres préférés. Le feu brûle paisiblement. Abandonnée sur sa chaise longue, elle lit au hasard, et comme elle n'a pas de signet sous sa main, il lui arrive, quand elle s'interrompt de sa lecture, de tirer une épingle de ses beaux cheveux et de la glisser entre les feuillets. Le livre lui parle, à elle aussi, comme au philosophe, mais il lui parle par évocation.... Elle aperçoit le songe du poète, l'au-delà inexprimable et mystérieux dont il a su faire comme un halo à ses vers. Elle lit dans Lamartine ce fragment divin :

Des pêcheurs un matin virent un corps de femme,
Que la vague nocturne au bord avait roulé.
Même à travers la mort sa beauté touchait l'âme.

Elle lit dans le *Livre de Lazare* de Henri Heine, les navrantes *Réminiscences* : « Ce sont surtout les larmes de la petite Juliette qui me brûle le cœur... », dans Sully-Prudhomme, les idéales strophes des *Vaines tendresses* :

Il leur faut une amie à s'attendrir facile...

Paul Bourget

kẻ mến yêu, lồng trong khung trạm, mắt nhìn dạ lnống bồi-hồi, hình-ảnh đấy người những đâu, kẻ thì non sông cách trở, kẻ thì ăn ở ngược xuôi, kẻ thì sống thác đôi đường. Những đồ-đạc bày quanh mình đã quen con mắt mơ-màng thơ-thẩn nhìn, nhác trông tưởng như phòng riêng có nét mặt quen. Lòng thương nhớ, dạ bồi-hồi, phu-nhân lấy một tập thơ trên cái giá để những bộ sách yêu. Lửa trong lò cháy dịu-dàng. Phu-nhân ngồi tựa vào cái ghế dài, tình-cờ mở chỗ nào đọc chỗ ấy, trên tay không sẵn cái đánh dấu trang, thường khi dừng sách lại rút cái trâm cài trên mái tóc tiên mà đặt vào trong tờ giấy — Bấy giờ quyển sách nó cũng cảm phu-nhân như cảm nhà triết-học kia vậy, nhưng cảm ra cách khác : nó khêu-gợi cái tình-tứ của phu-nhân... Phu-nhân đọc thơ mà hình như mơ-màng cái mộng của thi-nhân, trông thấy cái cảnh mung-lung phiếu-diểu nó bao-bọc câu thơ. Phu-nhân đọc trong tập Lã-mã-đình mấy câu thần-phẩm :

Sáng lũ ngư-phụ trông thấy cái xác một tiểu-kiều.
Sóng băn đêm trôi lại bên bờ.
Tuy đã chết mà nhan-sắc còn khả động lòng.

Lại đọc trong tập *La-tát-thư* của Hán-lí Hán-ni cái câu *Thương-nhớ* não-nùng : « Nhất là nhớ đến cái nước mắt của ả Thị-Liễu mà tôi như nung-nấu trong lòng... » Lại đọc trong tập *Tình-xuông* của Tô-lý Ba-đông mấy câu tuyệt-diệu :

Phải có một kẻ bạn tình nhẹ lòng yêu giấu...

Thượng-Chi *dịch*

TẠP-TRỞ

SỰ THI-HÀNH LUẬT MỚI

Nhờ hiểu-thị của quan Nam-án Thủ-hiến cho các quan án đệ-nhất-cấp

(Tiếp kỳ trước [1] *)*

Về sổ sách

Viên lục-sự phải chép lần lượt cả toàn-văn các án về việc vi-cảnh mà các ông đã xử ; việc ấy các ông phải coi cho cẩn thận.

Những án các ông ráp trước vào tờ giấy riêng chưa đăng-ký thì chỉ coi là bản thảo mà thôi ; những án đã viết vào sổ mà các ông đã ký tên với viên lục-sự và đóng triện rồi thì mới thực là có giá-trị.

Án nào cũng phải chép ngay lập tức, không được để trễ, bởi vì khi nào những người đương-sự kháng-cáo hay là xin tiêu-án, các ông phải xếp ngay bút-lục [2] và đính theo một bản án sao y như trong sổ, bản-sao ấy các ông cũng phải ký tên cùng với viên lục-sự và đóng ấn vào.

Kháng-cáo về án vi-cảnh

Đã nói ở trên rằng chỉ những người phải phạt giam mới được kháng-cáo trong hạn ba ngày. Nhưng nếu người bị phạt tiền, hay là người bị phạt giam muốn kháng án trước hay là sau khi hết hạn ấy thì tùy ý ; các ông không được từ trối mà không nhận những đơn xin kháng-cáo của họ. Chỉ tòa án đệ-nhị-cấp mới được xét có nên nhận hay không. Vậy thì dù đơn kháng-cáo thế nào, hoặc chậm hoặc không hợp lý, cũng phải nhận và viết vào sổ kháng-cáo, sổ ấy ở nha các ông cũng phải giữ một quyển.

Nếu chính viên lục-sự nhận nhờ kháng-cáo thì phải biên tên chức viên ấy vào, rồi viên ấy phải ký và đóng triện của các ông vào sau,

Đó là chiều theo điều 45 trong luật hình-sự tố-tụng, điều ấy nói rằng phàm nhờ khai kháng-án hoặc các ông hoặc viên lục-sự nhận cũng được.

Bao giờ cũng phải đính một bản sao nhờ kháng-án vào bút-lục, rồi đệ ngay tức thì lên quan tòa-án tỉnh, không được để chậm.

Hai bên đương sự dù xuất-tịch dù khuyết-tịch cũng được phép kháng án cả.

Cách xin tiêu-án

Cứ như điều 51 trong luật hình-sự tố-tụng, những án vi-cảnh xử chung-thẩm thì không được kháng-cáo ; tuy không được kháng-cáo lên tòa tỉnh, nhưng mà người đương-sự có thể xin tiêu-án được, hoặc là vì việc đó không thuộc quyền các ông xử mà các ông đã xử nhầm, hoặc là vì người đương-sự tưởng rằng các ông đã lạm-quyền

(1) Xem *Nam-phong*, số 8, trang 69-75.

(2) *Bút-lục* là gồm cả các giấy má về một việc án nào : đơn kêu, biên-bản, nhời cung-khai, án-văn, v. v. tức như trong án-từ ta gọi là « hồ-sơ-tử-tập ».

hay là vì luật, hại cho người ta chăng (điều 56).

Cứ như điều 51, hạn xin tiêu-án được ba ngày tròn kể từ sau ngày tuyên-án, thành ra thực là năm ngày.

Xin tiêu-án thì phải xin trước mặt các ông, như trong điều 55 đã nói.

Thế thì các ông phải theo mẫu biên-bản về kháng-cáo hay là mẫu biên-bản về chống án mà biên chung cả trong một sổ.

Sau phải lục-sao một tờ mà đính vào bút-lục, rồi chuyển giao cả lên quan Chánh-sứ tỉnh các ông để đệ tòa Chưởng-lý, bởi vì chỉ tòa-án đệ-tam-cấp mới có quyền xử tiêu-án.

Sự thi-hành những án vi-cảnh

Khi đã hết hạn xin kháng-cáo và hạn xin tiêu-án rồi, thì bấy giờ những án các ông kết về việc vi-cảnh mới được thi-hành. Trước khi ấy các ông không được phép cho bắt người bị can, dù đã bị xử phạt giam rồi cũng chưa được bắt.

Cứ như trong điều 17 luật Hình thì phạt giam thuộc về tội vi-cảnh có thể bỏ tù ở trong câu-lưu-sở ngay nơi phạm tội ấy. Hạn phạt-giam một ngày là hai mươi bốn giờ đồng-hồ.

Nếu có phải bỏ tù nợ nữa thì phải theo như sau này:

Trước hết bỏ tù vì không giả được tiền thường-hoàn, rồi bỏ tù vì không giả được tiền phạt, sau bỏ tù vì không giả được tiền lệ-phí, sau hết bỏ tù vì không giả được tiền bồi-tổn-hại.

Giá ngạch tiền lệ-phí sau này sẽ định, bao giờ xong sẽ báo cho các ông biết.

Đại-để về cách thi-hành các việc án sau này tôi cũng sẽ hiểu-thị kỹ hơn cho các ông được tường.

II. — VIỆC DÂN-SỰ VÀ THƯƠNG-SỰ

Quyền các ông xử về việc dân-sự và thương-sự thì đã định ở khoản thứ hai trong điều 6 và điều 7 luật tổ-chức các nha-môn tư-pháp. Nhưng xử những việc ấy cũng phải cốt là đơn kêu không quá 30 đồng mới được; nếu quá thì thuộc về quyền tòa-án tỉnh xử.

Khi nào người kêu không nói rõ vật giá là bao nhiêu thì các ông phải châm chước mà đánh giá lấy. Nếu ước giá quá số ba mươi đồng bạc, thì phải đệ giao việc ấy cho quan tòa tỉnh, mà gửi theo một cái giấy trình.

Việc nào giá-ngạch không quá ba mươi đồng thì các ông cứ theo những điều trong luật tố-tụng thuộc về dân-sự và thương-sự mà xử; bao giờ cũng phải có quyền luật trước mắt.

Tôi lại nhắc để các ông nhớ rằng xử về dân-sự thương-sự cũng như xử về việc vi-cảnh, phải đặt phiên tòa công trong một tuần lễ ít ra là hai lần; nếu có nhiều việc thì hằng ngày xử cũng được, cũng có thể mở phiên tòa ngày phiên chợ hoặc chỗ nào xa bản-nhà (như trong điều 11 luật tổ-chức các nha-môn tư-pháp đã nói).

Cách hòa-giải

Việc đem ra tòa chẳng những các ông có thể xử hòa, mà lại rất nên khiến cho hai bên hòa-giải. Nếu hòa-giải được thì cứ theo cách thức trong điều 11 luật dân-sự tố-tụng mà lập-tức viết tờ biên-bản hòa-giải.

Biên-bản ấy thì đọc cho hai bên nghe rồi thì các ông cùng với hai bên phải ký tên vào; nếu hai bên không biết ký thì phải nói ở dưới tờ biên-bản ấy rằng không biết ký, rồi các ông ký và đóng triện ở sau.

Như thế là việc xong.

Phải chép biên-bản ấy vào sổ hòa-giải.

Việc hòa-giải không xong

Nếu việc hòa-giải không xong thì cứ việc xử ; trước phải nghe nhời kêu của hai bên, và nếu có cần thì nghe cả người làm chứng của hai bên đòi-nại hay là người chứng nào nên hỏi thì hỏi cũng được. Nhời khai của người làm chứng và của hai bên phải biên lấy và kể cả họ, tên, tuổi, nghề-nghiệp, chỗ ở mỗi người. Nhời khai của mỗi người phải biên ra *từng tờ một*, và phải đọc cho người khai nghe. Mỗi người làm chứng phải cam-đoan chịu trách-nhiệm những lời mình đã khai ra. Không có thể khai chung được. Khai xong rồi, thì người khai phải ký tên. Nếu không biết hay là không muốn ký, thì trong tờ phải nói rõ.

Các ông cũng phải ký tên vào ; nếu không phải chính các ông viết tờ khai thì người viết thay cũng phải ký tên vào với các ông ; rồi bản-chính đem đính vào án-bản-bút-lục.

Những các cách-thức ấy là rất cần ; nếu làm trái thì cho là vô-hiệu (điều 110 trong luật dân-sự thương-sự tố-tụng.)

Nếu có cần thì các ông có thể làm những việc kiểm-chứng, giám-định, lý-khám, vân vân. Nếu những việc ấy cùng các việc tra-cứu mà thuộc về địa-hạt khác thì các ông có thể ủy-thác cho quan tòa hạt khác ấy được, như đã nói trong điều 18 luật dân-sự thương-sự tố-tụng và trong điều 19 đã dạy cách viết các giấy ủy-thác.

Khi nào việc đã đủ nhẽ xử xét được, thì cứ chiếu theo mẫu án trong điều 22 mà vựng-án.

Khi đã xét việc và vựng-án xong rồi thì phải tuyên-án, đọc to và rõ-ràng, hoặc là ngay phiên tòa đã xét cái việc ấy hoặc để phiên sau, nhưng không được quá hạn mười lăm ngày.

Các án ấy chính tay các ông phải làm lấy.

Những án về dân-sự thương-sự không được kháng-cáo lên tòa trên, như đã nói trong khoản thứ hai điều 6 và trong điều 7 luật tổ-chức các nha-môn tư-pháp. Trong điều 22 luật dân-sự tố-tụng ở cuối mẫu án-văn có câu rằng hai bên được phép kháng-cáo ; nhưng câu ấy là để cho các tòa tỉnh xét những việc trọng hơn mới cần phải bảo hai bên như thế, như các ông thì không cần phải hiểu-thị gì về sự kháng-cáo cả.

Tuy vậy những án của các ông kết về việc dân-sự thương-sự cũng có thể kháng-cáo trong mấy khi như sau này.

1° Chống án

Người bị-cáo không ra tòa mà bị các ông làm án phạt thì được phép chống cái án ấy. Tức là được phép xin các ông xử lại trước mặt họ cái việc họ bị thưa. Kỳ-hạn xin được tám ngày, kể từ ngày họ nhận được tờ lục-tống án ấy. Sự lục-tống đó thì hoặc bên nguyên xin, hoặc chính các ông truyền. Ấy là theo điều 9 trong luật dân-sự tố-tụng. Nhưng đó là khi tìm được người bị-cáo thì mới thế. Vậy phải có giấy-má gì chứng rằng tờ lục-tống ấy đã giao cho chính-thân người ấy, hoặc giao ở nơi trú-quán người ấy cho thân-thuộc hay người nhà của họ. Giấy chứng ấy phải đính vào bút-lục, phải biên ngày tháng và phải có chữ ký của quan hay của người ký-dịch nào trong làng đã giao giấy lục-tống.

Khi lục-tống xong rồi, nếu bên bị-cáo muốn chống án thì trong hạn tám ngày phải làm tờ khai chống án với các ông hay là với viên lục-sự. Quá hạn ấy thì án thành quyết-định, từ ngày thứ chín đem thi-hành được.

Khi bên bị cáo chống án trong hạn thì các ông lại đòi một lần nữa cả hai bên lên tòa và xử như lần trước, chỗ nào còn nghi-ngờ thì xét cho minh.

Các ông được phép hoặc sửa lại cái án trước, hoặc y như án trước, hoặc bác bỏ hẳn án trước đi tùy đó.

Các ông phải chú-ý rằng đó là khi người bị-cáo vắng mặt mà thôi, chớ khi nguyên-cáo vắng mặt thì không làm án được, vì điều 6 trong luật dân-sự tố-tụng buộc bên nguyên-cáo từ ngày đầu đơn kiện giở đi phải chực sẵn để hầu án.

Vậy nếu bên nguyên-cáo đã đầu đơn mà trong hạn hai tháng các ông cho đòi không đến, thì các ông cứ việc làm án mà bãi cái đơn ấy đi, bên nguyên-cáo kia về sau không được phép lại đầu đơn về việc ấy nữa.

2º Tiêu án để xử lại (1)

Những án xét chung-thẩm trước mặt hai bên thì hai bên được phép xin « tiêu án để xử lại » như những khi đã định trong điều 34 luật dân-sự tố-tụng.

Xin tiêu-án phải trình đơn cho các ông hay là cho viên lục-sự (điều 36) và trong đơn phải biên đủ theo cách thức như trong điều 2 luật dân-sự thương-sự tố-tụng.

Nhận đơn thì các ông hay là viên lục-sự phải cho giấy biên-nhận.

Người xin tiêu-án, thì trong ba ngày sau khi đầu đơn phải nộp sẵn ba mươi đồng bạc phạt tại bản-nha các ông. Xin tiêu được thì được lấy lại tiền ấy. Nhưng mà những người nghèo thì được miễn-nộp, trong bút-lục phải có giấy của kỳ-dịch làng nhận là nghèo thật mới được. Khi có nộp thì trong bút-lục cũng phải có giấy chứng của các ông hay là của viên lục-sự làm bằng-cứ.

Việc tiêu-án ấy thường có điều khó-khăn, cho nên trong luật (điều 57) đã định rằng các ông phải đệ cái đơn xin tiêu-án và cả bút-lục án ấy lên phòng quan Nam-án, rồi phòng quan Nam-án tư những khoản phê-phán yếu-cầu cho các ông biết mà xử. Các ông nhận được rồi, thì chiếu theo đấy mà xử.

Lại chiếu theo điều 41 thì dù người đương-sự không xin tiêu-án, quan Nam-án cũng được tùy nghi xin tiêu những án của các ông đã kết. Khi ấy thì hễ tôi hỏi, các ông sẽ đệ bút-lục cho tôi.

3º Tiêu án không.

Hạn trong ba ngày bên nguyên bị cũng được xin « tiêu không » những án về dân-sự thương-sự cửa các ông kết (điều 43 luật dân-sự tố-tụng).

Những khi hai bên nguyên-bị tưởng rằng các ông xử án đã việt-quyền, lạm-quyền hoặc vi-luật thì được phép xin tiêu như thế.

Đơn kêu xin « tiêu không » về án dân-sự thương-sự thì cũng theo cách như xin tiêu án để xét lại (điều 43 luật dân-sự tố-tụng), nghĩa là cũng phải nộp ba mươi đồng bạc, trừ ra khi nào có giấy của kỳ-dịch nhận nghèo thật thì thôi. Rồi các ông đệ cả bút-lục cho tôi để tôi giao tòa Thượng-thẩm xét.

Quan Nam-án Thủ-hiến cũng có quyền vì phép luật xin tiêu không các án. Khi ấy tôi sẽ tư giấy thì các quan cứ việc đệ bút-lục lên cho tôi (điều 42 luật dân-sự tố-tụng).

III. — VIỆC HÒA-GIẢI

1º Trên kia đã nói rằng khi các ông nhận được đơn kêu việc dân-sự hay

(1) Tiêu-án có hai cách : một là « tiêu-án để xử lại » (*rétractation*), nghĩa là tiêu cái án trước để xửa lại lần nữa, mà làm án khác. Hai là « tiêu án không » (*annulation*), nghĩa là tiêu hẳn đi, không xử lại nữa. Trong luật đã định rõ những khi nào là « tiêu án để xử lại », khi nào là « tiêu án không ». Xem cả tiết thứ IV trong luật dân-sự tố-tụng.

là thương-sự mà các ông có quyền xử (trong hạn ba mươi đồng bạc), thì phải thử hòa-giải hai bên. Nếu hòa-giải được thì làm tờ biên-bản theo như mẫu trong luật.

2º Nhưng dù khi đơn kêu ra ngoài quyền thẩm-phán của các ông, trước khi đệ-giao quan tòa án đệ-nhị-cấp, luật cũng dặn các ông nên thử hòa-giải hai bên xem có được không. Nếu hòa-giải được thì các ông phải lập một tờ biên-bản. Tờ biên-bản ấy sẽ dùng làm chứng-thư-đích-thực cho hai bên nguyên bị (điều 9 luật tổ-chức các nha-môn tư-pháp), và thế là xong việc. Vậy phàm khi các ông nhận được đơn kêu việc dân-sự thương-sự quá hạn ba mươi đồng bạc thì hẳng cố hòa-giải trước, nếu không xong mới đệ-giao tòa án đệ-nhị cấp. Mà không xong cũng phải làm biên-bản nói rằng hai bên không chịu hòa-giải, khi đệ lên tòa trên đính cả cái biên-bản ấy cùng các giấy má các ông đã nhận được về việc ấy.

3 Phận-sự chánh-phó-tổng và đương-thứ hương-chức cũng phải hòa-giải các việc trong dân mình (điều 99 luật dân-sự tố-tụng). Thế thì lần nào những người chức-dịch ấy đem người đương-sự mà trình tờ hòa-giải, thì các ông phải nhận mà chép vào sổ hòa-giải. Những người đương-sự và các chức-dịch phải ký vào chỗ chép trong sổ ấy và vào một tờ biên-bản phải lập thêm để làm bằng rằng đã chép vào sổ rồi. Ấy là chiếu theo điều 6 luật tổ-chức các nha-môn tư-pháp.

IV. — VỀ SỰ GIÚP VIỆC QUAN TÒA ÁN TỈNH

1º — Việc dân-sự thương-sự, các ông phải thi-hành những mệnh lệnh của tòa tỉnh ban cho để giúp việc dự-thẩm những tòa ấy xử. Việc gì phải làm, thì quan tòa-án đệ-nhị-cấp sẽ bảo cho các ông biết. Khi thi-hành những lệnh ấy thì các ông phải theo cách thức trong luật đã dặn rằng như là việc chính các ông phải xử lấy, như lúc lấy nhời khẩu-cung của hai bên, nhận nhời khai của người làm chứng phải làm thế nào, v. v.

Nói tóm lại các ông thay quan tòa-án tỉnh mà làm. Vậy việc quan án tỉnh phải làm thế nào các ông cũng phải làm như thế. Những phép tắc định trong luật dân-sự tố-tụng là định chung cả cho quan án tỉnh và cả cho các ông.

2º — Về hình-sự, ngoài những việc vi-cảnh là việc các ông có quyền xử, còn phận-sự các ông về việc khác thì như sau này :

1 — Không cứ người nào, hễ trông thấy kẻ đương-phạm trọng-tội hay là khinh-tội, đều có cái trách-nhiệm phải bắt kẻ phạm tội giải nộp cho quan gần đấy, tức thường thường là giải nộp cho các ông (điều 7 luật hình-sự tố-tụng).

Khi nào không phải là tội đương-trường thì các ông phải nhận đơn viết hay là nhời kêu miệng của người bị-hại (điều thứ 8).

Phàm chức-dịch kỳ-dịch thấy phát ra việc trọng-tội khinh-tội gì lập tức phải gửi cho các ông một tờ biên-bản kể rõ việc ấy, gửi cái đơn kêu của người bị hại cùng những đồ tang, và giải nộp cả những đứa phạm-tội hay là nghi-phạm-tội đã bắt được (điều 9). Nhưng khi nào là phạm-tội đương-trường thì mới được bắt như thế, còn về việc trọng-tội hoặc khinh-tội đã sảy ra từ trước, thì phải có trát của quan tòa có quyền xử việc ấy, trong đề ngày tháng, ký tên, đóng triện, chỉ tên người nào phải bắt, bắt về cớ gì, và kể hình-tích cho biết mà bắt (điều 13).

Vậy khi các ông được biết một việc trọng-tội hay là khinh-tội, thì phải lập-tức trình quan tòa-án tỉnh thân-hành

xét hỏi việc trọng-tội hay là khinh-tội ấy có thực không, và thu các chứng-cớ nên biết cho rõ sự-thực.

Lúc nào có việc nhân-mạng hay là việc cướp thì các ông phải thân-hành ngay đến nơi hữu-sự mà chăm giữ lấy nguyên-tích không cho di-dịch,cho đến khi sự khám-nghiệm xong cả rồi mới thôi ; trừ ra khi nào cần phải cấp cứu người bị thương chưa chết thì không kể.

Phàm những việc các ông đã xét hỏi ấy, thì phải làm tờ trình nói rõ đầu đuôi đệ lên quan-án tỉnh (điều thứ 10).

2 — Khi quan tỉnh đã thụ-lý một việc gì, hoặc bởi các ông trình, hoặc bởi người khác trình, thì quan tỉnh có thể tư trát-nã cho các ông, bấy giờ các ông phải thi-hành trát mà cho đi tầm-nã (điều 14).

Quan tòa-án tỉnh lại có thể ủy-thác cho các ông dự-thẩm việc khinh-tội hay là trọng-tội mà sẩy ra trong địa-hạt các ông (điều 17), hay là ủy-thác cho các ông để dự-thẩm thay cho mình, cho tiện công việc, thì khi ấy các ông phải theo như trong điều 16 cùng mấy điều sau mà làm, như việc đòi người làm chứng ra khai, việc sưu-sách, việc tịch-thu, việc lý-khám, vân vân, là những điều quan-án tỉnh cũng phải theo như các ông.

*
* *

Đó là những điều tôi dặn các ông phải theo trong khi thi-hành luật mới, nhưng muốn theo cho đúng thì chắc là trước phải chú-ý đọc kỹ các bộ luật mới mới được. Xử việc dân là một trách-nhiệm rất trọng, dù khi xử việc nhỏ mọn cũng vậy. Vậy các ông phải chăm học luật cho thực thuộc, cho người có việc khỏi oan-uổng mà được tin cậy nhẽ công-bằng. Bởi thế nên khi làm việc án mới, hoặc có chỗ nào các ông không hiểu rõ nghĩa luật thì bao giờ cũng phải hỏi lại quan trên, để chỉ bảo cho khỏi sai nhầm.

Tại Hà-nội ngày 24 tháng giêng năm 1918

Tư-pháp-viện-tổng-lý
kiêm Bắc-kỳ Nam-án thủ-hiến

ĐỀ-LIỆT-TỪ-LÊ ký

Hoa - loạn - phi

(花 亂 飛 新 曲)

Bần giả lạc

Đồng tiền, đồng tiền !
Chúng anh có tiền sung sướng thật như tiên.
Phong lưu rất bậc,
Anh hèn đố ai bảo rằng hèn !
Được thể có tiền,
Chúng anh cứ việc chúng anh lên.
Lên xe xuống ngựa,
Kể nịnh người khen !
Rượu nồng cơm tốt,
Quanh năm chúng anh cứ đánh rền !
Đồng bạc trắng xóa ! lòng ai đen !
Son phấn chị em lơi lả riết,
Chẳng thương yêu cũng một tí làm duyên !

— Bọn ta thì thật kiết,
Mà ta cũng chẳng phiền !
Khi nghêu ngao câu hát,
Lúc mê mẩn quàng xiên.
Dẫu khóc đã lắm thứ,
Mà cười cũng nhiều phen.
Của cải mặc ai ai giầu có,
Ta, khi xem hoa nở, khi chờ giăng lên.
Bao giờ tiêu cho hết kho vô-tận của hoàng-thiên.

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN CÁI GẬY SONG (1)

Tiểu-thuyết Pháp của ALFRED DE VIGNY

PHẠM QUỲNH *dịch ra quốc-ngữ*

III

Một bức thư thường

Thư này viết ở trên tàu nước Anh hiệu *Cổ-lỗ-dăng*, đỗ trước cửa La-sĩ-phổ năm 1804.

Quan Thủy-tướng Cổ-lĩnh-khắc cho phép gửi sang Pháp

Con ạ, cha chẳng cần phải kể đầu đuôi thế nào mà cái thư này đến được con, cùng sở-dĩ làm sao mà cha biết được cái nhân-cách địa-vị của con ngày nay. Con cứ biết rằng cha bằng lòng con, thế cũng đủ, nhưng có nhẽ không bao giờ lại được trông thấy con nữa. Chắc con cũng chẳng vì thế mà áy-náy trong lòng cho lắm. Con chỉ biết cha từ ngày còn nhỏ lắm, là hồi cái ký-ức chưa thành mà cái tâm-tình cũng chưa nở. Thường người ta tưởng lòng người sớm biết, thật không phải thế ; ta vẫn lấy sự đó làm lạ, nhưng sao được ? — Ta xem con cũng chẳng có cái lòng xấu gì hơn ai. Ta phải đành vậy, chớ sao. Ta chỉ muốn nói cho con biết một điều, là hiện nay ta đương làm chiến-tù của quân Anh, từ ngày « 14 tháng nóng-nực, năm Dân-quốc thứ 4 » (tức là ngày 2 tháng 8 theo lịch cũ, lịch cũ ấy nghe như ngày nay lại tái-hành). Bấy giờ ta đến tàu « Đông-phương » để cố khuyên tướng Bi-lai-tì chở tàu về Cổ-phu. Nguyên-súy (tức Nã-phá-luân) lúc ấy đã phái lại cho ta viên quan hầu Nhữ-liên, nhưng viên ấy dại sao để cho quân Á-láp-bá nó bắt mất. Ta thì ta đi đến nơi, nhưng không được việc gì. Bi-lai-tư cứng-cổ như con la, nói rằng sắp tìm thấy con đường eo-bể Á-liệt-sơn để đem tàu vào đấy ; nhưng lại nói thêm một câu ra giọng cao-thượng, đủ biết rằng trong bụng hơi có ý ghen lục-quân. — Hắn nói : « Họ cho mình là bọn chở đò ngang, hay sao ? Họ tưởng mình sợ quân Anh, lắm hẳn ? » — Cứ thực giá bấy giờ hắn sợ quân Anh một tí lại lợi cho nước Pháp nhiều. Nhưng mà tuy hắn có điều nhầm lỗi, hắn cũng làm được sự-nghiệp vẻ-vang để đền lại. Như ta thì khi quân Anh đến đánh tàu ta vẫn ở đấy, cũng là một sự nhầm-lỗi mà đến nay còn phải chịu khổ. Bi-lai-tì trước bị thương đầu và ở tay, vẫn cứ đánh mãi không thôi, sau phải viên đạn trúng vào bụng, lòi ruột ra. Truyền đặt vào một cái bao cám, rồi cứ ngồi trên ghế ấy mà chết. Người trong tàu bấy giờ biết chắc rằng độ đến mười giờ chiều thì tàu đắm chết cả. Thuyền-viên còn ai xuống « xà-lúp » chạy trốn, chỉ trừ có Ca-tát Biên-ca đứng sau cùng. Nhưng anh ta đã đành, lại còn thằng con nhỏ — thằng bé xinh-sảu, ta tưởng con đã có trông thấy một lần —, nó chạy lại tìm ta ; nói : « Ông ơi, lúc nguy-cấp này nên làm thế nào cho khỏi trái đạo danh-dự ? » — Khốn nạn thay con trẻ ! Mới

(1) Xem *Nam-Phong* số 8, trang 112-115.

có mười tuổi đầu mà đã nói danh-dự, mà nói trong một lúc như thế ! Ta bèn ẵm hắn vào ngực ta, chạy xuống cái thuyền nhỏ, cho khỏi trông thấy cha hắn bị bắn với tàu « Đông-phương » tàu bấy giờ trông tan-tác trên không như một nắm lửa. Bọn ta thì không phải bắn, mà phải bắt lại còn khổ hơn. Ta bị một viên thuyền-trưởng tên là Cô-lĩnh-khắc người bụng dạ khá — giải về Đô-duy-nhĩ. Thuyền-trưởng hiện coi tầu *Cô-lỗ-đăng*. Ông thực là một người trượng-phu, làm hải-quân từ năm 1761 chỉ bỏ bể có hai năm để về cưới vợ, để được hai người con gái. Ông thường nói truyện đến con luôn truyện đến con luôn, mà con thì không biết ông ; bà vợ cũng chỉ nhận được thư ông mới biết cái tính-cách cao-thượng của ông về phần ta thì ta biết rằng cái trận thua Á-bộ-kì này nó làm cho ta đau đớn trong lòng mà giảm bớt cái thọ của ta đi, kể ta sống thế này cũng đã nhiều lắm rồi, vì đã từng trông thấy một sự thất-bại như thế, trông thấy bao nhiêu anh em vẻ-vang chết như thế. Ở đây ai trông thấy ta già cả cũng có lòng cảm-động ; nhân khí-hậu nước Anh lạnh ta ho lắm, những vết bị-thương cũ lại tấy lên, hắn một cánh tay không dùng được, thuyền-trưởng Cô-lĩnh-khắc bèn cố xin cho ta — (giá chính ông xin cho ông thì có nhẽ không được, vì ông là chân đi bể không được lên đất) — được đặc-ân dịch ra đảo Tây-tây-lặc, ở đấy khí-hậu ấm-áp hơn, giời thanh-tĩnh hơn. Ta tưởng rằng ta cũng đến chết ở đấy mà thôi ; vì thân già bầy-mươi-tám tuổi, bị-thương bầy vết, lắm sự khổ-não, lại thêm cái cảnh bị bắt, bấy nhiêu cái là những bệnh không thể chữa được. Khốn-nạn con ơi ! ta chỉ còn để lại cho con một cái thanh gươm của ta, mà nay đến thế cũng không được nữa, vì đã làm chiến-tù thì không được đeo gươm. Nhưng chẳng có gì, ta còn có một câu khuyên con, là con chớ nên cảm-phục quá những người đột-khởi, như Nã-phá-luân vậy. Ta biết con có tính quá mê tín, tính ấy là một bệnh truyền-nhiễm, người nước Pháp dễ mắc lắm. Cái tính ấy nó đã sinh ra không biết bao nhiêu giống áp-chế, từ kẻ nhớn đến kẻ nhỏ. Quốc-dân ta hay quá yêu những kẻ khuếnh-khoáng, tận-tâm tận-lực mà phụng-sự, rồi chẳng mấy nỗi mà bấm bụng chau mày một mình. Căn-nguyên của cái tật ấy là sự cần muốn động-tác mà lười không chịu nghĩ. Bởi thế nên ta thấy kẻ nào nghĩ hộ cho ta, giữ trách-nhiệm cho ta thì ta sướng lắm, cam-tâm tự hiến cả tâm hồn cho kẻ ấy rồi mà sau nghĩ lại cười cả mình cười-cả kẻ ấy cũng nên.

Nã-phá-luân bụng dạ cũng khá, nhưng phải cái khuếnh-khoáng quá. Ta sợ hắn lại xướng ra trong bọn ta một cái lối huyễn-diệu mới ; nghề huyễn-diệu ở nước Pháp ta kể cũng đã thịnh-hành lắm rồi. — Cái tính khuếnh-khoáng tự nó ngạo-mạn mà nó lại làm cho người ta hư đi nữa ; đời này biết bao nhiêu là kẻ như thế, thường khua chuông gõ mõ trên đường phố, trong nghề-nghiệp nào cũng có mà người ti-tiện đến đâu cũng mắc phải cái tật ấy. Khác nào như con ếch trong ngụ-ngôn, phềnh quá thành vợ bụng. Hạng ếch ấy ngày nay không biết bao nhiêu mà kể. Ta ước ao sao cho con ta đừng vào cái hạng đó.

Nã-phá-luân khi bấy giờ có hứa sẽ chăm-chút cho con, ta cũng vui lòng rằng hắn đã giữ nhời hứa ấy. Nhưng con đừng nên chắc bằng quá. Ít lâu trước khi ta bỏ đất Ai-cập một cách khốn-nạn như thế, có người kể cho ta nghe truyện như sau này sẩy ra hồi một bữa tiệc nào đó ; ta muốn thuật lại cho con để con thường ngẫm-nghĩ đến.

Ngày « mồng 1 tháng hái nho năm dân-quốc thứ 7 » (tức là ngày 22 tháng 9 theo lịch thường), Nã-phá-luân hiện ở thành Cai-nhĩ, lấy mình là có chân hội Bác-sĩ, truyền mở một hội kỷ-niệm

ngày thành-lập Dân-quốc. Cắm cờ tam tài lên trên tháp Bồng-bắc, cả quân đóng ở thành Á-lịch-sơn đến hội-họp ở đấy. Trên tháp Khắc-lâu-ba-đích cũng có thắp đèn mà không được sáng lắm. Cả quân miền Thượng-ai-cập cùng nhau làm hội rất vui vẻ, ở giữa đám cổ-tích thành Tắc-bối. Quân-đoàn thứ nhất thì làm những trò diễn-binh, tập chạy, đốt pháo thăng-thiên, ở thành Cai-nhĩ. Quan nguyên-súy có mở tiệc mời cả tư-lệnh-bộ, các quan kinh-lý, các nhà bác-học, các quan-viên Thổ-nhĩ-kỳ, cả thảy năm trăm người dự-tiệc ; tiệc dọn phòng dưới cái nhà Nguyên-súy ở, ở đường An-bắc-cơ ; mũ thần Tự-do là hiệu của Dân-quốc với cờ giăng lưỡi liềm là hiệu đạo Hồi-hồi, buộc dằng cái nọ sang cái kia như có tình liên-lặc. Cờ Thổ-nhĩ-kỳ, cờ Pháp-lan-tây, kết thành vồng, rải thành thảm, trên đặt kinh Cồ-lan (*Koran*) sánh vai với tập Nhân-quyền (*Table des droits de l'homme*). Tiệc ăn theo lối Thổ-nhĩ-kỳ, khách đều ăn bằng tay, đồ ăn thì là thịt gà với gạo nấu nghệ, các thức khoai, các thức quả. Khi tiệc đã tan, Nguyên-súy không nói gì, liếc mắt nhìn lượt cả các khách. Tướng Khắc-lắc-bối nằm nghiêng bên cạnh, vì chân dài không thể ngồi xếp bằng tròn như lối Thổ-nhĩ-kỳ, bấy giờ thích khuỷu tay vào viên quan Thổ Ap-đa-la-Mê-nu ngồi bên, rồi nói, giọng nửa như giọng Đức :

« Kìa ! nghe Á-lí-nã-phá-luân sắp nói nhảm. »

Á-lí là tên con rể ông tổ đạo Hồi-hồi, thường gọi đùa Nã-phá-luân như thế, vì ngày thánh-hội Hồi-hồi Nguyên-súy nghịch mặc áo theo lối Thổ-nhĩ-kỳ, lại từng tuyên-bố rằng giữ cái chủ-nghĩa bảo-hộ cho cả các tôn-giáo.

Tướng Khắc-lặc-bối chưa nói dứt nhời, tay hãy còn xoa mấn tóc vàng, Nã-phá-luân đã đứng dậy rồi, đề cốc rượu vào áp cằm, cái cằm thì gầy, cái cổ áo thì to tướng, người thì bé tí, rồi nói cái giọng phăn-phắt, rõ-ràng, mà hơi láu táu :

« Xin cạn cốc rượu này mừng cho Đại-Pháp dân-quốc trường-cửu được ba trăm năm ! »

Khắc-lặc-bối bấy giờ mới ghé vào vai Áp-đa-la-mễ-nu cười khinh-khích, đến nỗi làm cho đánh đổ cốc rượu vào một viên quan Thổ già ngồi cạnh. Nã-phá-luân bèn liếc mắt nhìn ngang hai người, vừa nhìn vừa cau lông mày lại.

Chắc bấy giờ có ý giận là phải, vì đối với quan Nguyên-súy, một viên đại-tướng dẫu giỏi như Khắc-lặc-bối cũng không được ngạo-mạn. Nhưng cứ bình-tĩnh xét mấy người nghe Nã-phá-luân nói bấy giờ mà cười cũng không phải là nhầm, vì hiện nay Nã-phá-luân đã phá-đổ Dân-quốc, tự-xưng Hoàng-đế, mà con ta đây là quan hầu của Hoàng-đế vậy

. . . . . .

Đọc đến đấy thì đại-úy Lôi-nộ lấy lại cái thư ở trên tay tôi.

(*Còn nữa*)

TRUYỆN CHÀNG ĐẠI-NAM

(Truyện tàu)

Hề Thành-Liệt là người học-trò ở Thành-đô, có một người vợ cả và một người vợ lẽ, vợ lẽ là Hà-thị, tên hiệu là Chiêu-Dung. Hề nhân vợ cả mất sớm, lại lấy một người kế-thất nữa là Thân-thị, tính lăng-loàn ngược đãi Hà-thị, có khi lăng-loàn cả đến chồng, suốt ngày eo óc. Hề không thể chịu được, tức giận quá bỏ nhà đi.

Hề đi rồi, thì Hà-thị sinh được đứa con giai tên là Đại-nam. Hề đi mãi không thấy về, Thân-thị bèn đuổi cả Hà-thị, không cho cùng thổi nấu ăn chung, chỉ tính ngày thì cho từng bữa gạo.

Khi Đại-nam gần lớn lên, Hà-thị cũng không dám xin thêm, chỉ chăm thêu dệt để kiếm thêm cho đủ ăn.

Đại-nam thấy trẻ con ở các nhà trường, học-hành ngâm đọc, nghĩ lấy làm vui, cũng đòi mẹ xin đi học. Mẹ thấy con còn trẻ dại, cũng đưa đến trường để học cho quen. Không ngờ Đại-nam thông-tuệ, học gấp hơn cả lũ-trẻ. Thầy lấy làm lạ, cũng không đòi tiền học-bổng gì cả. Hà-thị bèn cho đi theo thầy, gọi là kiếm chút đỉnh lễ thầy mà thôi; được hai ba năm, Đại-nam học thông-hiểu cả kinh sử, một ngày kia giở về, hỏi mẹ rằng: « Mẹ ơi! năm sáu anh học trò ở nhà trường, đều về xin tiền cha để mua bánh mua kẹo, sao con lại không có cha vậy? »

Mẹ nói: « — Khi nào con lớn, mẹ sẽ bảo cho con biết. »

Đại-nam nói: — « Con mới sáu bảy tuổi, biết bao giờ cho con lớn! »

Mẹ nói: — « Con đi học hễ qua miếu Quan-thánh, cứ tâm-niệm khấn người thì người sẽ phù-hộ cho con hay ăn chóng nhớn. »

Đại-nam tưởng thực, mỗi ngày hai lần đi qua cửa miếu, lại lầm rầm khấn vái. Mẹ biết ý, hỏi: « Con khấn những câu gì? »

Đại-nam đáp: « — Con khấn phù-hộ cho con đến sang năm thì con lớn bằng đứa mười lăm, mười sáu tuổi. »

Mẹ mỉm cười, nhưng thấy Đại-nam người cứ mỗi ngày một lớn, mà học cũng mỗi ngày một giỏi. Đến lên mười tuổi, mà đã lớn bằng đứa mười ba, mười bốn tuổi, làm bài văn gì, ông thầy không phải chữa đổi một chữ nào.

Một hôm hỏi mẹ rằng: « Ngày trước mẹ bảo, hễ con lớn, thì mẹ bảo chỗ cha con ở, nay xin mẹ bảo cho. »

Mẹ nói: « Ta chưa bảo vội. »

Thấm thoắt được hơn một năm nữa, Đại-nam đã chững-chạc ra người lớn, thường căn-vặn hỏi luôn. Mẹ mới thuật sự đầu đuôi cho nghe. Đại-nam biết truyện thương xót không biết chừng nào, muốn xin đi tìm cha.

Mẹ nói: « Con còn thơ ấu lắm, cha con chưa biết còn mất thế nào, biết đâu mà vội đi tìm cho được. »

Đại-nam không nói gì cả, cứ lẳng-lặng mà đi, đến trưa không thấy về. Mẹ vội vàng sang hỏi nhà thầy, mới biết rằng con chưa về ăn cơm sáng. Mẹ thất kinh, nhưng vẫn tưởng là vì biếng học mà đi trốn, bèn thuê tiền mướn người đi tìm, dò la khắp cả mọi nơi mà không thấy tang tích đâu cả.

Khi Đại-nam ra khỏi cửa, không biết đi đàng nào cho phải, chỉ theo thẳng đường mà đi. Gặp một người sang Qui-châu, nói là họ Tiền. Đại-nam theo Tiền cũng đi, vừa đi vừa ăn xin ở dọc đường. Tiền thấy đi theo chậm, bực mình bèn thuê cáng cho mà đi.

phí-tổn mất tiền bành-lý mới đến được Qui-châu. Khi nghỉ chợ cùng ăn, Tiền ngầm đầu độc vào thức ăn, Đại-nam ăn phải mê mẩn người đi không biết gì cả. Tiền bèn đem đến một cái chùa lớn, nói dối là con mình vì mắc bệnh, hết mất cả tiền ăn đường phải bán cho nhà sư. Nhà sư thấy Đại-nam dung-nghi tuấn-tú, bèn tranh nhau mua. Tiền bán được tiền rồi đi. Nhà sư cho Đại-nam uống thuốc, tỉnh dần ra. Sau đến tai ông sư già biết, sư già đến thăm, thấy đứa bé có tướng lạ, hỏi căn vặn, mới biết truyện đầu đuôi, lại càng thương lắm, trách mắng các nhà sư. Nhà sư giúp cho tiền ăn đường rồi lại cho Đại-nam đi nơi khác.

Khi ấy có Tưởng tú-tài người Lư-châu đi thi hỏng giở về gặp Đại-nam ở dọc đường, hỏi truyện, khen là có hiếu, bèn cùng đưa đến Lư-châu, ở chợ nhà họ, Tưởng hơn một tháng, gặp ai cũng hỏi thăm, có kẻ nói ở Mân-châu có người lái buôn họ Hề. Đại-nam bèn từ-giã họ Tưởng, để sang Mân. Tưởng tặng cho giầy áo, làng xóm đều đến giúp cho tiền để đi ăn đường. Khi đi đường gặp hai người khách đi sang Phúc-thanh rủ cùng đi. Đi được vài dặm đường, khách biết Đại-nam trong túi có tiền, đánh lừa đến chỗ vắng, trói cả chân tay lại, lột cướp lấy cả tiền bạc rồi đi mất. Khi ấy có Trần ông ở Vĩnh-phúc đi qua, bèn đến cởi trói cho Đại-nam để lên xe sau đưa về nhà. Trần ông nhà giàu, lái buôn ở các nơi nhiều người ra vào cửa ông ấy. Ông dặn các khách buôn ở về miền nam, bắc, hỏi dò hộ tin-tức cha Đại-nam, và lưu Đại-nam ở đó, cùng học với lũ con ông ấy. Đại-nam từ đấy không đi đâu nữa. Nhưng càng ngày càng xa nhà không biết nhà tin-tức ra làm sao

Hà Chiêu-Dung ba bốn năm giời ở nhà một mình, Thân-thị lại giảm bớt lương, không cấp cho nữa, bắt hiếp đi cải-giá. Nhưng Hà-thị chịu khó làm lấy mà ăn, quyết chí không cải-giá; Thân-thị cưỡng bắt đem bán cho người lái buôn ở Trùng-khánh. Người lái bắt hiếp đem đi, đến đêm Hà-thị lấy dao đâm cổ, người lái bức hiếp không được, phải đợi cho khỏi dấu bị thương, lại chuyển bán cho anh lái ở Diêm-đình. Khi đến Diêm-đình, Hà-thị lại lấy dao đâm vào bụng, thủng suốt trông thấy cả phủ-tạng. Lái Diêm-đình thất-kinh, phải chạy thuốc chữa cho khỏi. Hà-thị xin đi tu, anh lái dỗ dành bảo rằng: « Ta có một người bạn kia không có cái dâm-cụ, chỉ muốn mua một người về để may vá, giá thử lấy người ấy thì cũng chả khác gì đi ở chùa làm vãi, và lại đền được tiền vốn của ta mua.

Hà-thị xin vâng. Anh lái bèn thuê xe đưa sang. Khi đến nhà, chủ-nhân ra đón, té ra là Hề.

Nguyên Hề từ khi ra đi đã bỏ nghiệp nho đi buôn bán, vì không có vợ cho nên anh lái kia mới gán cho. Khi trông thấy nhau cùng tủi cùng thương, cùng kể lể khúc nhôi, Hề mới biết Hà-thị đã có con, mà con còn đi tìm cha chưa thấy về.

Hề bèn nhờ các bạn buôn đi hỏi dò la hộ tin tức Đại-nam.

Chiêu-Dung khi trước là lẽ nay được lên làm vợ cả. Nhưng chải mấy phen gian-nan khổ-sở, hay đau yếu, không làm lụng gì được, thường khuyên Hề lấy vợ lẽ.

Hề sợ lại mắc tai vạ như lần trước, không nghe, Hà nói: « Thiếp có phải là người tranh giường, tranh gối như ai, thì mấy năm trước thiếp đã theo người khác đẻ con rồi, bây giờ sao lại được đoàn-tụ cùng chàng nữa. Vả lại bị người ta lăng-áp mình, mình đã đau đớn trong lòng, có lẽ nào đến mình, mình lại bắt chước người ta sao? »

Hề bèn dặn chúng bạn hỏi mua hộ một người độ ngoài 30 tuổi để về làm nàng hầu. Gần nửa năm giời, người bạn mới mua hộ được một người nàng hầu đưa về, té ra là người vợ cả trước Thân-thị.

Hề rất lấy làm quái lạ!

Nguyên Thân-thị ở nhà một mình, được hơn một năm, anh lái Bảo khuyên Thân-thị đi lấy chồng khác, Thân-thị nghe theo, nhưng còn điền-sản của họ Hề thì bị họ hàng người ta giữ, Thân-thị không bán được, chỉ bán được những đồ tư-trang của mình, cả thảy được vài trăm bạc, cuốn séo đem về nhà anh. Có người lái buôn ở Bảo-ninh, nghe tiếng Thân-thị có của, mới dỗ dành cho Bảo nhiều tiền, hỏi lấy Thân-thị, thế nào lại vớ phải chú lái già ngom không bằng ai. Thân-thị oán anh, bực chồng, cứ lồng lộn lên ở trong nhà, lúc thì đòi thắt cổ, lúc thì toan liều mình xuống giếng, cực kỳ là nhiễu. Anh lái giận lắm, lột hết cả tư-trang, định đem bán cho người khác làm kẻ đắng-thiếp. Nhưng ai cũng hiềm là già ngoại ba mươi tuổi đầu rồi, không ai hỏi chi đến.

Anh lái sắp sang buôn ở đất Quí, nhân thể đem Thân-thị cùng đi, tình cờ gặp người lái cùng ở một chợ với họ Hề, hỏi mua lấy rồi đem đi.

Khi Thân-thị trông thấy Hề, vừa thẹn, vừa sợ không dám nói câu gì cả, Hề hỏi người lái, mới biết truyện đầu đuôi; bèn nói rằng: « Giả sử nàng vớ được anh giai trẻ trung, thì nàng ở Bảo-ninh, chớ không khi nào gặp nhau được nữa, cũng chẳng qua là giời cả. Nhưng bây giờ ta mua nàng hầu, chớ không phải là ta cưới vợ cả. Vậy nàng phải lạy Chiêu-Dung để cho tỏ cái lễ đích thứ mới là phải. »

Thân-thị xấu hổ. Hề nói: « Ngày trước mày làm cả thì thế nào? »

Hà-thị khuyên giải xin thôi. Hề không nghe, cầm roi bắt ép phải lạy. Thân-thị bất-đắc-dĩ phải lạy, nhưng không chịu thừa phụng gì cả, chỉ làm lụng ở riêng một nhà, Hà-thị cũng dung thứ cho không nỡ xét nét rằng siêng hay lười.

Hề thường cùng với Hà-thị ngồi yến ẩm vui chơi, lại đòi Thân-thị ra hầu hạ sai khiến. Hà-thị gọi đứa thị-tì khác để thay, Hề không nghe.

Gặp khi ấy có ông Trần Tự-Tôn ra làm tri-huyện Diêm-đình; Hề vì cãi nhau với một người làng, người làng bèn bới truyện Hề bức-thê vi-thiếp vào thưa quan huyện.

Trần công không hỏi, mắng đuổi ra.

Hề cùng Hà-thị lấy làm mừng, đều có ý cám ơn quan huyện.

Một đêm kia, đã hết canh một, chợt thấy tên gia-đồng gõ cửa vào báo có quan huyện đến. Hề cả sợ, vội vàng tìm khăn áo mặc để ra đón, thì quan đã vào đến cửa nhà trong. Hề lại càng sợ hãi luống cuống.

Hà-thị trông rõ, chạy ra nói rằng: « Ối cha ôi! con ta rồi! »

Bèn khóc hu hu lên, Trần công cũng phục xuống đất khóc nức nở.

Nguyên là Đại-Nam đã đỗi theo họ Trần đi thi đỗ làm quan.

Khi Đại-Nam từ kinh-đô chầy về, vòng đường về qua làng cũ, hỏi truyện ra mới biết hai mẹ đã đi lấy chồng cả rồi, thì rất là đau đớn thương xót. Người trong họ biết Đại-Nam đã làm nên, bèn giao giả cả ruộng nương nhà cửa.

Trần bèn sai đầy tớ sửa sang nhà cửa, chỉ mong đợi cha về. Chốt có chỉ được bổ tri huyện Diêm-đình. Trần muốn từ quan để đi tìm cha.

Trần ông cố can ngăn mãi; chợt gặp một người thầy bói, mượn xem một quẻ bói. Thầy bói đoán rằng: « Nhỏ lại ở lớn, thiếu lại làm trưởng, cầu hùng (giống đực) được thư (giống cái), cầu nhất được lưỡng. Cứ xem như quẻ này, thì làm quan đại-cát. »

Trần bèn đi phó-nhậm, vì chưa tìm thấy cha, dẫu làm quan mà vẫn ăn chay không uống rượu.

Giữa hôm ấy, nhận được lá đơn của một người đến thưa, xem ra lại trùng họ Hề, trong bụng lấy làm ngờ, bèn sai tên đầy tớ thân đi hỏi dò xem, thì quả nhiên là cha mình. Đến đêm cất lên ra xem lại gặp cả mẹ, càng tin lời thầy bói là thần. Khi giở ra về, dặn đừng tiết-lộ, và đưa ra 300 bạc, nói xin cha mẹ sắm sửa hành-trang về quê nhà. Khi về đến nhà thì đã thấy nhà cửa dọn dẹp sáng choang, đầy tớ xe ngựa râm rịch, rõ ra một nhà đại-gia.

Thân-thị thấy Đại-Nam đã hiển-quí, lại càng lo sợ. Anh là Bảo lại bới truyện ra thưa quan, để tranh ngôi chính thất cho em. Quan xét biết thực tình phán rằng :

« Mày đã tham của, xui em lấy chồng, từ khi bỏ Hề đã trải hai đời chồng, lại còn mặt mũi nào về tranh ngôi đích thứ nữa. »

Sai nọc ra đánh, từ đấy danh phận hai người cả lẽ lại càng phân-minh. Thân-thị phải làm đàn em Hà-thị, nhưng Hà vẫn gọi Thân là chị, từ thức ăn uống sống áo, Hà cũng không để riêng một mình. Thân trước còn sợ Hà có ý thù mình, đến đây thấy thế lại càng thẹn càng hối. Hề cũng bỏ qua cả sự xấu cũ, cho người nhà đều gọi Thân là Thái-mẫu, nhưng chỉ không được dự vào sắc-phong mà thôi.

Lời phê bình. — Dị-sử-thị rằng : — Con tạo thực là khéo thay ! Làm điên-đảo chúng-sinh không ai biết đâu mà lường được. Anh Hề kia chỉ lúng-túng vì truyện vợ cả, vợ lẽ mà không hay tự-lập được, cũng là một anh chồng hèn. Nếu không có con hiếu, vợ hiền, thì Hề sao lại gặp được sự kỳ-ngộ như thế ?

LIỄU-TRAI

Đông-châu NGUYỄN HỮU-TIẾN *dịch*

Khúc Bạch-vân-phú

白雲浮新曲

Giời dày đọa,
Xuống trần ai,
Là cái vạ,
Hay chi sắc với tài ?

Một kiếp người,
Trăm năm giấc-mộng,
Bồi hồi,
Bể thảm dầy vơi.

THỜI-ĐÀM

(Từ ngày 20 tháng 2 đến ngày 20 tháng 3 năm 1918)

VIỆC THẾ-GIỚI

Nga hòa với Đức-Áo. — Mới đây có điện Nga đã ký hòa-ước với Đức-Áo. Sự đó cũng chẳng lấy gì làm lạ. Các nước Đồng-minh vẫn biết sẵn đã lâu rằng cứ chính-phủ nước Nga ngày nay thì tất-nhiên đến thế. Vả đã mấy tháng nay Đồng-minh có trông cậy nước Nga được tí gì; hết loạn ấy đến loạn khác, việc nước còn chưa yên, mong giúp gì việc chiến-tranh. Từ khi hội-nghị với Đức-Áo bàn sự đình-chiến, sự giảng-hòa, thì từ đấy đã công-nhiên phản-bội với Đồng-minh rồi. Nay ký hòa-ước, thế là sự phản-bội ấy hoàn-toàn vậy. Nhưng khỏi cái nạn ở ngoài, cái loạn ở trong đã đến ngày hết chưa? Cứ tin tức về nội-tình nước ấy thì chưa dám có cái hi-vọng như thế. Bọn ký hòa-ước ngày nay, chẳng qua là một đảng trong nước, không phải là đại-biểu cả quốc-dân nước Nga. Đảng ấy ngày nay đương lộng-lẫy, nhưng chắc đâu ngày mai còn được vững bền? Tất có đảng khác nổi lên mà cái nguồn nội-loạn không bao giờ dứt vậy.

Tình-hình nước Nga thực là cái gương hiển-nhiên rằng một nước không thể giây phút bỏ hoại được cái kỷ-cương trong nước. Muốn cải cách việc chính-trị một nước, dùng sự bạo-động không bao giờ thành. Bọn Cách-mệnh Nga kia tưởng phá-hoại Đế-chính cũ rồi thì quốc-dân tự-nhiên được hưởng cái hạnh-phúc thái-bình tự-do. Không biết rằng phá-đổ thì dễ mà gây dựng mới khó. Từ đó đến nay, bọn cách-mệnh Nga đã gây dựng được công-cuộc gì? Chỉ thấy trong thì loạn trật-tự, ngoài thì nhục quốc-thể, từ nay công-nhiên cúi đầu dưới cái ách bọn Đức-Áo vậy.

Gần đây đọc thấy trong báo Tây một việc như sau này, đủ chứng cái tư-tưởng của bọn cách-mệnh Nga. Có chiếc tàu chiến Nga đỗ ở cửa bể Nhật-bản. Thuyền-viên phần nhiều thuộc về đảng cách-mệnh quá-kích (*bolchevik*), Lên cạn vào chơi trong thành-phố Nhật-bản trông thấy người Nhật kéo xe tay, lấy làm trái nghĩa bình-đẳng dân-chủ, khi giở về đòi viên thuyền-trưởng phải làm giấy đàn-hạch chính-phủ Nhật-bản sao lại dung một cái nghề dã-man ngược nhân-đạo như cái nghề kéo xe ấy!... Ấy cái hư-tưởng của bọn cách-mệnh Nga lên đến cực-điểm như thế!

VIỆC Á-ĐÔNG

Việc phòng bị của nước Tàu nước Nhật đối với xứ Tây-bá-lợi-á (Sibérie). — Gần đây cuộc bàn hòa nước Nga với nước Đức đã thành là sự thực, nước Nhật-bản vì cái vấn-đề ấy, lo cuộc hòa-bình ở Á-đông phải gánh cái trách-nhiệm phòng bị, nên có tiếng đồn rầm lên rằng Nhật-bản sẽ đem binh lới Tây-bá lợi-á, chỗ ấy là đất Nga giáp với Tàu, chủ-quyền có đất thuộc về nước Tàu, việc phòng bị phải tự nước Tàu lo liệu lấy; huống chi nước Tàu cũng đã tuyên-chiến với Đức-Áo, thì phàm nước nào hòa riêng với Đức chắc hẳn cũng là phản-đối với nước Tàu không sai. Tự lúc việc loạn nước Nga lan đến mặt đất Cáp-nhĩ-tân (Kharbine), chính-phủ Bắc-kinh đã phái-binh đến đó đàn-áp để phòng loạn-dân Nga có chân sang. Nay nhân Nga đã đình hòa với Đức, mà những bọn Ngoại-Mông-cổ 外蒙古 lại thừa cơ cướp bóc, cho nên chính-phủ Bắc-kinh đã ủy thác cho quan Đốc-quân Tân-Cương 新疆 Dương Tăng-Tân 楊增新 phái-binh ngăn giữ. Nghe mới đây lại ủy cho quan Tham-chiến-cục Tổng biện Đoàn-kỳ-Thụy 段琪瑞 tổ-chức quân-đội đi các chỗ ấy phòng-bị cho nghiêm-nhặt. Tuy vậy thế nào mặt ấy Nhật-bản cũng phải dự ứng-tiếp với nước Tàu, cho nên tới lúc cần đến, Nhật-bản cũng phải phái quân-đội thật nhiều đi để giúp sự phòng-bị cho nước Tàu, khiến quân giặc

không hở chỗ nào vào được. Tóm lại không kể tình thế nước Nga dù biến đổi đến thế nào, phía bắc châu Á-tế ả ta, có nước Tàu nước Nhật hiệp sức nhau ngăn giữ. Cuộc hòa-bình chắc vững vàng không có ngại gì cả.

* * *

Đảng Nam đảng Bắc nước Tàu tranh đánh nhau. — Đời đến ngày nay, các nước đương vì nhân-đạo công-lý ra sức để cầu được cái kết-quả hòa-bình sau này, mà nước Tàu còn trong nước phân-li, anh em trong nhà mỗi người giữ một toán quân cùng xâu xé nhau, đó cũng là một điều không may cho Trung-quốc. Cứ tin tức gần đây, nội-dung chính-cục nước Tàu trong đảng Bắc lại khuynh-loát lẫn nhau, Tổng-thống Phùng hiện đương ở cái địa-vị rất khốn-nạn. Từ khi đi Tế-nam 濟南 về, nghĩ là cái mục-đích đánh đảng Nam tiến-hành đến nơi được, không ngờ đã hạ lệnh đánh mà chính phái chủ-chiến lại không chịu xuất binh! Bao nhiêu quân đội Vũ-hán 武漢 (Vũ-xương 武昌, Hán-khẩu 漢口) toàn không có bụng đánh, Trương Kính-Nghiêu 張敬堯 cũng đổi hẳn thái-độ cũ, tỏ ý không đánh đảng Nam, Lữ-đoàn thứ 16 của Phùng Ngọc-Tường 馮玉祥 quản-lĩnh thì tung-hoành ở Vũ-huyệt 武穴 phản-đối với Trung-Ương, tuyên bố thệ-sư đi đánh Nghê Tự-Xương 倪嗣沖. Về mặt các tỉnh kia, Tứ-xuyên 四川 thì một dải Phú-thuận 富順, Thuận-khánh 順慶 để vào tay Hùng Khắc-Vũ 熊克武 (đảng Nam) hết, Lưu-tỉnh 流井 cũng bị quân Vân-nam 雲南 chiếm được. Ở Quảng-đông, 廣東 thì tuy có tin quân Long Tế-Quang đã đi tới Triệu khánh 肇慶, nhưng ở Dương-giang 陽江, Liêm-giang 廉江 nghe đánh nhau với quân đảng Nam cũng không được lợi. Ở Thiểm-tây 陝西 thì từ lúc Hồ Cảnh-Hưng 胡景興 (đảng Nam) đánh đến Tây-an 西安, Đốc-quân Thiểm-tây Trần Thụ-Phiên 陳樹藩 cũng điện về kinh cáo-cấp mãi, còn mặt Tương-giang thì hai đốc-quân, tỉnh Tô 蘇 (An-Huy) và tỉnh Chương 贛 (Giang-tây) cũng mỗi người đứng riêng một mặt. Cứ các báo Tàu chép đều nói quân đảng Nam sở-dĩ tiến-thủ được là vì cái cớ đảng Bắc phân-ly nhau, mà đến nỗi phân-ly thế là vì trong đảng Bắc có cái phái muốn lập mưu để khuynh-đảo Tổng-thống Phùng 馮. Hiện nay Vương Sĩ-Trân 王士珍 hôm 20 tháng 2 vừa rồi, đã từ chức Tổng-lý, lấy Tiền-Năng-Huấn 錢能訓 quyền thay, chưa biết nội-các sau này về tay ai tổ-chức? Nói tóm lại chính lẽ ra nước Tàu nên thôi cuộc tranh nhau ở trong, liên-hợp với liệt-cường Đồng-minh để hết cái trách-nhiệm giữ cuộc hòa-bình Đông-Á. Thế mà cùng nhà vác giáo đánh nhau, để biến-loạn mãi, không biết ngày nào thôi, khiến cho người ta không hiểu được những kẻ đương-cục ở nước Tàu ra làm sao?

VIỆC TRONG NƯỚC

Việc Hoàng-Thượng ra chơi Bắc-kỳ. — Hiện chưa biết rõ ngày nào Hoàng-Thượng tới Bắc-kỳ. Nhưng cũng ước vào trung-tuần tháng tư tây (tức là đầu tháng 3 ta) Như bản-báo đã nói trong *Thời-đàm* kỳ trước, quan Toàn-quyền Xa-lộ sẽ đặt trọng-lễ để nghênh-tiếp Hoàng-Thượng ta. Ở phủ Toàn Quyền đương sửa soạn phòng riêng để đón Hoàng-Thượng nghỉ tại đấy. Hiện Chính-phủ sắp họp một hội-đồng các quan để định các nghi-tiết cho hợp thể-thống cũ trong nước.

Việc Hoàng-Thượng ra chơi ngoài Bắc ta là có một cái ý-nghĩa cao-thượng ở đấy, sau này tất có ảnh-hưởng đến cuộc chính-trị trong quốc-dân. Đồng-bào ta ai là người thực bụng yêu nước, biết cái chính-sách quảng-đại của quan Toàn-Quyền Xa-lộ, chắc cũng đã hiểu cái ý-nghĩa ấy thế nào. Bọn ta biết rằng cái Chính-sách quan Toàn-Quyền là chủ gây cho cõi Đông-dương này thành một đoàn-thể thống-nhất, thành một quốc-gia hoàn-toàn, để một ngày có đủ tư-cách ra sánh vai với liệt-quốc trong hoàn-cầu. Thế nào gọi là một đoàn-thể? Đoàn-thể là gồm nhiều phần lại làm một, gồm nhiều dân có quan-hệ với nhau về đường địa-lý, về đường lịch-sử, mà làm thành một nước nhớn. Những dân ấy rời nhau đan-độc một mình thì yếu, họp nhau đồng-tâm cộng-tế thì mạnh. Nhưng cái sức mạnh của đoàn-thể chẳng qua là gồm cả sức mạnh của mỗi phần. Quan Toàn-Quyền Xa-lộ cùng cả chính-phủ Mẫu-quốc cũng đã hiểu rằng muốn cho dân An-nam thành một bộ-phận rất mạnh trong cái toàn-thể Đông-dương thì phải liên-lạc cả người dân An-nam thành một đoàn thể vững bền, gây cho nước Nam có một cái quốc-hồn, chớ không phải là

cái thân-thể không có linh-hồn như từ xưa đến nay nữa. Nói rút lại là phải khôi-phục cái cuộc nhất-thống của nước Việt-nam này, có nhất-thống thì mới có quốc-hồn được. Nhưng cái cuộc nhất-thống ấy, cái mối quốc-hồn ấy phải tìm ở đâu ? Nam-kỳ là một đất mới, không phải là nơi rốn tổ của giống Việt-nam, mà thành Sài-gòn thì là chỗ tứ-chinh-quân-cư, không có cái phong-thể một chốn đại-đô. Bắc-kỳ tuy là nơi phát-tinh của giống Lạc-Hồng, nhưng cũng là một chốn biên-trấn hay sảy ra nhiều sự biến-động, mà thành Hà-nội thì dẫu là Thăng-long cổ-đô mà cũng đã mất cái thanh-danh cũ đi nhiều, thành một nơi phố-phường buôn bán. Duy có thành Huế mới thực là nơi trung-tâm của nước Đại-việt ta, thực xứng đáng làm một chốn Đế-đô. Bản-triều phát-tích ở đấy, vua là hình-ảnh tổ quốc, Triều-đình là thần-mày chính-trị đều ở đấy; cái quốc-hồn của Đại-việt ta tất cũng phải ở đấy mà phảng-phất đâu ở chốn núi Ngự sông Hương vậy. Huế không phải là nơi phồn-hoa rộn-rịp, Huế không phải là chỗ buôn bán sầm uất ; Huế sở-dĩ là Huế là bởi cái nghĩa nhất-thống nó làm thenlàm chốt cho cuộc lịch-sử nước Nam ta từ hơn hai trăm năm đến giờ.

Chính-phủ Bảo-hộ thực đã thấm-nhiều cái nghĩa đó. Mấy lần quan Toàn-Quyền Xa-lộ vào yết-kinh, lại ngày nay Hoàng-Thượng ta ra ngự Bắc tức là để hiểu cái nghĩa nhất-thống mà bảo cho quốc-dân ta biết quay mặt về nơi Đế-đô mà chiêm-ngưỡng cái hình-ảnh của Tổ-quốc.

Bởi thế nên ta nói việc Hoàng-Thượng ra chơi Bắc-kỳ là có một cái nghĩa sâu ở đấy. Dân xứ Bắc, ta nên nhân dịp này tỏ lòng trung-thành với Triều đình, tỏ lòng trung-thành với chính-phủ Bảo-hộ đã có bụng khoan-dung đại-độ với ta như thế, tỏ lòng kính-mến Đức Kim-Hoàng, mà chúc mừng cho niên-hiệu Khải-định từ nay mở ra một thời-kỳ mới trong cuộc tiến-hóa của dân Việt-nam ta vậy.

***

Tế Giao. – Bản-báo Chủ-bút đã đi kinh từ ngày 20 tháng 3 để xem tế Giao ngày 24-25. Cuối tháng này về Hà-nội, kỳ sau sẽ có bài thuộc về những sự kiến-văn ở chốn kinh-đô.

Bài nghiên-cứu về lễ Giao cũng sẽ đăng báo kỳ sau. Bản-báo đã dụng-công tham-khảo các sách tàu sách ta để xét tường về cái ý-nghĩa lễ Giao cùng lịch-sử lễ Giao từ thượng-cổ đến giờ, và mỗi đời thay đổi thế nào ; rồi kể đến Giao-tự của Bản-Triều cùng cái hình-thức lần lễ này thế nào. Tưởng cũng là một bài sử-học có ích vậy.

***

Hội Đô-thành Hiếu-cổ xã. (Association des Amis du Vieux Huế). — Bản-báo chưa có dịp nói đến một hội rất hay lập ra ở Huế đã được ba bốn năm nay. Hội ấy là hội *Đô-thành-hiếu-cổ-xã*. Cứ cái tên Hội thì biết mục-đích hội là họp những nhà « hiếu-cổ » để khảo-cứu về những di-tích nơi Đế-đô. Ai cũng biết Huế là chỗ nhiều danh-tích : đền-đài, lăng-tẩm, cung-điện, tự-miếu, cổ-bi, cổ-khí, cho đến phong-thể cũ, uy-nghi cũ, lề-lối cũ, nhân-vật cũ đều cũng là ở Huế cả. Vậy muốn thu lấy cái hình ảnh nước Nam đời xưa không gì bằng nghiên-cứu những di-tích ở Huế bây giờ. Hội *Đô-thành-hiếu-cổ-xã* muốn giúp sự nghiên-cứu ấy nên có in tập báo ba tháng xuất-bản một kỳ để là *Bulletin de l'Association des Amis du Vieux Huế*, biên-lập rất kỹ, ấn-loát rất đẹp, kỳ nào cũng nhiều tranh vẽ rất khéo, giở qua một lượt mấy quyển đã xuất-bản từ năm 1914 hình như trông thấy cái cảnh-tượng, cái uy-nghi cũ của nước nhà. Ôi ! giữa cái thời-đại danh-lợi bôn-xu này, mà còn có người lấy lòng hiếu-cổ làm chủ-nghĩa, thực đáng khen, mà đáng phục thay ! Đáng phục nhất là các quan Đại-Pháp, vốn không sinh-trưởng ở xứ này, ở phương xa lại, cái học-vấn, cái tư-tưởng khác người nước ta, mà biết cảm, biết yêu, biết quí, biết chuộng những nơi cổ-tích của ta như thế. Vì hội *Hiếu-cổ-xã* là khởi-xướng ra tự mấy quan Đại-Pháp ngự kinh đã lâu năm. Hội cũng có cả hội-viên An-nam, là những bậc danh-nhân cao-sĩ ở kinh-đô.

Ước gì Hà-thành ta là nơi Thăng-long cổ-đô cũng xướng-lập được một hội như thế. Nhưng những danh-tích Thăng-long ta ngày nay còn gì ? không kể những danh-tích tự Lê-triều, như chùa Bảo-thiên, như cung chúa Trịnh, ngay đến cái nền đồ viên gạch vỡ cũng không còn ; ngay những di-tích của Bản-triều cũng đã gần hết cả. Tiếc thay !

Nhân dịp tế Nam-giao, hội *Đô-thành-hiếu cổ-xứ* có mở một cuộc đấu-sảo mĩ-thuật An-nam. Bản-báo chủ-bút về Kinh tất có dịp xem và sẽ thuật cho các bạn đọc báo biết.

*
* *

Quan phủ Vương Tứ-Đại, tri-phủ Điện-bàn (Quảng-nam). — Kỳ trước ông NGUYỄN BÁ-TRÁC ở phần chữ nho có bài khen quan phủ VƯƠNG TỨ ĐẠI và kể cái chính tích hay của ngài ở phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam. NGUYỄN chủ-bút là người tỉnh Quảng-nam, nên được biết tường và cảm cái đức cao chính tốt của phủ-đài. Nay bản-báo lại khen riêng phủ-đài vì một nhẽ nữa: Phủ-đài nguyên là một nhà tây-học, các bạn đọc báo tất nhiều người quen và nhiều người biết tiếng. Nay xuất-chính mới được một năm mà tiếng thơm đã lừng trong một hạt, thực là làm danh-dự cho cả bọn tân-học nước ta. Vậy bản-báo xin thay nhời bọn tân-học ta mà kính mừng quan phủ Vương đã biết lấy cái học mới, cái tài mới, mà gây nên một gương tốt trong quan-trường.

*
* *

Học-chính tân-lệ. — Thể-lệ mới về việc học, bản-báo đã nói qua trong một kỳ báo trước, bắt đầu thi-hành từ ngày 15 tháng 3 này. Quan Toàn-quyền ta trước đã chỉnh-đốn pháp-luật, nay lại chỉnh-đốn học-chính, thực là tuần-tự mà thực-hành cái chính tốt, sắp đến ngày kết-quả hay.

Kỳ sau bản-báo sẽ dịch mấy chương trình trong tập *Học-chính tân-lệ* ấy.

*
* *

Từ Tổng-đốc tiễn quan Công-sứ Quảng-nam. — Bản-báo mới tiếp được bài diễn-thuyết của quan Tổng-đốc Quảng-nam TỪ-THIỆP đọc khi tiễn-biệt quan công-sứ Liệt-ti-linh (LESTERLIN) về nghỉ Tây. Xin đăng toàn-văn sau này:

« Rày mai Quan-lớn sẽ về Nước-nhà, là một nước hiện nay đương còn đem tính-mạng, đem tài-sản mà dành quyền tự-do cho nhân-loại, ấy là một nhịp đáng tiếc đáng nhớ, không những cho tôi, mà cũng cho cả dân tỉnh Quảng-nam này nữa.

« Năm 1915, tôi vào Tổng-đốc tỉnh này được gặp Quan-lớn, việc quan việc dân, đều nhờ quan-lớn giúp đỡ cả.

« Quan-lớn vẫn là một nhà chánh-trị giỏi bên nước Đại-Pháp, mà là một tay cai-trị am-thuộc tình-thế ở An-nam, mà thứ nhất là am-thuộc tình-thế tỉnh Quảng-nam này. Khoan mà dân không dám nhờn, nghiêm mà dân không lấy làm khắc; ra việc án-kiện thì lấy thước công-bình mà đo, những người những lạm tham-gian lại càng ghét lắm. Cầm quyền trị dân, mà kiêm cả chức trách dạy dân và nuôi dân nữa. Mấy lần mộ lính, lấy nghĩa-vụ mà hiểu cho dân, không ép uổng ai mà dân vui lòng đi nhiều. Phát bạc cho bà con lính mộ cùng thơ từ lính mộ gửi về, thì sắp đặt một cách rất là châu-đáo.

« Việc quốc-trái thì hiểu-dụ dân, mà dân đem tiền cho vay nhiều.

« Lòng thương yêu dân không thể nào mà hình-trạng được, khi dân cát-cứ thì lòng thương yêu ấy lại càng sốt-sắng lắm. Tổng Hưng-thạnh, An-thạnh ruộng đất bị nước mặn, thì trừ ho dân 5 năm công-ích để đắp giữ. Hai tổng ấy đã trồng lúa được nhiều.

« Năm kia bị bão; năm nay bị lụt to, xin bạc chẩn-cấp cho kẻ bị nạn và hưng-công đợi chẩn để giúp cho dân nghèo.

« Còn như việc thuế, làng nào dân điêu-háo, đất ruộng xấu, thì giảm hạng; lại còn làng nào đất ruộng thiếu hoặc lở, thì cho đo lại cho đúng số, cùng các chợ bị lụt, đều được giảm thuế.

« Huyện Tiên-phước là một hạt trù-mật mà lâu nay ít kẻ đi lại. Nay nhờ quan-lớn hết sức ân-cần mở mang ra, cho nên thiên-hạ đi lại đông đảo biết đường nào. Độ đầu năm 1917 quan đốc-công đi vắng, quan-lớn trông nom công việc làm cầu đường trên huyện ấy, trong năm bảy tháng nữa, xe ngựa đã đi lại đến trên ấy, thì việc thương mại sẽ càng tiện-lợi, rồi huyện Tiên-Phước sẽ trở nên một chốn đô-hội.

« Dịp này gạo mắc, thì sức cho tàu thủy chở gạo về bán nhiều, và sức các nhà buôn cùng nhà nông nhiều lúa, bình giá bán cho dân.

« Khoản dẫn-thủy-nhập-điền, tuy quan trên cho giúp dân công-ích làm việc ấy, mà quan-lớn bàn cùng ông chủ xe nước, giúp gạo cho dân ăn mà làm.

« Những công việc ấy, tôi chắc đã dựng nên một cái bia khắc-công ở nơi miệng dân, đã xây nên một cái đài kỷ-niệm ở trong lòng dân ; núi Ngũ-hành càng cao, sông Sài-giang càng sâu, thì công việc ấy lại càng không quên mãi mãi.

« Mấy nhời tóm tắt trên ấy, không dám nói rằng đủ làm một quyển sử mà chép hết những công việc của Quan-lớn đã làm cho tỉnh này, nhưng gọi là mấy nhời để mà tỏ lòng riêng mến nhớ của tôi. Tôi đám chắc rằng, những công việc Quan-lớn ở tỉnh này, hoặc còn có việc đã làm mà chưa kết-quả, việc toan làm mà chưa tạo-nhân, thì Quan-sứ mới tôi đây (1), cũng làm cho thấu tới mục-đích, cho chính-sách hoàn toàn mà cho dân tỉnh Quảng-nam này càng ngày càng thêm sự thịnh-lợi.

« Tôi xin thay mặt quan, dân tỉnh Quảng-nam mà chúc mẫu-quốc toàn-thắng, và chúc về phần riêng quan lớn hai chữ bình-an, hai chữ bình-an ấy rất có ý-vị, rất có tình-nghĩa, tôi xin gửi nhời nhờ Quan-lớn cắt nghĩa lại cho bà-lớn và các cô con nghe.

« Khi Quan-lớn về tới nơi, tôi chắc rằng linh mộ Quảng-nam ở bên ấy, đã từng được thơ của bà-con nó nói về sự gia-hương để nhờ quan-lớn chiếu-cố được châu toàn, thì sao chúng nó cũng đều nức lòng cảm-tạ quan-lớn lắm. Việc ở nhà đã khỏi phiền lo, thì lòng báo-quốc lại càng bền chặt, mà đeo đuổi cho đến ngày trừ hết giặc dã-man mới thôi.

« Thôi mấy lời tặng-biệt Quan-lớn, tôi không nói nữa, nhưng trước khi tôi không nói nữa, tôi xin thêm một lời rằng : tôi nói tạm-biệt chứ không nói vĩnh-biệt, tạm-biệt thì quan-sứ mới và tôi đây, lại có duyên may mà gặp được quan-lớn một ngày kia nữa, mà ngày ấy có lẽ là ngày toàn-thắng, là ngày báo-tiệp của Mẫu-quốc, thì duyên gặp gỡ của chúng ta vinh hạnh biết là chừng nào ! »

(1) Là ông GALTIER.